

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

=====

TU THÂN

=====

SOẠN GIẢ: HT. LÊ VĂN THÊM

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai • không • một • năm

Ebook được làm theo tài liệu được phổ biến trên Website **DAOCAODAI-CHAUUU.EU** của **Văn Phòng Đại Diện Cao-Đại Châu Âu**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỆN TẠI LÊ VĂN THÊM, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI-CHAUUU.EU** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 15/10/2015

Tâm Nguyễn

**SOẠN GIÁ
HT. LÊ VĂN THÊM**

TU THÂN



Publisher
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
(Non-profit Religious Organisation)
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone # 408-238-6547
Fax# 408-440-1372

TU THÂN

Soạn giả: HT. Lê Văn Thâm

SÁCH BIỂU — KHÔNG BÁN Book Not for sale

Thực hiện:

Nguyễn Ngọc Dũ – Nguyễn Văn Cầu

Nguyễn Đăng Khích

Nguyễn Đăng Điền – Nguyễn Ngọc Dao

Xuất Bản:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

(Ấn hành tháng 12-2010 tại Hoa Kỳ)



MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	9
TU THÂN	13
PHẦN I:	
THÂN VÀ TU THÂN VỚI TAM GIÁO	15
▪ I- THÂN VÀ TU THÂN VỚI KHỔNG GIÁO.....	15
□ A- THÂN VÀ LẦM LỐI.....	16
□ B- TU THÂN.....	19
▪ II- THÂN VÀ TU THÂN VỚI PHẬT GIÁO.....	22
□ A- THÂN.....	22
□ B- THÂN LÀ NGUỒN GỐC CỦA TỘI LỖI.....	23
□ C- THÂN LÀ NGUỒN GỐC CỦA KHỔ ĐAU.....	27
1.- Qua Kinh Kệ:.....	27
2.- Cuộc đời Đức Phật:	28
▪ III- THÂN VÀ TU THÂN VỚI LÃO GIÁO.....	32
□ A- LÃO TỬ VỚI THÂN LÀ KHỔ.....	32
□ B- TRANG TỬ VỚI THÂN VÀ VỮ TRỤ HUYỀN ĐỒNG.....	33
PHẦN II:	
THÂN VÀ TU THÂN VỚI ĐẠO CAO ĐÀI.....	41
▪ I- DẪN NHẬP.....	41
□ A- TÌM SỰ THẬT.....	43
□ B- VẤN ĐỀ TRƯỜNG SINH HAY SỐNG LÂU.....	45
□ C- ĐẦU LÀ HẠNH PHÚC.....	47
□ D- THẤY SỰ THẬT.....	49

□ E- MỘT CÂU CHUYỆN VỀ SỰ THẬT ĐEM LẠI HẠNH PHÚC.	52
□ G- THẤY SỰ THẬT VỀ THÂN ĐỂ LO TU.	54
■ II- THÂN VAY MƯỢN – THÂN VÔ THƯỜNG.	57
□ A- THÂN VAY MƯỢN.	58
1.- Giáo Lý Đạo Cao Đài Về Thân Vay Mượn.	58
2- Thân Vay Mượn Theo Lão Trang.	71
3- Đối Diện Với Thân.	75
□ B- THÂN VÔ THƯỜNG.	82
1- Niềm Vui Với Lý Vô Thường.	83
2- Vui Do Biết Có Vô Thường.	88
3- Không Biết Có Vô Thường Là Mê Lắm.	92
4- Vô Thường Là Chân Lý.	94
■ III- THÂN QUÍ.	98
□ A- THÂN QUÍ VỚI ĐẠO LÃO.	99
□ B- THÂN QUÍ THEO GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT.	104
1- Lời Nói Của Đức Phật:	104
2- Kinh:	105
□ C- THÂN QUÍ THEO GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.	110
1.- Kinh:	112
2.- Cơ:	113

PHẦN III:

TỔNG LUẬN VỀ TU THÂN 121

■ I- ĐẠO CAO ĐÀI NHO TÔNG CHUYỂN THỂ.	124
■ II- ĐẠO CAO ĐÀI PHỤC HƯNG TÔNG CHỈ PHỐI THIÊN CỦA KHỔNG GIÁO.	125
■ III- ĐẠO CAO ĐÀI PHỤC HƯNG CÁCH TU THÂN CỦA KHỔNG GIÁO.	131

□ A- CÁCH TU THÂN CỦA KHỔNG GIÁO.....	132
1.- Sách Đại Học:	132
2.- Thiên Đại Học vấn:	136
□ B- CÁCH TU THÂN CỦA PHẬT GIÁO.....	140
1.- Điển tích:.....	141
2.- Kinh Kệ:	142
* Kết luận:.....	144
□ C- CÁCH TU THÂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.....	145
1.- Đạo Cao Đài Một Tôn Tồn Giáo.	145
2.- Cách Tu Thân theo Kinh Cơ và Ngũ Lục của Đạo Cao Đài.....	159
KẾT LUẬN	177
TRI ÂN.....	183

LỜI GIỚI THIỆU

THƯA QUÝ ĐỒNG ĐẠO, QUÝ THÂN HỮU VÀ QUÝ ĐỌC GIẢ,

Trong năm 2009, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã hân hạnh giới thiệu quyển “*Giới, Đường tới Thiên Đàng*” của soạn giả Hiền Tài Lê Văn Thêm nhằm giúp cho quý Đồng Đạo, quý Thân hữu và quý Đọc giả thấy rõ đâu là con đường tới Thiên Đàng, làm cách nào để đi tới Thiên Đàng và bất cứ ai cũng có thể đến đó được.

Nay, một lần nữa Ban Thế Đạo Hải Ngoại hân hạnh giới thiệu tiếp quyển “*Tu Thân*” cũng chính do HT. Lê Văn Thêm biên soạn.

Hiền Tài Lê Văn Thêm thuở nhỏ theo học trường Đạo Đức Học Đường và sau đó tiếp tục theo học tại Lycée Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho và Lycée J.J Rousseau (Chasseloup Laubat), đậu Tú Tài Phần Hai Pháp, Ban Triết.

Sau khi đậu Tú Tài Phần II, Hiền Huynh làm nghề dạy học tại các trường học ở Sài Gòn, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Tây Ninh... v...v... Đến năm 1958, Hiền Huynh trúng tuyển vào Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Sài Gòn và tốt nghiệp trường này vào năm 1961.

Từ năm 1962 đến 1975, Hiền Huynh phục vụ trong Chính Phủ qua những chức vụ cao cấp và chức vụ sau cùng là Giám Sát Viên, Viện Giám Sát Việt Nam Cộng Hoà.

Năm 1988, Hiền Huynh định cư tại Úc Đại Lợi

và tiếp tục theo học tại Đại Học Deakin University, Melbourne và tốt nghiệp Đại Học này với bằng Graduate Diploma in Interpreting & Translating được Chính Phủ Úc Đại Lợi công nhận là Thông-Phiên Dịch Quốc Gia Úc Đại Lợi.

Tại Úc Đại Lợi, Hiền Huynh tu tại gia và trong hơn hai thập niên qua, Hiền Huynh đã dày công nghiên cứu về giáo lý tam giáo Nho, Thích, Lão và giáo lý Đạo Cao Đài. Hiền Huynh đã viết rất nhiều bài luận giải về tôn giáo mà một số đã được đăng trên Tập San Thế Đạo, các báo Đạo Phật... v....v...

Ngoài ra, trong nhiệm vụ phổ truyền chơn pháp Đại Đạo, Hiền Huynh thỉnh thoảng cũng đã đi thuyết giảng giáo lý ở một vài nơi để giúp cho một số đồng Đạo tinh tiến hơn trên đường tu tập và một số người ngoài Đạo hiểu rõ hơn về Đạo Cao Đài.

Trong quyển “*Tu Thân*”, Hiền Huynh đã nghiên cứu chuyên sâu, phân tích tỉ mỉ về Thân và Tu Thân trong giáo lý tam giáo Nho, Thích, Lão và đặc biệt là Tu Thân trong giáo lý Đạo Cao Đài. Hiền Huynh đã vạch rõ cho thấy đâu là sự thật về Thân để con người không còn mê lầm, vô minh tham đắm sắc thân hầu có hướng Tu Thân đúng đắn theo Kinh, Cơ, Ngũ lục của Đạo Cao Đài để trong cuộc sống đời thường được bình an, hạnh phúc và khi rời khỏi cõi đời được thăng thang trên đường siêu thăng, giải thoát.

Nhận thấy quyển *Tu Thân* này rất có giá trị về mặt Tu học và có tính cách “*Khuyến Tu*” nên Ban Thế Đạo Hải Ngoại hân hạnh giới thiệu cùng quý Đồng Đạo, quý Thân hữu và quý Độc giả.

Trân trọng giới thiệu.

San Jose, ngày 15-10-2010.

TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Tổng Quản Nhiệm,

HT. Nguyễn Ngọc Dũ

TU THÂN

NGUỜI TU TRƯỚC TIÊN CẦN HIỂU BIẾT VỀ GIỚI VÀ TIẾP THEO LÀ CÓ CÁI NHÌN ĐÚNG ĐẮN VỀ Thân.

Như đã trình bày ở phần Giới, một người muốn tu mà không chịu hành trì Giới cấm thì công tu dù có nhưng chứng quả sẽ không, vì Giới không giữ thì Thân Tâm không tịnh, không định, việc tu hành sẽ chao đảo, mông lung. Có được chăng chỉ là phước hữu lậu mà thôi, còn việc tái sinh với kiếp con người chưa chắc giữ được, khó thể nói đến siêu thăng hay giải thoát.

Giữ Ngũ Giới có nghĩa là giữ được kiếp làm người, chẳng những tránh được ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà với kiếp người thì còn có thể tiếp tục tu hành. Đó là nhờ cái nhìn chín chắn nên giữ được Giới.

Còn về Thân.

Có cái nhìn đúng đắn về Thân sẽ giúp người tu có được Chánh kiến, tránh được vô minh, nhờ đó ít khi bị mê lầm trên bước đường đi đến siêu thăng giải thoát.

Nói tóm lại, sau khi cẩn thận hành trì Giới cấm, bước thứ hai là Tu Thân. Muốn tu thân người tu trước nhất phải có cái nhìn đúng đắn về Thân mình mà giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng như giáo lý Tam Giáo có chỉ dẫn rất rõ.

PHẦN I THÂN VÀ TU THÂN VỚI TAM GIÁO

KHI NÓI ĐẾN TU THÌ NGƯỜI NGOÀI ĐỜI HAY NGƯỜI CÓ ĐẠO THƯỜNG HAY NÓI TU TÂM CHỚ ít khi nói đến Tu Thân. Thí dụ như Đạo Nho thì nói Tu Tâm dưỡng Tánh; Đạo Lão thì nói Tồn Tâm luyện Tánh và Đạo Phật thì nói Minh Tâm kiến Tánh.

Tôn giáo nào cũng chú ý tới việc Tu Tâm vì cho đó là con đường siêu thoát.

Dù vậy, nhưng đối với nhiều người, khi được hỏi về Tâm, chẳng hạn như Tâm là gì, thì câu trả lời đối với khái niệm trừu tượng này sẽ gặp ít nhiều khó khăn. Còn nếu hỏi Tâm ở đâu, thử chỉ ra xem, thì lúc đó bất cứ ai cũng không thể quên cái Thân này được.

Không có Thân thì không thể nói Tâm. Phải có cái Thân cụ thể thì mới nói đến Tâm trừu tượng được.

Như vậy, Thân là hình tướng hiển lộ của mỗi con người.

Do đó, muốn Tu Tâm ít nhất phải lo Tu Thân trước đã. Xin được bàn đến Tu Thân trong Tam Giáo, bắt đầu bằng Khổng Giáo.

I- THÂN VÀ TU THÂN VỚI KHỔNG GIÁO.

Khác với Lão giáo hay Phật giáo chú trọng nhiều vào việc siêu thăng hay giải thoát, Đức Khổng Phu Tử, vị

Giáo chủ Khổng Giáo, khi dạy người đời đã đặc biệt chú trọng vào việc Tu Thân ngay tại thế gian này.

Đối với Đức Khổng, việc Tu Thân là quan trọng nhất, là việc phải làm trước tiên. Đức Ngài dạy “*Tu Thân, Tề gia, Trị quốc, Bình Thiên hạ*”, có nghĩa là con người khi muốn Tề gia, Trị quốc hay Bình Thiên hạ thì trước tiên phải lo Tu Thân. Nếu Thân chưa tu thì thôi đừng nói chi đến Tề gia, Trị quốc. Điều quan trọng, việc cần thiết phải làm trước tiên, đó là phải lo Tu Thân trước. Mà muốn Tu Thân thì phải Cách vật, Trí tri, Chánh Tâm, Thành ý để hiểu cho thật đúng đắn cái Thân này. Chính Thân này, cái hình tướng hiển lộ, là nguồn gốc của nhiều hạnh tốt việc lành, và chính nó cũng là nguyên nhân của không biết bao nhiêu lỗi lầm mà người đời ít ai tránh khỏi.

A- THÂN VÀ LẦM LỖI.

Nói về Thân và lầm lỗi, có một câu chuyện sau đây liên quan đến Đức Khổng Phu Tử với hàm ý là con người không ai tránh khỏi lỗi lầm cũng chỉ vì cái sắc thân này.

Chuyện kể rằng: Có hai người liên hệ mật thiết với Đức Khổng Tử, một là Tế Dữ, hai là Tử Vũ.

Tế Dữ là người có tư tưởng thanh cao, ý chí và năng lực mãnh liệt, có thể làm nên việc lớn. Đức Khổng Tử hy vọng với Tế Dữ thì nghiệp cả có thể đạt thành nên rất tin tưởng ở Tế Dữ.

Tuy nhiên Tế Dữ lại có tật hay ngủ và nhất là thích ngủ ngày. Nhiều lần nghe nói và cũng có lần Đức Khổng Tử nhìn thấy Tế Dữ ngủ.

Đức Khổng Tử nghĩ rằng đối với một người còn quá

ham ngủ như vậy, còn có quá nhiều đam mê, mềm yếu thì làm sao có thể thực hành yêu cầu quá cao được. Đức Khổng Tử thấy người có nhân cách như Tể Dũ không được, không thể hoàn thành nhiệm vụ, vì còn tham đắm dục lạc dễ gây lỗi lầm nên không gán gửi nhiều nữa.

Lại có một lần khác, Đức Khổng Tử đến đất Võ Thành mà người đứng đầu là Tử Du. Khổng Tử đến đó do lời mời của Tử Du với mục đích để Khổng Tử được xem cách Tử Du xây dựng và sắp xếp quy cũ, ngăn nắp lãnh địa này.

Khổng Tử đến Võ Thành xem qua phong cảnh, sinh hoạt dân tình, cảm thấy rất thích thú vì vậy nên Ngài đã hết lời ca ngợi Tử Du. Ngài hỏi Tử Du có phải chăng nhà người ở đây đã được một nhân tài nào giúp đỡ nên mới gây tạo dinh cơ quang cảnh, đời sống cho trăm dân tốt đẹp, sung túc và hạnh phúc như thế này?

Qua câu hỏi của Đức Khổng Tử, Tử Du trình bày sự thật có một người tài giỏi giúp sức. Người đó tên là Nghiên Đài Diệt Minh, một người rất nghĩa khí làm việc vì công ích chứ chẳng tư riêng. Người ấy không khi nào đến tư dinh của Tử Du để nói chuyện lợi danh hay mưu cầu lợi ích riêng tư gì cả. Khi nào người ấy đến là chỉ vì việc công mà thôi.

Nghe Tử Du nói đến đây, Khổng Tử cảm thấy bồi hồi, choáng váng. Ngài biết người mà Tử Du nói đó chính là Tử Vũ. Tử Vũ có lần đến cầu kiến Đức Khổng Tử và nhận ông làm Thầy.

Hôm Tử Vũ đến nhằm lúc Đức Khổng Tử không vui. Hơn thế nữa, vừa nhìn qua Ngài thấy Tử Vũ có bộ

dạng xấu xí nên tiếp đãi Tử Vũ rất lạnh nhạt gần như miễn cưỡng. Vì lý do đó nên Tử Vũ chỉ ở lại vài ngày rồi từ tạ ra đi. Khổng Tử không ngờ người đó là một nhân tài dù rằng hình dạng khó coi.

Nghĩ đến hai chuyện đã qua đối với Tể Dũ và Tử Vũ, Đức Khổng Tử bất giác than rằng Ngài đã làm mất Tể Dũ chỉ vì dựa vào lời nói và cách nhìn để chọn người. Cũng như Ngài đã đánh mất nhân tài Tử Vũ chẳng qua là phán đoán người qua diện mạo mà thôi.

Câu chuyện trên đây cho thấy Đức Khổng Phu Tử là bậc Thánh Hiền thế mà vẫn còn có lầm lỗi. Vậy thì con người, dù bất cứ người đó là ai, khi còn mang thân phàm, xác thịt thì làm sao tránh khỏi được lỗi lầm. **Một vị được đời xưng tụng “Vạn Thế Sư Biểu” là Đức Khổng Tử mà còn lỗi lầm thay. Vậy thì con người thế gian làm sao tránh khỏi được.**

Lỗi lầm ai cũng có. Nhưng điều quan trọng là làm sao tránh được lỗi lầm. Theo giáo lý của nhiều Tôn giáo, mà đặc biệt nhất là Nho, Thích, Lão, con người sở dĩ có lầm lỗi, con người sở dĩ gây nên tội ác, đó chẳng qua là con người có cái Thân.

Cái Thân nhục thể này nó hàm chứa lục dục, thất tình. Từ nó mà xuất sinh không biết bao nhiêu nguồn ác. Nó là nguồn gốc của đam mê, lầm lẫn, tham ái, chấp ngã, vô minh. Nó luôn luôn thôi thúc, đòi hỏi và xúi dục con người đi vào nẻo đường bất thiện nếu con người không biết lo tu.

Muốn tu, điều quan trọng trước tiên là con người phải làm sao thấy được bản chất thật sự của Thân mình.

Phải thấy rõ, thấy đúng và đặt nó đúng vào vị trí của nó. Muốn như thế con người phải huân tập nó, tức phải tu sửa, dùng để nó như bất cứ một con thú hoang nào khác, đói ăn, khát uống, ham muốn vô độ, chỉ có gây đau khổ cho tự nó và gây hại cho tất cả muôn loài.

B- TU THÂN.

Nói đến Tu Thân, Đức Khổng Tử cho đó là một con đường khó khăn và cần phải trường kỳ. Vì sao? Vì con người hằng ngày, hằng giờ, hết năm này qua tháng nọ, mắt thấy sắc rồi đắm mê theo sắc, miệng thích ăn và muốn ăn toàn những món ngon; cứ háms danh, mê sắc, tham tài; nói tóm lại là để cho sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý mặc tình ruỗi dong chạy theo muôn vẻ, muôn màu, muôn sắc của trần cảnh bên ngoài.

Đó là do bản ngã sinh tồn, một bản ngã tự nhiên của súc sống vươn lên, nhưng cái tự nhiên ấy nếu không được kiềm chế, nó lại vùi dập làm sa đọa cái thân này.

Vậy, muốn tỉnh thức nó, muốn thuần hóa nó, điều cần yếu là phải thực hành một cuộc phấn đấu liên tục, đó là Tu Thân.

Về việc Tu Thân, phấn đấu với bản thân, có một câu chuyện sau đây liên quan đến Đức Khổng Phu Tử và người môn đệ thân yêu của Ngài là Tử Cống.

“Tử Cống theo học Khổng Tử nhiều năm, tự đánh giá về kiến thức và đức độ đều đã có bước tiến bộ đáng kể. Nhưng theo lời nhận xét của Nhan Hồi thì Khổng Tử thuộc dạng vĩ nhân, càng tìm hiểu càng thấy sâu, càng chiêm ngưỡng càng thấy đáng kính, dạy bảo học trò không

biết mệt, luôn luôn cuốn hút người khác. Vì vậy, Tử Cống cảm thấy học hành tu dưỡng không có giới hạn, học bao nhiêu cũng chưa đủ, nhưng bản thân dường như có phần mệt mỏi, lực bất tòng tâm. Thế là nảy ra ý định xin Khổng Tử cho nghỉ phép một thời gian để xả hơi.

Hôm đó, nhân lúc Khổng Tử rảnh rỗi, Tử Cống đến bẩm báo: *“Thưa Thầy, con theo học Thầy đã nhiều năm, được Thầy chỉ bảo, con đã có bước tiến nhất định. Đến nay con cảm thấy tài trí của mình đã tới một hạn độ mà không thể tiến triển thêm được nữa. Vì vậy con muốn xin Thầy cho nghỉ ngơi một thời gian.”*

Khổng Tử hỏi: *“Con muốn nghỉ ngơi ư? Vậy con định nghỉ ngơi như thế nào?”*

Tử Cống thưa: *“Con muốn đi theo Đức Vua để nghe sai khiến.”*

Khổng Tử gay gắt: *“Muốn phụng sự Đức Vua thì phải cần mẫn chăm chỉ, có thể ví như trượt trên lớp băng mỏng, chuyện đó đâu phải dễ, làm sao con có thể nghỉ ngơi được.”*

Tử Cống lại nói: *“Vậy thì con về quê phụng dưỡng Cha Mẹ.”*

Khổng Tử nói: *“Muốn phụng dưỡng Cha Mẹ, thì một mặt phải vất vả làm giàu để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt vật chất của Cha Mẹ, mặt khác phải cung kính hiếu thuận, làm cho Cha Mẹ cảm thấy thoải mái. Muốn làm được như thế thì con còn nghỉ ngơi vào lúc nào được”.*

Tử Cống nói xin: *“Cho con về nhà vui với vợ con được không?”*

Khổng Tử nói: *“Cuộc sống gia đình muốn được hạnh*

phúc mỹ mãn thì giữa vợ chồng phải hòa thuận ăn ý, con cái ngoan ngoãn chăm học, xem ra cũng chẳng dễ dàng gì. Liệu con có nghĩ ngơi được không?”

Tử Cống đành phải xuống nước: “*Thôi thì cho con về quê cày ruộng vậy, những việc khác con sẽ không làm nữa.*”

Khổng Tử bảo: “*Thế con tưởng làm ruộng nhẹ lắm sao. Nay nhé, phải kịp thời cày bừa cho tơi đất, rồi bón phân gieo cấy cho đúng thời vụ, tiếp đó là thu hoạch. Năm này qua năm khác, vụ tiếp vụ, mùa nổi mùa, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, gian khổ cực nhọc lắm, con còn xả hơi vào lúc nào?”*

Tử Cống cảm thấy bị dồn vào ngõ cụt, đành chất vấn lại Thầy: “*Cứ như lời Thầy nói thì người quân tử sẽ được nghỉ ngơi vào lúc nào?”*

Khổng Tử nói giọng thâm thúy: “*Con thấy dòng sông chảy mãi không ngừng, bất kể ngày đêm theo tận cùng năm tháng đó không. Sự nghỉ ngơi của người quân tử đại thể cũng như vậy!”*

Tử Cống tỏ ra vô cùng cảm kích: “*Quả là vĩ đại. Sự sống không ngừng sinh sôi. Phấn đấu không biết mệt mỏi. Chỉ đến khi xuôi tay nhắm mắt, thì người quân tử mới coi là thật sự được nghỉ ngơi.*”

Qua câu chuyện nêu trên, Đức Khổng Tử muốn dạy cho các môn đệ Ngài biết phải làm thế nào để Tu Thân, thành một bậc hiền nhân quân tử, để sau đó có thể bước vào ngưỡng cửa Thánh Hiền.

Muốn trở thành hiền nhân quân tử, con người phải liên tục phấn đấu không ngừng với bản thân mình, giống như nước đang chảy trong lòng sông vậy. Cuộc phấn đấu

bắt đầu ở tự thân, có nghĩa là phần đầu với bản thân mình trước nhất, tức phải Tu Thân.

Để Tu Thân, Tử Cống sau khi lãnh hội và thấu triệt lời dạy của Thầy đã nói: “*Ngộ nhật tam tỉnh ngộ thân*”, có nghĩa mỗi ngày ba lần Tử Cống phải hồi quang phản chiếu, tự soi rọi lại bản thân mình, tự hiểu thân mình, quán chiếu hầu thấy cái sai, cái dở, cái yếu của mình mà sửa đổi.

Tóm lại, câu “*Ngộ nhật tam tỉnh ngộ thân*” đã trở thành lời dạy về tu dưỡng Thân Tâm, giúp người người có dịp thấy rõ thật tướng của Thân Tâm mình, để đặt nó vào đúng vị trí của nó qua không gian và thời gian, xem xét lại để có thể hoàn thiện nhân cách và nâng cao được phẩm chất tư tưởng, hay đi xa hơn nữa là tịnh hóa Thân Tâm. Chính với mục đích thanh tịnh Thân Tâm, nhất là thuần hóa cái bản thân mê muội đa dục này mà trong sách Đại Học, Đức Khổng Tử mới nói như sau: “*Tự Thiên tử chi ư thứ dân, gia dĩ Tu Thân vi bản.*”

Tu Thân là căn bản, dù Vua hay dân cũng vậy. Tu Thân vi bản là phải làm sao? Theo tiến trình nào?

Sách Đại Học đã có dạy rõ, xin được trình bày ở Phần Kết luận.

II – THÂN VÀ TU THÂN VỚI PHẬT GIÁO.

A – THÂN.

Nói về Thân, giáo lý Đạo Phật có tam thể Thân. Đó là Pháp Thân, Hóa Thân (hay Ứng Thân) và Báo Thân (hay Xác Thân).

Trong phạm vi bài viết về Tu Thân, chỉ có Báo Thân

được bàn đến. Còn Pháp Thân và Hóa Thân sẽ được đề cập cùng với Báo Thân khi nói về Tâm.

Theo giáo lý của Đạo Phật thì Báo Thân, hay nói rõ hơn là xác thân có hai thứ:

– **Thứ nhất:** Là Báo Thân của những bậc có nhiều công phu tu hành, trong đời này hiện thân Bồ Tát để cứu độ chúng sanh hay Báo Thân của những vị có nhiều căn kiếp tu như Độc Giác, Duyên Giác, hoặc những vị trong hàng Thanh Văn, những vị đã tu và đã bước vào phẩm vị Hiền hay Thánh. Những vị này nhờ vào công phu và căn kiếp tu nên có Báo Thân hay nhục thân thường tốt đẹp, không bị tật nguên, lục căn đầy đủ.

Tóm lại, Báo Thân ở đây có nghĩa là xác thân tốt đẹp nhờ tu. Báo Thân này tiếng Phạn gọi là Sambhogakaya.

– **Thứ hai:** Trái với Báo Thân của Đức Phật hay các vị Bồ Tát, vì lòng Từ bi thị hiện độ đời, cứu vớt sanh linh, hầu hết chúng sanh có được Báo Thân là do nghiệp duyên dẫn dắt, do cha mẹ sinh ra để trả vay nghiệp quả đã gây tạo từ muôn kiếp trước. Đây là Báo Thân để đền bù quả báo, do Luật Nhân quả Luân hồi chi phối. Báo Thân do nghiệp báo tạo thành này tiếng Phạn gọi là Karmakaya mà Karma có nghĩa là nghiệp báo và thân do nghiệp báo cũng có nghĩa là tội lỗi.

B- THÂN LÀ NGUỒN GỐC CỦA TỘI LỖI.

Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, ngay từ bài đầu, Đức Phật đã dạy chúng sinh rằng nguồn gốc của tất cả tội lỗi đều do thân mà ra. Nói khác hơn, thân là nơi phát sinh mọi tội lỗi và cũng là nơi chứa đựng mọi tội lỗi. Nó

như một rừng tội lỗi mà người mang nó không hề hay biết.

Đức Phật nói:

*“Đệ nhất giác ngộ:
Thế gian vô thường,
Tứ đại khổ không,
Ngũ ấm vô ngã,*

* * *

*Tâm thị ác nguyên,
Hành vi tội tấu.
Như thị quán sát
Tiệm ly sanh tử”.*

nghĩa là nếu người nào tỉnh giác thì trước tiên sẽ thấy rằng thế gian này là không gì cả. Nó vô thường. Nó chỉ là một trạm dừng chân cho tất cả mọi người; có đến rồi lại đi. Nó chẳng khác nào một căn phòng trong quán trọ mà người dừng chân chỉ là một khách lữ hành.

Nhưng khổ thay, người dừng chân lại không thấy như vậy. Khách lữ hành khi đến dừng chân cứ tưởng rằng phòng trọ hay khách điếm kia là nơi mình định cư vĩnh viễn, muôn đời.

Đây là cái thấy của những ai vẫn còn mê lầm, chưa tỉnh thức, chưa thấy bản thể thế gian cũng như chưa biết rõ thực tướng của bản thân mình.

Thực tướng của bản thân con người thực ra có gì là lạ đâu. Nó chỉ là một mớ đất, nước, gió, lửa tạo thành từ nơi tinh Cha, huyết Mẹ. Nó là *“Tứ đại khổ không”*. Nó được lưu lại trần gian này lâu lắm trên dưới một trăm năm. Thế mà người có nó cứ tưởng là nó vĩnh hằng trường cửu.

Rồi từ cái chấp vĩnh hằng trường cửu này mà con người đã tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi, gây không biết bao nhiêu nghiệp chẳng lành.

Đó cũng là do chấp mà ra, vì thế mới nói “*Tâm thị ác nguyên, hành vi tội tâu*”, tức từ Tâm mà xuất sinh tất cả nguồn ác và từ thân mà hành vi tội lỗi được tạo thành, do đó mới có câu: “*Tâm là nguồn ác xuất sinh, Thân là rừng tội mà mình chẳng hay*”.

Để chỉ rõ việc chấp thân tạo tội này, trong nhà Phật có câu chuyện “*Nhân Duyên Đập Bể Lư Đất*” được kể trong Truyền Đăng Lục như sau:

Ở dãy núi Tung Sơn có một vị Hòa Thượng tu hành nhiều năm đắc Đạo.

Cũng trong dãy núi Tung Sơn này, tại một vùng nọ, có một ngôi cổ miếu nằm trong rừng hoang vắng âm u.

Người chung quanh vùng cho biết giữa Chánh điện của ngôi cổ miếu có thờ một cái lư bằng đất nung rất linh ứng.

Nhiều người trong vùng cho rằng chiếc lư này là hiện thân của một Thần vật linh thiêng. Bất cứ ai, nếu đi ngang qua ngôi cổ miếu này, biết cung kính cuối đầu đánh lễ thì được ban phước.

Còn trái lại, ai không tin, coi thường thì sẽ bị giáng họa trừng phạt. Dân trong vùng vì sợ bị giáng họa nên thường xuyên mang lễ vật đến cúng. Hằng năm có nhiều gia súc bị giết chết để tế lễ nơi đây.

Một hôm nọ, vị Hòa Thượng Thiền Sư trên núi Tung Sơn đi ngang qua đó cùng với một số đệ tử. Ngài nghe

tin đồn nên cùng các đệ tử bước vào ngôi miếu để xem coi sự thể như thế nào.

Lúc bước vào trong ngôi miếu, Thiền Sư Hòa Thượng chỉ thấy duy nhất có một cái lư bằng đất nung để giữa ngôi cổ miếu với một lư hương. Vì Hòa Thượng bèn dùng thiền trượng gõ nhẹ vào cái lư đất và nói đây chỉ là một cái lư bằng đất nung mà thôi chớ nào phải Thần Thánh gì đâu mà gọi là linh ứng. Tại sao người ta lại sợ sệt, cúng vái lung tung, rồi sát hại không biết bao nhiêu là gia súc vô tội để tế lễ một món vật dụng không có giá trị như thế này, thật tội nghiệp cho không biết bao nhiêu gia súc đã chết vì cái lư bằng đất này. Nói xong vị Hòa Thượng gõ thêm ba cái vào lư đất. Lư đất bị bể tan và vị Hòa Thượng cùng các đệ tử bỏ ra đi.

Đi được một quãng xa, vừa đến cận đầu làng, vị Hòa Thượng bỗng gặp một ông lão râu dài mặc áo xanh quì bên vệ đường để đánh lễ vị Hòa Thượng. Hòa Thượng ngạc nhiên hỏi ông là ai?

Ông lão mặc áo xanh thưa rằng: *“Thưa Ngài, tôi là một quỷ thần ở trong vùng này. Một hôm nhân đi ngang qua ngôi miếu gặp phải trời mưa, tôi vào đục mưa, thấy trong ngôi miếu cổ có một cái lư bằng đất nung, tôi vội chấp đó là thân mình và ở luôn trong ngôi miếu cổ. Kể từ đó dân trong làng hễ ai đi ngang qua đây kính sợ tôi, cuối đầu hay cúng vái thì tôi ban phước. Bằng trái lại, ai khinh thường, không cúng vái, hay đi ngang qua không cuối đầu thì tôi giáng họa. Thưa Ngài, chỉ vì lỡ lầm chấp cái lư đất làm thân mình, tá túc vào đó, nương náu ở trong miếu, nên tôi đã làm không biết bao nhiêu là điều tội phước, mà phước thì ít nhưng tội lại nhiều.*

Nay nhờ nghe được lời dạy của Hòa Thượng, cho biết cái lư đất kia chỉ là một vật vô thường vô ngã chớ có gì đâu nên tôi tỉnh ngộ và rời bỏ cái lư đất mà từ lâu tôi lầm chấp là thân mình. Kể từ đây tôi không còn lầm chấp và sát sinh nữa, hết bị ràng buộc bởi một món vật vô giá làm thân nên tôi được tự tại, siêu thoát để vào cõi Thiên giới. Vậy nên tôi đến đây để cảm ơn Hòa Thượng trước lúc ra đi, vì nhờ có Hòa Thượng mà tôi mới tỉnh giác và không còn lầm chấp một vật vô thường làm xác thân của mình nữa”. Nói đến đây cụ già áo xanh biến dạng và đoàn người của Hòa Thượng tiếp tục lên đường.

Câu chuyện trên đây cho thấy chỉ vì chấp thân, chấp ngã, bám víu vào một vật vô thường có thể tan hoại bất cứ lúc nào để làm thân mình mà cụ già áo xanh đã gây ra không biết bao nhiêu là nghiệp báo.

Đây cũng là cái bệnh của rất nhiều người sống trong cõi thế giới ta bà này. Hầu hết ai cũng ham cái thân mình, chấp cái thân là của mình, quyến luyến nó, quá yêu thương lo lắng cho nó mà đã gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi, bao nhiêu nghiệp chẳng lành. Quả thật thân vô thường là nguồn gốc của tội lỗi, nghiệp báo và khổ đau.

C- THÂN LÀ NGUỒN GỐC CỦA KHỔ ĐAU.

Trong nhà Phật, đề tài Thân là nguồn gốc của khổ đau được trình bày với kinh nghiệm qua cuộc đời của Đức Phật cũng như qua Kinh kệ mà Ngài đã thuyết giảng.

1.- Qua Kinh Kệ:

Trong Kinh Tịnh Danh, còn được coi là Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh có đoạn nói như sau: “*Này các nhân*

giả! Cái huyền thân này thật là vô thường. Nó không có sức, không mạnh, không bền chắc, là vật mau hư hoại, thật không thể tin cậy. Nó là ổ chứa nhóm những khổ não bệnh hoạn. Các nhân giả! Người có trí sáng suốt không bao giờ nương cậy nó. Nếu xét cho kỹ thì cái thân này như đồng bọt không thể cầm nắm. Thân này như bóng nổi, không thể còn lâu. Thân này như ánh nắng dọi giữa đồng, do lòng khát ái sanh...

Thân này như cảnh chiêm bao, do hư vọng mà thấy có. Thân này như bóng của hình, do nghiệp duyên hiện. Thân này như vang của tiếng, do nhân duyên thành. Thân này như mây nổi trong giây phút tiêu tan. Thân này như điện chớp, sanh rồi diệt cũng mau lẹ. Niệm niệm không dừng, Thân này không chủ như là đất. Thân này không thật. Thân này là tai họa, vì đủ các thứ bệnh hoạn khổ não”.

Khổ não vì thân không những được trình bày trong Kinh Tịnh Danh mà còn ở nhiều Kinh khác nữa, rõ nét nhất là với giáo lý Tứ Diệu Đế qua lần thuyết pháp đầu tiên có liên quan đến cuộc đời với Đức Phật.

2.- Cuộc đời Đức Phật:

Đức Phật khi còn sống ở thế gian như bao nhiêu khách phàm trần khác cũng đã biết thế nào là trần gian đau khổ và Thân của mỗi chúng sinh vốn là nguồn gốc của khổ đau.

Qua những lần theo Vua cha tuần du hay lễ lạc, Thái Tử Tất-Đạt-Đa đã chứng kiến không biết bao nhiêu cảnh khổ đau của vạn vật, muôn loài. Muôn loài chúng sanh luôn luôn tìm cách bách hại, xâu xé, cắn giết lẫn nhau chỉ vì lòng tham và sân hận hay vì sự sống. Rồi cũng sau

nhiều lần kế tiếp đi du ngoạn ngoại thành, Thái Tử lại tận mắt nhìn thấy bao cảnh sanh, già, bệnh chết, khổ não, đau thương. Tóm lại, cuộc đời của Đức Phật Thích Ca là một chuỗi dài kinh nghiệm liên quan đến thân là khổ.

Vì thấy đời là khổ, mang lấy thân này là khổ nên Thái Tử cố mong tìm con đường giải thoát để làm sao tránh được những khổ đau. Đây là lý do mà Ngài rời bỏ Hoàng cung để đi tìm Đạo, tìm con đường diệt khổ, tìm chân lý sau cùng có thể dẫn dắt con người tránh được khổ đau.

Để tìm được chân lý, trước tiên Ngài chọn lối tu khổ hạnh. Thế rồi qua nhiều năm ép xác, nhận chịu thiếu thốn, đói khát, Ngài mới biết đó không phải là cách để cho Ngài đạt được Đạo giải thoát. Cuối cùng, sau khi uống một ít sữa, không sống ép xác nữa và qua 49 ngày ngồi dưới cội bồ đề để thiên định, Ngài đã đạt được Đạo.

Sau khi đắc Đạo, và để cứu độ chúng sanh, để tài bài pháp đầu tiên Ngài thuyết tại vườn Lộc Uyển cho năm anh em ông Kiều Trần Như nghe cũng liên quan đến sự “*Khổ*”.

Qua bài pháp này, Ngài cho biết sở dĩ con người khi sinh ra, mang lấy hình hài thân xác này và phải khổ đau, đó là do duyên nghiệp và huân tập mà Ngài gọi là Tập Đế. Vì có Tập đế nên mới có Khổ đế, nghĩa là có khổ do ham muốn, tham ái, đắm mê, bám víu, v.v. mà con người đã huân tập từ lúc sơ sinh, nói khác hơn, kể từ lúc sơ sinh con người đã tập bước chân vào bể khổ.

Hình ảnh của khổ đau đến với con người từ lúc sơ sinh đã được ghi trong Kinh điển nhà Phật, biểu hiện rõ qua cảnh Đức Phật sơ sinh tắm mà tại nhiều chùa hay

nhiều nơi thờ phượng đã tạo ra những cảnh quang để trình bày chân đế này.

Với ảnh tượng tại nhiều chùa, người ta thấy Đức Phật sơ sinh khi tắm được hai vòi nước nóng và lạnh từ trên Trời trút xuống. Theo nhà Phật thì Đức Phật tắm hoặc với hai vòi nước ấm lạnh này, hoặc do tám vòi nước mà Bát Vị Long Vương xúm đến phun ra chụm lại cho Ngài tắm.

Đây là hình ảnh biểu hiện quang cảnh linh thiêng, trong sạch, tinh khiết, mà cũng là hình ảnh tượng trưng cho cuộc đời của con người phải chịu khổ đau từ lúc sơ sinh.

Nói tượng trưng vì thật ra khó có thể quan niệm được một trẻ sơ sinh mà có thể đứng tắm dưới hai vòi nước từ trên trời rơi xuống, hoặc với tám vòi nước do tám vị Long Vương phun ra chụm lại. Sức nặng của hai vòi nước, hoặc tám vòi nước, phóng xa từ trên trời cao ập xuống, chắc chắn là rất mạnh và rất nặng. Như vậy mà làm sao một cậu bé có thể chịu nổi. Đây chẳng qua là hình ảnh biểu trưng thân phận của con người từ lúc bé thơ, là phải gánh nặng chịu mọi sự khổ đau, những cảnh ảm lạnh của cuộc đời, chẳng khác nào hai vòi nước ấm lạnh kia vậy.

Thật vậy, con người với thân xác này phải gánh chịu không biết bao nhiêu hoàn cảnh thuận nghịch, vui buồn, khen chê, thương ghét, mất còn, v.v. Tất cả những cảnh mà thân con người phải gánh lấy được gọi theo nhà Phật là “*Bát Phong*” tức tám luồng gió độc. Con người từ lúc mới sinh ra cho đến khi nhắm mắt lìa đời luôn luôn bị tám ngọn gió này vùi dập. Đó là: được, mất, vui, buồn, khen, chê, tiếng tốt, tiếng xấu mà Kinh Phật gọi là: “*Lợi, Suy, Quý, Dư, Xưng, Cơ, Khổ, Lạc*”. Tám ngọn gió mà

con người phải gánh chịu đó cũng là hình ảnh Bát Vị Long Vương phun nước trong cảnh quang Đức Phật sơ sinh tắm đó vậy.

Tóm lại, theo giáo lý nhà Phật, con người có thân là có Khổ. Thân là nguồn gốc của tội lỗi, và thân cũng là nơi tích tụ, chịu đựng mọi khổ đau. Cái khổ đau nhất, đó là sự mê lầm, ngu muội hay theo lời Phật là sự vô minh đối với sắc thân này.

Vì vô minh nên con người chấp thân mình là thật. Rồi từ sự mê lầm chấp thân mình là thật, con người lại mê lầm tiếp tục và từ đó là nguồn gốc gây ra bao nhiêu nghiệp chẳng lành.

Nói khác hơn, từ sự vô minh chấp thân, vô minh chấp ngã, mà bao nhiêu vô minh mê lầm khác tiếp nối xảy ra gây một chuỗi dài nghiệp báo khiến con người phải mang theo trong bao kiếp luân hồi.

Muốn tránh được khổ đau khi luân hồi tái kiếp, hay muốn được an vui tự tại ngay khi còn ở cõi đời này, điều cần thiết là con người phải biết lo tu.

Đối với người biết tu thì Báo Thân này thay vì là nguồn gốc của tội lỗi, của khổ đau, là thân bất tịnh, nhờ nhiếp lại trở thành quý báu vô cùng. Quý báu ở chỗ con người có thể dùng thân mình để tu hành, để bước được qua bên kia bờ giác ngộ, để làm Hiền, làm Thánh, làm Tiên, làm Phật mà giáo lý của Đạo Cao Đài và Đạo Phật có nói rõ xin được bàn đến ở phần sau.

III- THÂN VÀ TU THÂN VỚI LÃO GIÁO.

A- LÃO TỬ VỚI THÂN LÀ KHỔ.

Không khác Phật giáo, Lão giáo cũng cho rằng hữu thân là hữu khổ, tức thân của con người là nguồn gốc của mọi khổ đau, tai vạ và lo âu. Chính tại vì có thân mà con người mới đau khổ.

Thật vậy, trong Đạo Đức Kinh nơi Chương 19, Đức Lão Tử đã có nói như sau:

*“Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả,
Vi ngô hữu Thân.
Cập ngô vô Thân,
Ngô hữu hà hoạn”.*

Có nghĩa nếu chẳng thọ tấm thân này để có kiếp sống ở trần gian thì làm gì con người khổ được. Không có thân làm gì có khổ (Cập ngô vô Thân, Ngô hữu hà hoạn). Nhưng sở dĩ con người phải gánh chịu bao nhiêu khổ đau họa phúc, rủi may, tốt xấu, dữ lành là tại vì con người có cái tấm thân này (Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu Thân).

Có được thân rồi, con người lại vì mê lầm nên quá quyến luyến nó, mê đắm nó và lệ thuộc vào nó. Đó là nguyên nhân phát sinh ra nguồn gốc của mọi sự đau khổ mà con người vì tạo nhân nên phải nhận quả.

Muốn đừng nhận quả, điều kiện tất yếu là chớ tạo nhân vì quá đắm sắc thân.

Không tham đắm vào sắc thân, hết còn chấp ngã, coi như thấy được thân này là “*của thổ sẽ phải hoàn lại thổ*” như nói theo Đạo Cao Đài hay “*Thân như điện ảnh hữu*

hoàn vô” như nói theo Đạo Phật, mà với Đạo Lão, đó là biến thân này vào Vũ trụ Huyền đồng thì tất nhiên con người đâu có việc gì phải lo sợ và khổ đau nữa.

Nói rõ hơn, khi đưa ra quan niệm thân này là nguồn gốc của khổ đau, Đức Lão Tử cũng đã chỉ rõ nguồn gốc của những khổ đau kia và muốn tránh nó thì phải làm như thế nào.

Muốn tránh nó con người phải biết Tu Thân mà Đức Lão Tử đã trình bày rất rõ qua nhiều Chương trong Đạo Đức Kinh. Đây là giáo lý của Đạo Lão, mà cũng là giáo lý của Đạo Khổng, Đạo Phật và Đạo Cao Đài. Nói cách khác, tinh túy giáo lý Tam Giáo và Cao Đài Giáo không có gì khác biệt nhau hay đối chọi nhau khi nói đến Tu Thân. Chính vì thế nên mới nói Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qui nguyên Tam Giáo là vậy.

B- TRANG TỬ VỚI THÂN VÀ VŨ TRỤ HUYỀN ĐỒNG.

Trở lại với ý niệm Thân là “*Khổ*” do Đức Lão Tử đề ra mà sau này các vị kế nghiệp Đức Ngài như Trang Tử vẫn cũng quan niệm không khác.

Theo Trang Tử trong Nam Hoa Kinh, nơi Chương 2- Chí Lạc và Chương 41- Đại Tôn Sư, thì “*Trời hay Vũ trụ tức đại khối cho ta mảnh hình hài này, cho ta tấm thân này, cho ta sự sống này để làm cho ta phải đau khổ*”.

Để tránh được khổ đau đó, Trang Tử dù không nói rõ như Đạo Phật, nhưng với phát biểu về thân mình sau khi chết, cũng đã trình bày tỏ tường là thân này vốn của thổ nên phải hoàn lại thổ, nghĩa là, theo Lão giáo, thân này do Âm dương, Ngũ hành tương hợp gây tạo chớ

chẳng gì hơn.

Thật vậy, qua quyển Nam Hoa Kinh nơi Chương 6, 18, và 32, Trang Tử cho thấy Ngài rất xem thường sắc thân này.

Đức Ngài với bản tính phóng khoáng tiêu dao, lạc quan tri mệnh, với giọng văn dí dỏm có khi ôn tồn, có khi ngạo mạn, phát xuất từ tư tưởng xuất thế của một tâm hồn siêu thoát, đúng là truyền nhân của Đức Lão Tử, một bậc truyền nhân không ẩn chứng hay vô văn tự – vì Trang Tử sanh sau Lão Tử hơn 120 năm – nhưng đã tận tâm cố gắng làm sáng tỏ học thuyết của Lão Tử, đặc biệt là tư tưởng về Thân đã được Trang Tử tiếp nối và khai triển rõ hơn.

Cũng như Lão Tử, Trang Tử ngoài việc cho thân này là nguyên liệu để chuyển hóa hay siêu thoát, Ngài cũng thấy thân này là bóng của hình, là vang của tiếng, “*Sống chỉ là gọi thôi*”, “*Sinh ra chỉ là gọi tạm ở đời này*”, vì thế mà “*Sinh ra thì cũng không lấy làm vui, mà chết đi cũng không lấy làm buồn, không tham sống mà cũng không sợ chết*”. (Nam Hoa Kinh, Chương 18)

Chính vì không tham sống mà cũng không sợ chết nên Trang Tử dạy học trò phải coi thường cái thân này cũng như coi thường cái chết.

Ông từ chối việc học trò đem chôn ông sau khi ông chết. Ông bảo cứ để cho Vũ trụ vạn vật tổ chức ma chay cho ông. Cứ để cho gió mây, trăng sao mặt tình đưa ma, hậu táng.

Khác với Đạo Khổng và Đạo Phật chú trọng tổ chức hiếu hỉ cầu kỳ trong việc ma chay, Trang Tử cho đó là những điều phiền toái. Ngài dạy học trò là khi Ngài chết

đi rồi thì thôi cứ mang thầy Ngài mà quăng ra ngoài đồng cho kên kên quạ quạ ăn, Ngài chẳng cần được tế lễ gì hết.

Dù có lời dặn của Ngài nhưng các học trò vì thương Thầy mà vẫn lo sợ. Ngài đoán biết được việc lo sợ này nên nói rõ hơn rằng: *“Ta đã có Trời đất làm quan quách, mặt trời mặt trăng làm ngọc bích, tinh tú làm ngọc châu, vạn vật sẽ đưa ma ta, như vậy còn muốn thêm gì nữa. Như vậy đã là đủ lắm rồi. Nếu không đem xác ta chôn thì các người sợ thú rừng chim chóc bu đến phân thây. Nhưng nếu đem ta chôn thì cũng làm mối cho côn trùng, giun dế thì nào có khác chi. Đàng nào cũng thế”*. (Nam Hoa Kinh, Chương 32)

Sở dĩ Trang Tử có ngôn từ trên liên quan đến mảnh thân bất tịnh của con người là vì Ngài muốn dạy các môn sinh của Ngài một điều, đó là sống chết, còn mất chỉ là lẽ tuần hoàn, và chỉ là “Một” mà thôi. Quan niệm này của Ngài được diễn tả qua câu chuyện sau đây giữa Đức Khổng Tử và môn đệ Tử Cống mà Trang Tử đã ngụ ý kể lại trong Nam Hoa Kinh nơi Chương 6, đoạn 4 như sau do Nguyễn Hiến Lê chú dịch:

“Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán và Tử Cầm Trương ba người kết bạn với nhau, bảo:

– *“Ai có thể liên hệ với nhau mà không để lộ sự liên hệ ấy, giúp đỡ lẫn nhau mà vẫn là vô tâm; ai có thể bay lên trời ngao du trong mây, nhảy nhót trong chỗ vô cực, quên hết sinh tử?”*

Ba người nhìn nhau cười, đồng ý cả và quyết kết bạn với nhau.

Không bao lâu Tử Tang Hộ chết.

Khi hay tin, Khổng Tử sai Tử Cống tới giúp việc

ma chạy.

Tử Cống tới, một trong hai người bạn của người chết nghĩ ra một khúc hát để người kia hòa bằng đàn cầm. Rồi cả hai cùng hát:

Ôi, anh Tang Hộ.

Ôi, anh Tang Hộ.

Anh đã trở về bản thể của anh.

Mà tại tôi vẫn còn làm người!

Tử Cống bèn chạy lại bảo:

– *Xin hỏi hai ông: người chết nằm đó mà đờn ca như vậy có hợp lẽ không?*

Hai người nhìn nhau cười đáp:

– *Như anh mới là không hiểu ý nghĩa của lẽ.*

Tử Cống về kể lại cho Khổng Tử nghe:

– *Họ là người ra sao? Không tu dưỡng đức hạnh, thái độ không đoan trang. Người chết nằm đó mà họ đờn ca, vẻ mặt thân nhiên, không biết phải gọi thái độ của họ là gì, họ là hạng người ra sao?*

Đức Khổng Tử đáp:

– *Họ sống ở ngoài cõi của chúng ta, còn Thầy sống trong cõi. Trong và ngoài không thông với nhau được. Thầy đã cạn suy nên sai anh lại điếu. Họ đánh bạn với Tạo hóa, ngao du trong Vũ trụ, hợp nhất với cái Khí của Vũ trụ. Họ coi sự sống như một cái bướu, coi chết như một cái nhọt vỡ ra. Như vậy coi sinh tử là sự tuần hoàn của cái Khí, không phân biệt trước sau. Họ coi hình hài là một vật để tạm gọi tinh thần của họ, gọi vào hình thể này hay hình thể khác thì cũng vậy thôi. Họ quên lá gan và trái mật*

của họ, không để ý tới tai mắt của họ. Họ coi sinh, tử như lẽ tuần hoàn, đi rồi trở về, không biết đâu là đầu, là cuối. Họ ngang nhiên, bởi hồi sống ở ngoài cõi trần thế, tiêu dao ở cảnh giới vô vi, đâu có chịu sự câu thúc về lễ nghi để hợp với tai mắt của người đời nữa”.

Qua sự giải đáp trên đây, Trang Tử đã mượn lời của Đức Khổng Phu Tử dạy Tử Cống để cho biết một phần nào tinh túy giáo lý của Lão Trang, đặc biệt là diệu lý của Lão Trang về thân xác con người.

Như đã trình bày ở phần trên, Lão Trang coi thân xác con người là nguồn gốc của khổ đau nên mới nói con người có thân phải khổ, chứ nếu con người không có thân thì có khổ vào đâu.

Muốn tránh được khổ đau, hay muốn được giải thoát như nói theo Đạo Phật, hoặc với Đạo Lão là muốn đạt được cảnh giới hư vô của Trời, của Vũ trụ Huyền đồng, thì con người cứ coi “*Sự sống như một cái bướu, coi chết như cái nhọt vỡ ra, coi sinh tử là sự tuần hoàn, coi hình hài hay thân thể này là vật để tạm gởi linh hồn mà thôi*”. (Nam Hoa Kinh, Chương 6).

Như vậy thì đừng nên phân chia, và hãy giải thoát tâm hồn trí não của mình ra khỏi cái óc phân chia sự vật, phân chia sống chết, đừng quá lo lắng cho cái bản ngã của mình, mà nếu không nghĩ đến cái bản ngã mình nữa thì làm gì có lo, thế gọi là Huyền Đồng và như thế con người sẽ đương nhiên được tiêu dao ở cảnh giới vô vi đâu còn bị câu thúc bởi Báo Thân hay xác thân này nữa.

Đây là phần triết lý hay giáo lý quá cao siêu của Đạo Lão.

Triết lý của Đạo Lão khi mới nghe qua mà không nghiên cứu thật kỹ, hoặc chỉ nhìn vào cách tu và cuộc sống của nhiều vị tự xưng môn đệ Lão Trang, phần lớn lo tâm Tiên, luyện phép, nên nhiều người cho rằng Lão giáo chỉ thuần tu Tiên hay chỉ lo luyện đơn để trường sinh bất tử mà thôi. Cách nhìn như vậy cho đến giờ này vẫn chưa đặt Lão giáo vào đúng vị trí của Đạo Lão. Cách nhìn trên đây, cho đến bây giờ cũng là cách nhìn của nhiều người đối với Đạo Khổng.

Thật vậy, giáo thuyết mà Đức Khổng Phu Tử và các môn đệ sinh cùng thời với Ngài đề ra chẳng có gì khác với Đạo Phật hay Đạo Lão. Nói chẳng khác đây là nhằm chỉ phần tinh túy của giáo lý Đạo Khổng, cũng không ngoài mục đích giải thoát con người. Tuy nhiên, phần cốt tủy của giáo lý Đạo Khổng nhằm đưa con người Phối Thiên, hay nói rõ hơn là giải thoát, đã được cố ý đặt qua một bên, hay bị lãng quên.

Việc bỏ qua một bên, hoặc lãng quên phần tinh túy giáo lý Phối Thiên hay Phản Bản Hoàn Nguyên, tức giải thoát, bắt nguồn từ nhu cầu của nhiều nhà nước Á Đông thấy rằng Khổng giáo quả đúng là một Tôn giáo có khả năng đem lại trật tự và an bình cho xã hội. Chính vì mục tiêu này nên Khổng giáo hầu như biến thành Nho giáo thực dụng, mà mục đích không gì khác hơn là tạo ra những bậc “*Phụ Mẫu chi dân*” hay những vị “*Lương y như Từ mẫu*” nhằm đem lại trật tự và hạnh phúc an lành cho xã hội nói chung, hay quốc gia nói riêng.

Việc hình thành và bành trướng giai cấp nhà Nho thực dụng trong Đạo Khổng, dù rằng Nho học đã có trước kia, cũng như việc tu Tiên luyện đơn trong Đạo

Lão, đành rằng cũng có nhằm vào những mục tiêu nhất định của nó, dù vậy đây cũng là nguyên nhân đã chuyển dịch và đã làm lu mờ đi tinh túy giáo lý của Khổng giáo và Lão giáo. Hai Đạo này có mục đích và chân lý để ra cũng không khác gì Đạo Phật cả, duy chỉ có cách tu xuất thế, nhập thế hay tại thế là có phần khác mà thôi, và mỗi cách tu cũng có phân tích cực hay tiêu cực theo riêng mỗi cách, mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Qui nguyên Tam Giáo không ngoài mục đích phổ truyền tinh túy giáo lý tích cực của Tam Giáo mà thôi. Phải chăng đây là điểm để Đạo Cao Đài được gọi là Tân Tôn giáo.

Tóm lại, Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, ba Tôn giáo này đồng vị, đồng nguyên mà trong Thánh Tượng thờ của Đạo Cao Đài Qui nguyên Tam Giáo đã đặt ba vị Giáo Chủ đồng vị như nhau là hoàn toàn đúng, đúng về chân lý, giáo lý, hay mục tiêu tối hậu là giải thoát con người.

Phần đặt lại đúng vị trí của Khổng giáo và Lão giáo trong Đạo Cao Đài xin được trình bày sau.

PHẦN II
THÂN VÀ TU THÂN VỚI ĐẠO CAO ĐÀI

I- DẪN NHẬP.

Có một câu chuyện dân gian mà người xứ Tây Tạng hầu như ai cũng biết. Những người đứng tuổi hoặc các cụ già thường hay nhắc lại cho nhau nghe. Đó là chuyện chim bồ câu làm tổ.

Chuyện kể rằng chim bồ câu vì quá mê chỗ ở của mình mà thức mãi trắng đêm không ngủ để cố lo dọn cái tổ của nó.

Đến lúc dọn chưa xong thì trời đã sáng, thế là không làm sao ngủ được.

Câu chuyện chim bồ câu mê tổ được người Tây Tạng, nhất là các bậc Đại Sư, các vị Lạt Ma căn cứ vào đó để răn dạy người đời.

Các bậc Đại Sư bảo rằng con người cũng mê cái thân mình, giống như chim bồ câu mê tổ vậy.

Đối với chim bồ câu thì cái tổ chẳng qua là nơi tá túc tạm thời thôi, rồi trước sau gì nó cũng phải hư hoại. Đối với người đời, tấm thân con người cũng vậy. Có ai sống mãi được muôn đời. Sớm muộn gì thì tấm thân hình vóc tóc da thọ chi phụ mẫu do tứ đại hòa hợp nầy cũng sẽ rã tan. Ấy thế mà con người lại mê cái thân mình như chim bồ câu mê tổ vậy.

Vì mê tấm thân nên từ lúc được Cha Mẹ sinh ra rồi trải qua suốt cuộc đời ngắn ngủi, con người đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức và gần như hết cả thời giờ

để lo vun bồi tô điểm tấm thân mình.

Chỉ vì tấm thân mà con người chuẩn bị hết việc này rồi lại lo toan thêm bao nhiêu việc khác, có thể nói con người đã dùng trọn cuộc đời mình để lo, miễn làm sao cho tấm thân được sung sướng, ấm no, cao sang, phú quý.

Do mãi lo cho thân mà con người quên rằng thân này đối với mình có khác nào là cái tổ đối với chim bồ câu đậu. Tấm thân này cũng chỉ giả tạm thôi, thế rồi nó cũng theo luật tuần hoàn mà thành, trụ, hoại, không. Nó chỉ như quán trọ đối với một khách lữ hành, chỉ là nơi tá túc tạm thời cho một Chơn linh, một tâm hồn trong một kiếp mà thôi.

Có khách lữ hành nào khi dừng chân nơi quán trọ mà lại nghĩ rằng đó là nơi cư ngụ vĩnh viễn của mình không? Có ai nghĩ như thế rồi lại bỏ công ra trang hoàng phòng trọ hay xây dựng nó càng thêm cao sang đẹp đẽ hơn, rộng rãi hơn không?

Chắc chắn là không? Họ cứ đến, tạm ở, rồi đi chẳng khác nào như một con người đã đến với cuộc đời là lúc được cha mẹ sinh ra để làm kiếp con người, rồi trước sau gì cũng phải để cho tấm thân này trở về với cát bụi, tức lại phải ra đi.

Biết rõ sự thật là như vậy nhưng tại sao con người lại tốn quá nhiều thời gian công sức, có thể nói cả trọn đời mình để chỉ lo tom góp, tóm thâu cho cái thân giả tạm này, rồi chỉ để thình lình lại phải đối diện với cuộc đời sau mà họ hoàn toàn không chuẩn bị?

Nhằm có thể chuẩn bị phần nào cho cuộc đời mai sau nếu con người chịu tin như vậy điều cần thiết là con

người phải cố lo tìm **để biết đâu là sự thật, để thấy sự thật đó**. Việc thấy được sự thật sẽ làm cho con người được hoàn thiện hơn, tốt đẹp hơn, thăng hoa hơn ở cuộc đời sau và hoàn toàn hạnh phúc khi đang sống với cuộc đời này.

A – TÌM SỰ THẬT.

Có một sự thật mà người đời ít khi muốn biết, ít ai muốn nghe nói đến nhắc đến và hầu như trở thành cấm kỵ, đó là sự thật liên quan đến bản thân của mỗi con người.

Sự thật là một ngày nào không xa, sớm hay muộn gì thì con người cũng phải rời xa bản thân mình, dù mình có muốn hay không, cũng như mình sẽ rời xa hay bỏ lại những người thân yêu của mình, nếu không thì trước hay sau họ cũng rời bỏ mình rời xa mình vậy thôi.

Thật vậy, thử hỏi có nơi nào trên thế gian này mà con người có thể giữ mãi được sắc thân mình, cái thân tứ đại giả hợp này không? Nào có ai lột da sống đời mãi được đâu? Con người cứ đến với cuộc đời, tung tăng nhảy múa, hát ca hưởng thụ mà không hề nghĩ rằng hễ có đến thì ắt hẳn phải có đi. Việc con người đến với cuộc đời này rồi đi là một sự thật mà một triết gia người Pháp là Montaigne từ thế kỷ thứ 17 đã khuyên người đời nên có cái nhìn thực tế đối với bản thân xác thịt của mình.

Thực tế về bản thân xác thịt đó ngày nay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã nói ra rất rõ.

Theo giáo lý Đạo Cao Đài – cũng như Kinh nhà Phật – thì riêng xác thân này nó chỉ là một khối vật chất duyên hợp giả có mà thôi. Nó đến từ cát bụi thì cũng có một ngày nào đó nó sẽ trở về với cát bụi mà Kinh Tán

Liệt phần Thiên Đạo có viết như sau:

*“Khối vật chất vô hồn viết tử,
Đất biến hình tự thử qui căn”.*

Nghĩa là xác thân của mỗi người chỉ là một khối vật chất, do tứ đại đất, nước, gió, lửa tạo thành. Nó biến hoại theo thời gian và sẽ tan hoại hoàn toàn vào một ngày nào đó sớm hay muộn mà thôi.

Biết như vậy, nhưng tại sao người ta lại sợ? Tại sao con người sợ mất nó, sợ xa lìa nó? Lý do là vì con người đã quen sống với nó. Nếu mất nó thì chẳng khác nào như một sự chấm dứt tàn bạo những gì mà con người đã quen thuộc. Mất nó, người ta không biết sẽ như thế nào, đi đến đâu, về đâu; người ta sẽ rơi vào một cái gì hoàn toàn xa lạ, hay nếu có trở thành người nào thì người đó cũng hoàn toàn khác hẳn với xác thân hiện tại, hiện có của con người.

Nói rõ hơn, người ta lo sợ mất đi cái xác thân hay cái cuộc đời mà con người quá quen thuộc; lo sợ chia lìa với những người, hay những gì mà người ta thương yêu; lo sợ phải bỏ lại bao nhiêu của cải tài sản hay công việc còn dở dang. Càng lo sợ hơn là đối với những người mà trong cuộc đời đã tạo quá nhiều tội lỗi, rồi hễ càng lo sợ, càng tránh né sự thật thì nỗi lo sợ đó lại càng tăng thêm lên, nên cứ lo bám víu nó, không khi nào muốn rời xa nó, ý chừng như muốn mãi mãi trường sinh, mà thử hỏi con người có trường sinh được không? Thí dụ được thì sẽ vui hay sẽ khổ?

B- VẤN ĐỀ TRƯỜNG SINH HAY SỐNG LÂU.

Nói đến vấn đề sống lâu hay trường sinh, có một câu chuyện dân gian Lào được kể lại như sau:

Chuyện kể rằng có một bác tiểu phu hằng ngày vào rừng đốn củi đem ra chợ bán để độ thân và nuôi sống gia đình. Cùm rừng đó bác lui tới thường xuyên và luôn luôn đi vào bằng con đường mòn quen thuộc mà bác hằng đi mỗi ngày.

Bỗng một hôm trên đường đi quen thuộc đó bác lại nghe có tiếng nhạc hòa vang cộng thêm mùi hương ngào ngạt. Bác lấy làm lạ vì con đường này hằng ngày mình qua lại có nghe thấy gì đâu mà hôm nay tại sao lại có những hiện tượng kỳ lạ như thế. Vì ngạc nhiên nên bác đi tìm nguyên nhân. Bác lần theo mùi hương cùng tiếng nhạc đi đến một nơi và thấy có một bông hoa lạ rất đẹp mà bác chưa từng thấy bao giờ. Hoa tiết ra mùi hương êm dịu và tiếng nhạc cũng được phát ra từ chiếc hoa này.

Bác với tay định bẻ cành hoa thì bỗng nhiên xuất hiện một vị thanh niên tuấn tú trước mặt bác. Chàng thanh niên này nói với bác rằng: *“Ta là Thần Trường Sinh. Cứ một trăm năm ta xuất hiện một lần với bông hoa này. Bất cứ ai gặp ta và bẻ được cái hoa thì có thể trường sinh. Nay nhà ngươi gặp ta, vậy nhà ngươi có muốn trường sinh hay không?”*

Bác tiểu phu trả lời: *Muốn.*

Thần Trường Sinh bảo nếu muốn thì nhà ngươi cứ hái và giữ lấy bông hoa này. Nhưng có một điều là về sau nhà ngươi không được quyền trách móc và hối hận nghe không. Ta không cho phép nhà ngươi hối hận và oán trách

ta. Ta chỉ cho phép nhà ngươi khi nào không còn muốn sống nữa thì cứ cầm chiếc hoa này đến ngay tại đây van vái ta thì ta sẽ xuất hiện giúp cho.

Bác tiểu phu ưng ý và hái hoa, trở về nhà với ước nguyện là mình được trường sinh, trẻ mãi không già. Với chiếc hoa và lời ước nguyện, bác tiểu phu được trẻ trở lại như chàng trai 18 tuổi.

Khi về đến nhà không ai nhận ra được bác cả. Vợ bác không biết đó là bác, còn các con bác thì lại cao tuổi hơn bác. Bác cảm thấy lạc lõng, dù vậy bác vẫn vui sống.

Bác sống và trẻ mãi, trẻ mãi để chôn hết người vợ già này đến người vợ già khác, hết chôn con rồi chôn cháu, chít, chất. Thời giờ còn lại chỉ đủ lo đám giỗ cho họ thôi, hết giỗ quây người này đến giỗ quây người kia, mãi riết làm cho bác chán nản quá hết muốn sống.

Ngoài ra vì trẻ mãi nên nhà nước cứ gọi bác đi lính hoài mỗi khi có giặc. Bác đánh hết trận này đến trận khác, không già và không chết vì bác được trường sinh. Rốt cuộc, vì cứ phải đi lính, và cứ làm đám ma đám giỗ mãi cho người thân khiến bác thối chí nản lòng quá. Bác thấy sống như vậy rất vô vị mà còn khổ sở nữa nên một ngày nọ bác tìm vào rừng, đến chỗ cũ với chiếc hoa trường sinh. Bác van vái và Thần Trường Sinh xuất hiện hỏi bác cần gì. Bác nói bác cần chết vì sống hoài khổ quá, bác chán lắm rồi, không còn muốn sống nữa.

Thần Trường Sinh đưa cho bác một con dao nhỏ và bảo bác cắt gân máu ở cổ tay cho chảy hết máu ra thì sẽ chết. Sau khi máu trong người chảy hết ra bác chết và máu bác thấm vào các cây và gây leo khiến chúng trở thành

trường sinh, chẳng hạn như giấy trâu bà hiện giờ đang có, vẫn sống mãi và không bao giờ chết.

Câu chuyện bác tiểu phu cho thấy sống lâu hay trường sinh bất tử chưa hẳn là hạnh phúc mà trái lại còn gây lắm khổ đau và phiền toái. Ai cũng vậy, cũng phải lìa bỏ xác thân của mình sau một thời gian sống với nó, đó là quy luật tuần hoàn.

Xác thân này thật ra hoàn toàn giả tạm, hoàn toàn bị giới hạn bởi thời gian, chỉ là một cái gì mà ta phải để lại sau lưng, như hành lý, như căn phòng trong quán trọ mà ta là khách lữ hành. Có khách lữ hành nào định cư vĩnh viễn nơi căn phòng trong quán trọ mãi mãi đâu. Có ai trong mỗi người chúng ta mà sống mãi trên đời này với thân xác này được. Việc tất cả mọi người từ già đến trẻ, cứ tuần tự lìa bỏ xác thân mình, đó là Luật tuần hoàn của Tạo hóa.

Thấy được Luật tuần hoàn đó là thấy được sự thật và theo đúng Luật tuần hoàn đó là theo đúng thiên nhiên và đó mới là hạnh phúc.

C- ĐẤU LÀ HẠNH PHÚC.

Để mô tả niềm hạnh phúc khi thấy được sự thật, thấy được lẽ tuần hoàn, cũng như để chỉ rõ Luật thiên nhiên đối với sắc thân, ở Nhật Bản có một câu chuyện do Lâm Thanh Huyền viết tại Đài Bắc, Phạm Huệ dịch, qua quyển Giai thoại Thiên sư, kể lại như sau:

Ở xứ Nhật có một Thiên Sư tên là Sengai. Ông là một vị cao tăng lại thêm nổi tiếng là người viết chữ tốt, vì thế nên có nhiều người đến nhờ ông viết liễn.

Một hôm, có một phú gia trong vùng đến nhờ ông viết dùm cho một tấm hoành phi để treo giữa cái nhà cao cửa rộng của mình. Vị phú hộ hứa sẽ đền ơn trọng hậu với hy vọng là Thiên Sư Sengai sẽ viết vào tấm hoành phi đó những lời chúc tụng tốt đẹp nhất.

Thiên sư Sengai nhận lời, trải tấm hoành phi ra và viết lên đó sáu chữ tựa rồng bay phượng múa như sau: “*Phụ tử, tử tử, tôn tử*”, nghĩa là hết Cha, đến lượt con, rồi tới phiên cháu, ai ai cũng điều phải tuân tỵ lia bỏ xác thân này, tức là chết.

Sau khi Thiên Sư Sengai viết xong sáu chữ kia và nhà phú hộ nhìn thấy thì ông muốn té xỉu ngay. Ông là một người đầy thiện tâm, giàu lòng nhân đức, suốt đời làm phước rất nhiều, tại sao hôm nay đến nhờ Thiên Sư mà Thiên Sư Sengai lại viết sáu chữ đầy âm u, ảm đạm như thế. Nhà phú hộ rất giận và cất vấn vị Thiên Sư tại sao đùa cợt, thay vì chúc lành lại trừ ẻo gia đình ông như vậy.

Thiên Sư Sengai từ tốn giải thích: Xin ông đừng giận. Tôi không hề có ý định dám đùa cợt với ông đâu. Tôi viết sáu chữ này là để chúc phúc cho gia đình, dòng họ ông đó, mà lý do tôi xin trình bày cho ông rõ.

Ông thử nghĩ trên thế gian này có ai mà không có một ngày nào đó phải lia bỏ xác thân của mình. Đó là Luật Trời không ai tránh khỏi. Chỉ có điều là việc đó đến sớm hay muộn mà thôi. Giả thử trong gia đình ông, con ông một ngày nào đó lia bỏ xác thân ra đi trước ông, như vậy có phải ông đau khổ lắm không, hoặc giả cháu của ông ra đi trước ông và con ông thì ông và con ông sẽ càng khổ đau nhiều hơn nữa. Vì vậy với gia đình nào mà Cha lia bỏ xác thân ra đi trước hơn con, rồi đến lượt con trước

hơn cháu, và cứ theo thứ tự này mà lưu truyền xuống thì phải chẳng mọi người trong gia đình này đều được Trời ưu đãi cho tuần tự ra đi. Theo tôi thì chỉ có dòng họ nào được như vậy mới đúng là dòng họ phước phần đầy đủ của Trời ban. Đó đúng là phước phần tuần tự theo đúng thiên nhiên mà tôi muốn chúc gia đình ông đó.

Nghe đến đây vị phú hộ thấy có lý, ưng ý, người giận và nhận bản hoành phi với lời đa tạ.

Đây là câu chuyện mà qua đó Thiên Sư Sengai vừa chúc phúc nhà phú hộ và cũng vừa cho ông thấy sự thật.

D- THẤY SỰ THẬT.

Có một sự thật hiển nhiên, dù con người không muốn thấy thì nó cũng sẽ đến, đó là không sớm thì muộn, chắc chắn vào một ngày nào đó người ta cũng phải lìa bỏ cái Thân của mình.

Nó cũng như bao nhiêu thân xác khác mà con người rất sợ khi nhìn một người nào đó nằm trong quan tài ra đi về bên kia thế giới. Thế mà hiện giờ nó đang ở đây với ta mà ta không biết ngày nào nó sẽ như vậy, ngày nào nó từ già ta để vĩnh viễn ra đi. Nhiều bậc chân tu khi phát biểu về vấn đề này thường bảo rằng trong đêm ngủ không biết sáng ngày mai sẽ đến trước hay là cái thân xác này nó sẽ ra đi trước, đó là để chỉ những người lìa bỏ xác thân rất đột ngột bất ngờ.

Nói rõ hơn, trên cõi đời này không một ai lột da sống hoài mãi được. Nếu có được chẳng thì sẽ khổ khổ vô cùng như trường hợp của bác tiêu phu chẳng hạn.

Có một điều hiển nhiên không thể chối cãi mà hầu

hết các Tôn giáo đều cố công thuyết giảng để khuyên người đời cố gắng tu hành, đó là kiếp thác hình như lúc nào cũng chực chờ để đến và có khi nó đến rất bất ngờ. Con người chỉ vì mê lầm, cứ lo ham mển phú quý vinh hoa cùng tài danh, lợi lộc mà quên đi việc lắng nghe những lời kêu gọi của các Tôn giáo, trong đó có Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài qua Cơ bút, Thánh Ngôn nói về thân xác con người có dạy như sau:

*“Thiên cơ đã lộ lúc khai Trời,
Kêu khách phàm trần đã huyệt hơi.
Cứ mển vinh huê cùng lợi lộc,
Chẳng lo kiếp thác đến gần nơi.*

* * *

*Gần nơi Tiên cảnh phải xa phàm,
Cái kiếp trần này trẻ chớ ham.
Một miếng đỉnh chung trăm giọt tham,
Hãy toan lui gót tránh vòng tham”.*

Thật vậy, con người chỉ vì lòng tham (tham tài, tham sắc, tham danh. v. v.) mà đã tạo ra không biết bao nhiêu là tội ác.

Đó chẳng qua vì mê lầm mà ra cả.

Trước tiên, vì mê lầm sắc thân này nên con người cứ lo chấp ngã, chấp cái thân của mình là đẹp, là quý, thế rồi thương yêu nó, o bế nó, tâm tưu nó, mà hễ cứ ai nói điều không hay về nó thì oán ghét giận hờn, hoặc có ai đụng chạm đến nó thì bảo vệ nó bằng mọi cách.

Từ việc mê lầm chấp ngã trước tiên này nó lôi kéo theo không biết bao nhiêu là mê lầm khác mà không làm

sao con người còn có thể nhớ được rằng kiếp thác nó sẽ đến bất cứ lúc nào, không hề hẹn trước và ta không hề biết trước được, thấy trước được.

Không thấy trước được vì con người thường quen sống với cái thấy của khách phàm trần, cái thấy bị dục tình bao phủ nên mê mờ, vì vậy cần phải được sáng soi, cần phải được xoay chiều mà các tôn giáo đã gắng công kêu gọi, thức tỉnh người đời không ngoài mục đích là để con người thấy được sự thật.

Có thấy được sự thật – cái sự thật hiển nhiên của xác thân này – thì ở ngay kiếp hiện tại con người mới thật sự sống được an vui và hạnh phúc.

Nói sống được an vui hạnh phúc trong hiện tại do thấy được chân lý, thấy được sự thật của xác thân này là vì một khi đã biết rõ bản chất của nó, sự biến hoại hằng giờ, hằng ngày của nó, con người sẽ không còn cố chấp nó, bám víu nó, cố đem về cho nó bất cứ cái gì mà nó mong muốn, như thế là con người đã vơi bớt một nhọc, lo âu, mong đợi, lụy phiền trong việc tóm thâu, tom góp..

Rồi từ cái thấy xác thân mình không trường cửu, sẽ biến hoại với thời gian, lòng từ tâm con người sẽ dễ khai mở. Con người sẽ thương yêu đồng loại cùng tất cả chúng sanh, vì tất cả chúng sanh và đồng loại cũng mong manh, dễ biến hoại và đang trầm luân khổ hải chẳng khác chi mình.

Tình thương yêu đối với đồng loại chúng sanh, hay nói rõ hơn từ tâm đối với người khác sẽ đem đến hạnh phúc cho mọi người, mà kẻ trước tiên có hạnh phúc lại chính là mình.

Đời con người trước tiên có hạnh phúc là nhờ có

từ tâm, tiếp đến có thêm nhiều hạnh phúc vì không phải bám víu, tham ái, lo âu cho việc còn mất, phải quấy, hơn thua mà trái lại được an nhàn tự tại, như thế thì còn hạnh phúc nào bằng. Đó chẳng qua là thấy được sự thật của thân này nên được hạnh phúc.

E- MỘT CÂU CHUYỆN VỀ SỰ THẬT ĐEM LẠI HẠNH PHÚC.

Tại một địa phương nước Nhật tên là Kumasaka có một câu chuyện liên quan đến con rắn gây bệnh như sau:

Có một người nợ được bạn thân mời đến nhà dự tiệc. Trong bữa tiệc người đến dự được chủ nhà mời uống một ly rượu. Khi bụng ly rượu lên, người đó thấy có con rắn con trong rượu nhưng vì quá nể tình bạn nên không nói lên sợ làm kinh động mọi người và làm mất mặt người bạn chủ nhà. Người đó nhắm mắt, nín thở uống cạn ly rượu và nuốt luôn con rắn con vào bụng.

Sau khi tiệc tan người ấy ra về. Về đến nhà người ấy thấy đau nhói ở nơi dạ dày, càng lúc càng đau dữ dội. Mặc dù đã dùng nhiều thuốc thang nhưng bệnh không làm sao khỏi được.

Người ấy cảm thấy như mình sắp chết do đó làm di chúc để trời trần với gia đình.

Người bạn chủ nhà đãi tiệc hôm trước nghe vậy vội đến thăm và được người bạn đau bệnh kể lại toàn bộ câu chuyện.

Người chủ nhà đãi tiệc liền mời người bạn đau viếng thăm nhà mình một lần nữa và nhân đó sẽ cho thuốc để trị.

Khi người bệnh đến nhà, người chủ nhà mới đặt người bạn bệnh ngồi y lại chỗ cũ hôm trước đến dự tiệc

và mời người bạn bệnh uống thêm một ly rượu nữa, bảo đó là thuốc chữa.

Người bệnh nghe thế mừng quá bèn bưng ngay ly rượu lên uống, và lạ thay, lại một lần nữa thấy có con rắn con ở trong ly rượu mình đang bưng lên sắp uống.

Trong lúc người bệnh ngạc nhiên thì người chủ nhà chỉ lên trần nhà có cây cung treo dưới ánh đèn. Bấy giờ người bệnh mới vỡ lẽ ra rằng “con rắn con” trong ly rượu chẳng qua là cái bóng phản chiếu của cây cung vào ly rượu. Cả hai nhìn nhau cười to và người bệnh bỗng hết bệnh ngay không còn đau đớn gì cả.

Đây là câu chuyện được kể lại vào năm 1327 bởi Thiền Sư Bassui Tokusho người Nhật thuộc Thiền phái Lâm Tế. Ông kể chuyện này để giúp đỡ một người bệnh từ Kusamaka viết thư đến ông để yêu cầu ông giúp đỡ người đó tu Thiền ngay trên giường bệnh.

Câu chuyện này cho thấy người uống ly rượu bị bệnh và bệnh càng ngày càng nặng là vì tin rằng mình đã nuốt một con rắn. Vì tin như vậy nên dù có uống thuốc thang nhiều nhưng cũng vẫn vô hiệu. Chỉ đến khi người bệnh đó nhận ra sự thật là không hề có con rắn nào cả mà đó chỉ là cái bóng thôi tức thì người đó hết bệnh ngay mà chẳng cần phải có thuốc thang gì nữa cả.

Người tu cũng vậy. **Muốn được siêu thăng hay giải thoát và nhất là muốn sống trong cuộc đời hiện tại được hạnh phúc an nhàn, điều cần yếu là phải làm sao thấy được sự thật, thấy được chân lý.** Có thấy được sự thật thì mới sống được với cái thật của thân và tâm mình, đó là Chơn Tánh hay Chơn Tâm. Khi đã thấy được cái

thật của thân và tâm thì người tu sẽ không còn bám víu vào ngoại cảnh, vào các hình thức bên ngoài để tìm chân lý nữa vì chân lý ở ngay trong thân và tâm này mà thôi.

Cần phải thấy rõ cái Thân, cái Tâm, tóm lại là cái ta thật.

Có như thế mới làm cho cái ta hư vọng biến đi, có nghĩa là chân tâm sẽ thay vọng tâm mà hiển lộ, để nhận chân ra được cái thân tứ đại này nó chỉ là giả tạm thời, nó như quán trọ bên đường mà khách lữ hành phải nhờ nó tạm dừng chân trong một khoảng thời gian nào đó để nghỉ mệt, tịnh tâm, rồi hướng đi về một tương lai tươi sáng, đó là con đường tinh tấn tu hành, lập Công, lập Ngôn, lập Đức, mà thực tế nhất là lo rèn luyện tâm thức bằng cách nuôi dưỡng lòng thành thật, ý nguyện Từ bi, cái tâm hành nghiệp hướng thiện và phổ độ phục vụ nhơn sanh.

Có như vậy thì bước đường Phản Bối Hoàn Nguyên, qui hồi cựu vị mới mong được đạt thành do thấy được sự thật về Thân.

G- THẤY SỰ THẬT VỀ THÂN ĐỂ LO TU.

Sự thật là cái thân mà phần lớn mọi người đều quý trọng, tâm tưu, nó chỉ là giả tướng và tạm thời thôi. Nói theo Đạo Cao Đài thì nó là Đệ nhất xác thân trong Tam thể sắc thân. Nó có thể rời ta bất cứ lúc nào mà ta không làm sao biết trước được.

Nó hoàn toàn huyền hóa tức không vững bền. Ta không biết lúc nào nó còn ở lại với ta và lúc nào nó sẽ ra đi luôn mà không hề báo trước, đúng như lời của Cổ Đức từng nói, đó là: *“Ngày mai hay kiếp sau không biết cái nào*

sẽ đến trước”, nghĩa là cái xác thân này nó hoàn toàn mong manh giả tạm và cũng là nguồn gốc của mọi khổ đau. Nó không có gì bền vững cả. Đó là sự thật về nó, sự thật của nó mà Đạo Cao Đài qua Kinh, Cơ, Giáo lý có trình bày.

Qua Giáo lý Đạo Cao Đài, qua Tam Thể Sắc Thân thì cái Đệ nhất thân tức thân tứ đại này nó là khổ và sự khổ do thân được nói rõ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển như sau:

*“Có thân phải khổ, khổ vì thân,
Nào có sướng chi cái kiếp trần.
Kẻ trí phải lo phương giải khổ,
Tìm thuyền Bác Nhã lánh mê tân.*

* * *

*Mê tân là chốn đọa con người,
Vương, Bá, Công, Hầu lụy mấy mươi.
Ham miếng đỉnh chung mê sắc đẹp,
Hại Thân tiếng xấu để muôn đời.*

Tiếng xấu muôn đời mà con người phải để lại sau khi thác đi rồi đó cũng chẳng qua là vì cái thân này; cũng như lúc còn sống, phải gánh chịu bao nhiêu khổ đau phiền não thì cũng vì cái thân này mà ra cả. Nói rõ hơn, khổ đau và phiền não có nguồn gốc trước nhất từ bản thân, cái thân vốn bất tịnh của mỗi con người.

Để tránh mọi khổ đau phiền não lúc sanh tiền cũng như không phải muôn đời mang lấy tiếng xấu khi đã thác đi, điều cần yếu là con người phải thấy sự thật về Thân.

Sự thật là cái thân mà mọi người đều cho là của mình, nó không phải là của mình mà là của vay mượn, nó mong manh vô thường chỉ do duyên hợp mà ra, mà có

thôi. Nó chẳng khác nào một cái máy tinh vi, nhỏ nhắn, tối tân dùng để sản xuất ra rác hay chất dơ, chất độc mà thôi chứ không có gì hơn cả. Nói như thế này chắc rất nhiều vị sẽ không vui, không vừa ý, có thể phản đối nữa là khác, vì cho rằng quan niệm như thế chỉ làm cho con người thêm bi quan do thấy xác thân này cũng như cuộc đời toàn là âm u ảm đạm.

Nhưng sự thật không phải như vậy.

Sự thật là khi mọi người đã nhận ra được cái bản chất thật của xác thân mình thì lúc đó mọi người sẽ hạnh phúc vô cùng.

Hạnh phúc do không còn cố chấp lấy thân nên sẽ không còn tham đắm, bám víu và mê lầm nữa. Đó là đối với nội tâm. Còn liên quan đến ngoại cảnh thì trong việc giao tiếp với đồng loại chúng sinh, mọi người sẽ có từ tâm mở rộng, hĩ xả, Từ bi, mà đây là những đức tánh của tứ vô lượng tâm làm cho mọi người biết thương yêu và giúp đỡ bao nhiêu người khác còn vẫn khổ đau, đó là con đường Phổ Độ, tức giác tha sau khi tự giác được mình.

Hơn thế nữa, khi biết được bản chất thật của thân cũng như sự cần thiết phải có của nó, mọi người sẽ hiểu rõ cái xác thân này nó không phải xấu xa đê tiện, bất tịnh, không hẳn chỉ là một cái máy làm rác, tạo ra chất dơ như khi nhìn hiện tượng mà người ta hiểu như vậy. Trái lại, mọi người có thể thấy rằng cái thân này nó quý giá vô cùng, quý ở chỗ nhờ có nó nên con người mới có thể tu mà Đạo Cao Đài, Đạo Khổng, Đạo Lão và Đạo Phật đều có cùng chung nhận xét và lý giải như nhau.

Tóm lại, về hai vấn đề liên quan đến Thân, với vấn

đề thứ nhất nói rằng thân là nguồn gốc của mọi tội lỗi khổ đau, và vấn đề thứ hai cho rằng chính thân lại quý giá quan trọng theo như giáo lý của Đạo Cao Đài và giáo lý Tam Giáo, xin trước tiên được trình bày Mục II sau đây chỉ rõ bản thân của tất cả nhơn sanh đều là vay mượn, vô thường, duyên hợp và bất tịnh.

Mục kế tiếp sẽ nói về sự cần thiết cũng như tầm quan trọng và sự quý giá của sắc thân, không ngoài mục đích để cho tất cả mọi người được hạnh phúc tròn đầy, vui sống và an tâm trên bước đường tinh tấn tu hành, Lập Công, Lập Ngôn, Lập Đức để siêu thăng, giải thoát thay vì vẫn còn mê mờ chấp Ngôn, chấp Thân, chấp Tâm, chấp Ngã, chấp Pháp để rồi tạo nghiệp mà phải triển miên trôi lặn trong Luân hồi đọa lạc.

II – THÂN VAY MƯỢN – THÂN VÔ THƯỜNG.

Thân vay mượn được trình bày trong giáo lý Đạo Cao Đài cũng như qua giáo lý Tam Giáo.

Phần giáo lý về Thân vay mượn của Đạo Cao Đài và Đạo Phật không có gì khác nhau nhiều. Cả hai tôn giáo đều nói đến Tam Thể Thân mà trong đó xác thân là vay mượn, là “*hình vóc tóc da thọ chi phụ mẫu*”, nghĩa là mượn từ Cha Mẹ như Đạo Khổng quan niệm. Chỉ có Đạo Lão, với Ngài Trang Tử đã đi xa hơn Lão Tử và trình bày Thân vay mượn với những nét riêng biệt.

Xin trước tiên được trình bày phần giáo lý của Đạo Cao Đài về Thân vay mượn qua Cơ bút, Thánh Ngôn và Kinh Kệ.

Phần kế tiếp sẽ đề cập đến quan niệm Lão Trang.

A- THÂN VAY MƯỢN.

1.- Giáo Lý Đạo Cao Đài Về Thân Vay Mượn.

✧ CƠ BÚT:

Qua nhiều năm liên tiếp giảng Cơ dạy Đạo cho chư Chức sắc Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài, từ 1950 đến 1952, Đức Cao Thượng Phẩm đã giảng giải rất rõ về Tam Thể Thân và Bát Hồn Vận Chuyển.

Theo Đức Cao Thượng Phẩm thì Nhơn sanh mỗi người thọ ba thân, gồm có:

- ➔ **Đệ tam thân:** Là Chơn Linh, tức linh hồn mà Đức Chí Tôn ban cho để điều khiển Đệ nhị và Đệ nhất xác thân.
- ➔ **Đệ nhị thân:** Là thân do Đức Phật Mẫu ban cho mà người ta thường gọi là cái Vía, tức bản năng của mỗi Nhơn sanh. Bản năng ấy là Chơn Thần mà chủ của nó là Đức Phật Mẫu.

Chơn Thần là một thể vô hình, bất tiêu, bất diệt, luôn luôn tiến hóa hay ngưng trệ do mỗi lần đầu thai tái kiếp được dày công hay đắc tội.

Nói khác hơn, Đệ nhị thân hay Chơn Thần là một hình bóng đi lập công bồi đức. Như vậy, nếu nó trọn nghe lời của Đệ tam thân tức Chơn Linh thì sẽ được trọn lành để trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mà người ta thường gọi là đắc quả.

Bằng trái lại, nếu nương theo thú chất hình vật là Đệ nhất xác thân, để cho lục dục thất tình của xác thân dụ dỗ, dẫn dắt, rồi sai khiến theo bản chất thú tính, hình vật thì nó phải luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, mà người

ta thường nói là bị đọa đở.

☞ **Đệ nhất xác thân:** Đó là xác thân do Cha Mẹ sinh ra, do máu huyết của Cha Mẹ tạo thành, nghĩa là nảy sanh do nơi vật chất, vì thế nó thuộc về thể chất, tức vật chất hình mà hình thể hữu vi của thể xác là một cái máy tinh vi được làm ra bằng các nguyên liệu do nơi vật chất.

Vì do vật chất chiết thành và hữu hình nên nó có khuynh hướng chạy theo ảnh hưởng của ngoại vật, nguồn gốc đã tạo thành ra nó, hơn là chịu ảnh hưởng của tinh thần tức Chơn Linh và Chơn Thần, hai thân khác biệt nhưng phải hòa hợp với nó để có thể tạo ra con người thế gian. Do đó, nếu nó không chịu sự kềm thúc của Linh hồn hay Chơn Linh tức Đệ tam thân qua trung gian của Đệ nhị thân là Chơn Thần thì nó chẳng khác nào như một con vật mà không có người cầm cương vậy.

Nói rõ hơn, Đệ nhất xác thân là cái thân do vật chất tạo thành. Nó là cái thân từ Âm dương, Ngũ hành mà sanh, mà có, mà ra và các vị đã cho ta đó là Cha Mẹ, là những Đấng sanh thành.

Cha Mẹ cho ta xác thân, có nghĩa là cái thân này ta vay mượn từ Cha Mẹ chứ chẳng phải do ta tự tạo ra được. Nó là của do người khác cho, là của ta vay mượn; ấy vậy mà khi có nó rồi ta lại chấp nó là ta, chấp nó là ngã, lưu luyến nó, say mê nó và bảo vệ nó, tưởng chừng như nó sẽ ở với ta muôn đời vĩnh viễn mà sự thật thì trái hẳn hoàn toàn. Nó là đất, nước, gió, lửa; nó là cát bụi tức nhiên nó phải trở về với cát bụi mà giáo lý Đạo Cao Đài có viết rõ như sau:

*“Hồn Trời hóa, trở về Thiên cảnh,
Xác đất sanh đến linh phục hồi”.*

■ *Kinh Tản Liệm*

Hay:

“Vạn sự viết Vô, nhục thể thổ sanh hoàn lại thổ”.

Nghĩa là cái xác thân này nó gốc từ thổ mà ra thì sớm muộn gì nó cũng phải được hoàn về với thổ. Nó không thể thường trụ vĩnh hằng được. Bản chất của nó là tạm, là vật được cho, là của thọ nhận vay mượn.

Từ việc thọ nhận vay mượn trước tiên nơi Cha Mẹ, con người khi mang mảnh hình hài này nhập vào thế cuộc rồi thì việc vay mượn lại càng được tiếp tục triển miên không khi nào dừng dứt được.

Nếu Ông Bà, Cha Mẹ đã nhờ vật chất Âm dương nuôi sống để tạo ra những mảnh hình hài được gọi là con cháu, tử tôn, thì con người khi nhận được mảnh hình hài đó lại cũng phải nhờ vật chất Âm dương mà làm cho nó lớn lên và tồn tại. Sự vay mượn này là một bắt buộc, không có không được. Nếu không có hay không còn vay mượn thì tấm thân này sẽ bị hoại diệt ngay. Đó là sự thật, một sự thật hiện tiền và hiển nhiên mà con người ít ai để ý đến. Người ta cứ lo tranh đua, hơn thua, phải quấy, cứ lo giàu sang phú quý vinh hoa cũng chỉ vì cái xác thân này mà không nhớ rằng nó chỉ là vật tạm vay mượn mà thôi.

Thật vậy, hằng ngày, cứ một hay hai tiếng đồng hồ con người ai cũng phải mượn một tách nước, rồi năm, sáu, bảy, hay tám tiếng ai cũng phải mượn một hai chén cơm. Việc làm cứ tuần tự mượn vào rồi lại trả ra đến đổi trở thành quá quen thuộc làm cho con người quên rằng để

giữ được tấm thân này, mình lúc nào cũng phải vay mượn.

Có một việc vay mượn hết sức nhỏ nhặt nhưng lại vô cùng trọng hệ. Nó xảy ra từng phút từng giây mà nếu thiếu nó con người không làm sao sống được.

Đó là con người phải mượn không khí của bầu trời để thở.

Sự vay mượn này hầu như tất cả mọi người không ai để ý đến nhưng thử hỏi nếu không có nó, không liên tục vay mượn nó con người có còn sống được không? Có câu “*Nhất tức bất hồi, thiên thu vĩnh biệt*”, nghĩa là một hơi thở ra mà không hít vào thì con người sẽ ngàn thu vĩnh biệt thế gian này. Đây là một sự vay mượn nhỏ nhặt nhất nhưng rõ nét nhất, quan trọng và tiêu biểu nhất.

Tóm lại, với mảnh hình hài thoát tiên vay mượn từ Cha Mẹ, con người phải tiếp tục vay mượn và vay mượn triển miên, thường xuyên để cho nó thường còn. Hễ thiếu sự vay mượn thì việc biến hoại chắc chắn sẽ xảy ra. Đây là một sự thật và sự thật này con người cần thấy, cần ghi nhận và luôn nhớ để có được cái nhìn đúng đắn, cái nhìn với chánh kiến và chánh niệm giúp cho con người an tâm vui sống trên bước đường tinh tấn tu hành.

Nếu con người không thấy điều này thì đời kiếp phạm phu sẽ vẫn cứ mãi phạm phu, sẽ trôi lăn mãi trong Luân hồi mà có khi còn đoạ lạc nữa là khác. Đó chẳng qua là vì con người không thấy được sự thật nên cứ tranh nhau từng chỗ đứng nơi ngồi, từng lời ăn tiếng nói mà con người vì mê lầm cứ cho các thứ ấy là thật mà nó thật đâu. Tất cả đều vay mượn cả.

Ngoài ra, còn hơn thế nữa, con người chẳng những

vay mượn sắc thân và những gì nuôi nấng sắc thân để thấy này thôi, mà con người còn vay mượn nhiều thứ khó nhận, khó thấy hơn nhiều. Vì khó nhận, khó thấy nên con người lầm tưởng nó không phải của vay mượn mà nó là của chính mình làm ra, thí dụ như nhiều người thường hay cãi nhau vì “*ý kiến của tôi*”, vì “*danh dự của tôi*”, vì “*kiến thức của tôi*” v.v.. Nhưng các thứ này có phải là của tôi không?

Xin cứ nhìn lại một đứa trẻ sơ sinh. Nó cũng có sắc thân như sắc thân bao nhiêu người khác nhưng về ngôn ngữ hay ý kiến, tư tưởng thì nó chẳng có gì.

Thế rồi từ từ nó lớn lên. Trong quá trình lớn lên và trưởng thành, nó học tập được ngôn ngữ, văn tự từ những người chung quanh, qua nhà trường hay môi trường sinh sống. Thí dụ như A là một người có học lực Tiến sĩ. Học lực đó lúc mới sinh ra A nào có đâu. Nhưng khi lớn lên càng ngày A càng học hỏi, thâm thập, nghĩa là vay mượn từ những người chung quanh để có một sự hiểu biết được sắp đặt ngang với học vị Tiến sĩ. Thế là A được người ta gọi là Tiến sĩ A.

Chữ Tiến sĩ nói đây, tự A nào có. Học lực Tiến sĩ hiện giờ thì trước kia A nào có. A đã vay mượn học lực này, học vị này từ môi trường giáo dục, để bây giờ A được mọi người gọi là Tiến sĩ A. Nói rộng hơn, con người học hỏi, thâm thập ý kiến, tư tưởng từ nhà trường, từ môi trường sinh sống hoạt động, từ bao nhiêu người khác để làm ý kiến, tư tưởng của mình, thế rồi con người lại lầm tưởng đó là của riêng mình. Nó không phải là của riêng mình đâu. Nếu chấp nó là của riêng mình, thì đó là cái chấp hết sức sai lầm. Nó chỉ là của vay mượn không hơn

không kém. Nói khác hơn, kể cả kiến thức, tư tưởng của con người thì con người cũng hoàn toàn vay mượn.

Đã là của vay mượn, thế mà lại vì mê lầm cứ cho đó là của mình nên con người mới tranh chấp rồi tự tạo biết bao phiền não cho mình và gây ra không ít khổ đau cho bao nhiêu người khác.

Có người trước tiên chỉ vì chấp chặt ý kiến của mình mà sinh ra cãi cọ, đấu tranh quyết liệt. Có người cho rằng danh dự mình bị chạm rồi phản ứng, gây gỗ, có khi dùng cả bao lực để bảo vệ nó mà không ý thức được rằng ý kiến hay danh dự kia tự đâu mà có? Nó là của mà ta vay mượn, của mà nhiều người khác cho ta hay gán vào ta chớ nó nào phải của riêng ta. Có một đứa trẻ nào vừa mới sinh ra mà ý kiến đầy đầu đầu. Có một đứa trẻ nào sinh ra mà danh dự đầy mình đâu. Những cái đó đến từ xã hội chung quanh, qua thời gian con người lớn lên, nói rõ hơn, tất cả là sản phẩm của thời gian và không gian, của thời thế mà thôi. Tất cả là của những người khác cho ta hay gán vào ta, nghĩa là của mà ta vay mượn. Ta cần phải thấy như vậy; mà nếu thấy được như vậy là không có mê lầm.

Cái mà con người mê lầm trước tiên là sắc thân. Và cái thứ hai mà con người mê lầm nhiều hơn nữa lại là ý kiến, kiến thức mà con người cho là của riêng mình. Có gì là ý kiến, là kiến thức của riêng mình đâu. Tất cả đều giả tạm, có rồi không, đến rồi đi. Như khi một người có ý kiến nào đó, ý kiến này được gọi là tiên kiến, tức cái thấy hay cái biết trước tiên xây đến.

Thế rồi người ấy lại chấp cái ý kiến đó là của riêng mình, là sản phẩm của cá nhân, của tư tưởng mình tạo ra. Thế là từ tiên kiến hầu như vô thường vô phật nó lại trở

thành tư kiến, nghĩa là y kiến của một cá nhân, đã được mình chấp nó. Rồi càng chấp chặt nó hơn, không buông nó ra, làm cho nó thành một phần không thể tách rời hay không thể thiếu của mình, vậy là nó trở thành định kiến hay thành kiến. Mà định kiến hay thành kiến là gì. Nó cũng là một thứ ý kiến thôi, nhưng nó được cá nhân sở hữu nó chấp chặt, nhận làm của riêng mình, rồi thêm thắt, tô điểm để làm cho nó có vẻ riêng biệt của con người mình, một con người thế gian luôn luôn cạnh kề với thất tình lục dục mà đặc tính thường hằng là hỉ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục, vậy thử hỏi làm sao mà ý kiến tự buổi ban đầu không trở thành định kiến, thành kiến, tà kiến hay ác kiến được.

Nói cách khác, tiên kiến dễ trở thành tư kiến, rồi định kiến, rồi thành kiến, để biến chất thành ra tà kiến hay ác kiến nếu con người không thấy rõ được rằng mọi ý kiến, mọi kiến thức... v...v... tất cả chỉ là sản phẩm mà trong cuộc đời trần thế con người đã phải vay mượn thôi, chỉ là tạm thời thôi, nghĩa là nó không phải là của riêng ta, không phải là ta, và sớm hay muộn gì đó thì ta với nó cũng phải xa rời nhau khi ta rời bỏ xác thân này.

Như vậy, chấp chặt lấy sắc thân là một sai lầm, và chấp chặt lấy ý kiến riêng mình, của mình lại là một sai lầm tệ hại hơn nữa.

Không có sắc thân nào hay ý kiến nào là của riêng mình cả. Tất cả chỉ là của vay mượn, tạm thời vì con người vừa lúc mới sanh ra đã có ý kiến gì đâu. Nhưng ý kiến mà con người cho là của mình đó chỉ là những gì mình đã vay mượn từ Cha Mẹ, anh chị em, họ hàng, từ bà con chòm xóm, xã hội chung quanh như ở học đường hay các môi trường nghiên cứu chẳng hạn. Họ nói mình

nghe, họ làm mình thấy rồi bắt chước theo họ, cũng đòi khi có thêm thắt, sửa đổi nào đó mà người ta thường gọi là phát minh, nhưng nó có khác chi là những khúc quanh nằm trong qui luật vận hành trên con đường tiến hóa về mặt đời cũng như Đạo. Nói rõ hơn, mọi sự hiểu biết, mọi ý kiến, kiến thức, v.v. mà con người có, chúng chỉ là tạm thời, là của vay mượn thôi, sắc thân này cũng vậy.

Nếu người tu thấy được sắc thân mình là tạm thời, ý kiến mình cũng chỉ là của vay mượn thì làm sao có việc cố bám víu vào nó, chấp chặt lấy nó, được gọi là chấp thân hay chấp ngã.

Không chấp thân, chấp ngã, người tu sẽ tránh được tất cả phiền não khổ đau do ngoại cảnh bên ngoài mang đến. Thí dụ một người bị người khác chửi. Nếu nghĩ rằng dù bị chửi, mình cố nhịn, nhịn lần thứ nhất qua được, lần thứ hai qua được, lần thứ ba qua được, nhưng liệu có qua được mãi không. Chỉ sợ đến khi hết nhịn nổi, tức không còn qua được nữa thì mọi hậu quả không hay lại phải xảy ra. Đây là nói về cái nhịn, cái thấy của người trên đời qua tiếng chửi tiếng mắng của người khác.

Nhưng với cái thấy của một người có tu tập thì một đàng tiếng la tiếng chửi kia có thật không? Chúng không thật, vậy thì chấp làm gì. Đàng khác, sắc thân này của mình hay ý kiến mà mình cho là của riêng mình, chúng có thật không? Chúng chỉ là sản phẩm tạm thời, có rồi mất, đến rồi đi, là của vay mượn, vậy cố bám víu bảo vệ rồi gấu ó, ấu đả để làm gì. Có biết được như vậy thì người tu dù có bị ai chửi, ai mắng, dù không muốn nhịn cũng tự nhiên nhịn được mà không cần phải rán nhịn. Thế rồi, do biết được như vậy, thấy được rõ sự thật như vậy nên người tu

sẽ không chấp chặt lấy sắc thân mình, chấp chặt lấy ý kiến mình, do đó dù có ai chê cũng không giận, mà ai khen cũng không lấy đó làm vui. Bình tâm trước mọi khen chê, thương ghét, phải quấy, tốt xấu, hay dở v.v. sống với tâm tu hành, tâm thanh tịnh đó là tâm lành của những bậc Hiền nhân mà có ai trên đời này không mong đạt đến dù với một kẻ hung dữ nhất, bạo ngược nhất, nhưng tự thâm tâm họ cũng mong muốn ngày cuối cùng họ được như vậy.

✧ **THÁNH NGÔN:**

Thân vay mượn không những được giải bày qua Cơ bút mà còn được nói rõ trong Thánh Ngôn và Kinh Kệ của Đạo Cao Đài.

Thật vậy, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy bảo chấp sắc thân này là ngã, là ta, đó là cái thấy của những ai còn u tối, mê mờ, mơ màng. Đó là cái thấy của những ai chưa ra khỏi vòng tục lụy, bị bủa vây bởi lục dục thất tình, còn lưu luyến thế gian, ham mê lợi danh tài lộc, tựa vào sắc thân như một ngôi nhà dùng định cư ngỡ rằng vĩnh viễn, hơn là thấy nó như là một căn phòng trọ qua đêm trong lữ quán tạm bên đường.

Vì thấy nó như ngôi nhà kiên cố để sống mãi với nó nên con người cố lo tô bồi, tu bổ, sửa chữa, trang hoàng nó. Đây là cái hiểu biết hoàn toàn sai về sắc thân mà hễ ai có cái thấy như thế này thì hãy cố lo hồi quang phản chiếu, lo tu hành cải hạnh như thế mới mong đến được với Thầy với Đạo.

Thầy dạy:

*“Mơ màng chưa khỏi lụy phồn hoa,
Chưa biết nên thân tính sấm nhà.”*

*Cải hạnh đố con về tập thủ,
Tháng sau sẽ đến trước trình Ta”.*

Trình Ta có nghĩa là đến được với Thầy, mà muốn đến được với Thầy, với Đạo thì người tín đồ của Thầy phải có tâm tỉnh giác thay vì mê muội, vô minh đối với sắc thân. Nói rõ hơn, đừng coi sắc thân là trường cửu, vĩnh hằng mà phải thấy rõ nó là huyền hóa, nghĩa là tạm có rồi sẽ hoại diệt với thời gian, chẳng khác nào một căn phòng để tạm trú chớ không thể là một ngôi nhà kiên cố, bất tiêu bất diệt được. Thấy được như vậy đó là cái thấy với Chánh kiến, với tâm tỉnh giác, tức không còn mơ màng, mê muội vô minh.

✧ **KINH KẾ:**

Để không còn mơ màng mê muội vô minh mà trái lại thường xuyên tỉnh giác, Kinh kệ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy rất nhiều việc Tu Thân. Đây là một đặc trưng của Đạo Cao Đài cho thấy chỉ với việc Tu Thân thôi cũng có thể đạt được Đạo, trong khi giáo lý của một vài Tôn giáo khác dạy nếu muốn giải thoát thì cần phải Tu Tâm.

Nói như vậy không có nghĩa là Đạo Cao Đài chẳng đặt trọng tâm vào việc Tu Tâm.

Tu Tâm trong giáo lý của Đạo Cao Đài thật sự cũng có tầm quan trọng giống như Đạo Phật chẳng hạn. Dù vậy, chỉ riêng với việc Tu Thân, con người cũng có thể có được tâm tỉnh giác, thoát khỏi mê muội vô minh và siêu thoát được.

Thật vậy, để không còn mê muội, vô minh tức si mê, tham ái, sân hận, và để có được sự tỉnh giác đối với sắc thân, Kinh Tứ Thời của Đạo Cao Đài có dạy khi dâng

Tam Bửu, người tín đồ phải luôn luôn nhớ rằng thân này không phải là ngã, không phải là ta. Như vậy, trước tiên ta phải thấy rõ sự thật đó, và tiếp theo phải biết dùng nó để mà giải thoát. Nói khác hơn là phải biết “**hiển dăng nó cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng**” như lời Đức Hộ Pháp đã dạy.

Theo như lời dạy của Đức Hộ Pháp qua quyển Bí Pháp thì Đức Ngài bảo chúng ta phải hiển dăng ba món báu trong mình của chúng ta là Tam Bửu mà trong đó có xác thân. Nếu làm được như vậy là chúng ta đã thực hành được Bí pháp giải thoát.

Để giải rõ ý nghĩa của Bí pháp giải thoát nêu trên, Đức Hộ Pháp có nói thêm rằng:

“*Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp cũng không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đạt được Cơ giải thoát*”.

■ *(Trích Bí Pháp – Đức Hộ Pháp thuyết Đạo ngày 8 – 6 Kỷ Sửu – 1948)*

Lời dạy của Đức Hộ Pháp cũng như sự giảng giải của Ngài về Bí Pháp Giải Thoát mà Đức Chí Tôn đã để trong Thể Pháp dăng Tam Bửu của Tứ Thời tụng niệm có nhiều điểm xin được ghi nhận như sau:

- ✘ **Thứ nhất:** Lời dạy cũng như sự giảng giải của Đức Hộ Pháp về Bí Pháp Giải Thoát còn quá cao siêu. Vì quá cao siêu nên khó hiểu thấu hết được.
- ✘ **Thứ hai:** Theo “*Phương Châm Hành Đạo*” mà Đức Quyền Giáo Tông giảng dạy, căn cứ vào câu chuyện mà Ngài Phú Lâu Na trình với Đức Phật Thích Ca

thì xác thân này hoàn toàn bất tịnh tức nó là cái “*xác thối hôi thúi tù túng*”.

Như vậy thử hỏi với cái xác thân bất tịnh này của ta mà dâng lên Đức Chí Tôn để làm gì? Làm như vậy là ta có lỗi và có tội không? Nhưng tại sao Đức Hộ Pháp lại bảo rằng làm như vậy là một Bí Pháp giải thoát mà Đức Chí Tôn đã để trong Thể Pháp của Cơ Tận độ? Đến đây để tỏ rõ vấn đề, câu hỏi được đặt ra là lời giảng giải của Đức Hộ Pháp và lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông có trái ngược nhau không?

✘ **Thứ ba:** Lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông và lời giảng giải của Đức Hộ Pháp không hề trái ngược nhau, trái lại còn hoàn toàn phù hợp nhau, dù rằng một vị bảo “*xác thối này hôi thúi*” và một vị thì bảo “*dâng nó cho Đức Chí Tôn để Ngài dùng phương nào thì dùng*”.

Sở dĩ có thể nói không mâu thuẫn trái ngược nhau mà trái lại hoàn toàn phù hợp nhau, đó là do cách thấy cũng như cách xử dụng xác thân này. Đây là một đặc trưng trong giáo lý của Đạo Cao Đài, nhằm làm thế nào để đạt Đạo, tức đạt được Cơ giải thoát qua Bí pháp Tu Thân. Bí pháp này có khác giáo lý Đạo Phật vì Đạo Phật cho rằng “*Tu Thân chỉ là làm điều Thiện và tránh điều Ác*” thôi. Còn nếu muốn giải thoát thì phải do Tâm, tức phải Tu Tâm. Nói rõ hơn theo giáo lý của Đạo Cao Đài thì Tu Thân có thể giải thoát được, đây là điều khác biệt giữa Đạo Cao Đài và Đạo Phật.

✘ **Thứ tư:** Về việc đoạt Cơ giải thoát do Tu Thân nếu chỉ nhìn thoáng qua thì giáo lý Đạo Cao Đài khác với Đạo Phật, nhưng với Đạo Khổng và Đạo Lão thì như thế nào?

Giáo lý Tu Thân đoạt Cơ giải thoát của Đạo Cao Đài gần gũi hơn đối với giáo lý của Đạo Khổng.

Giáo lý Đạo Khổng được hiểu ở đây là giáo lý của Khổng giáo không thể tìm thấy ở phần “*Công truyền*” tức Hình Nhi Hạ, nhưng trái lại nằm trong phần Hình Nhi Thượng mà trong đó việc “*Cách vật*” và “*Tri tri*” cần phải được thấu rõ tận nguồn căn, soi sáng tận gốc rễ để giáo pháp “*Tri Hành Hợp Nhất*” được thực hiện viên mãn tròn đầy thì Cơ giải thoát mới đạt được, như Đạo Khổng trước kia cũng như Đạo Cao Đài hiện nay chủ trương và tương hợp.

Nói rõ hơn về Bí pháp Tu Thân đạt được Đạo thì giáo lý của Đạo Cao Đài gần gũi với Đạo Khổng hơn là Đạo Phật, cũng như giáo lý này của Đạo Cao Đài gần gũi hơn với Đạo Lão vậy.

Tóm lại, giáo lý Tu Thân của Đạo Cao Đài là một Bí pháp rất cao siêu, và lời giảng giải của Đức Hộ Pháp vì vẫn còn quá cao siêu nên khó hiểu thấu hết được.

Vấn đề ở đây là làm sao cho Bí pháp được tỏ rõ tận tường hơn để người tín đồ có thể nương theo đó mà đoạt Cơ giải thoát, nếu không, người tu cứ hằng ngày tốn bao nhiêu công sức trong Tứ Thời tụng niệm dâng Tam bửu, dâng sắc thân mình để rồi sau đó lại trở về với nếp sống phàm phu chấp thân, chấp ngã thì sẽ chẳng lợi lạc gì.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, tức để tìm hiểu thấu đáo lời dạy của Đức Hộ Pháp, xin được trình bày rõ ràng hơn với quyển sách có tựa đề “*Bí Pháp Dâng Tam Bửu, Bí Pháp Giải Thoát*”.

2- Thân Vay Mượn Theo Lão Trang.

Chánh kiến và Chánh niệm về thân đã được trình bày qua ý niệm Thân vay mượn trong giáo lý của Đạo Cao Đài. Ý niệm này cũng được nói đến trong giáo lý Phật Giáo, Lão Giáo cũng như Khổng Giáo.

Đặc biệt với Lão Giáo, Thân vay mượn đã được Ngài Trang Tử nhắc đến trong Nam Hoa Kinh qua hai câu chuyện như sau:

Trong Nam Hoa Kinh, tại Chương 18, đoạn 3 và 4 thuộc phần ba Ngoại Thiên, khi bàn về sắc thân giả tạm có câu chuyện chú Chi Li và chú Hoạt Giới, mà Chi Li tượng trưng cho sự quên hình hài và Hoạt Giới tượng trưng sự quên trí tuệ.

Chuyện kể rằng:

“Chú Chi Li và chú Hoạt Giới cùng ngắm mộ ông Hoàng Đế ở trên núi Minh Bá, trong miền hoang dã Côn Lôn. Một lát, họ bỗng thấy một cái bấu mọc ở khủy tay trái họ ra. Chi Li vừa sợ vừa khó chịu hỏi bạn:

– Anh thấy ghét cái bấu này không?

Hoạt Giới đáp:

– Không. Sao lại ghét nó? Sống chỉ là gởi thôi. Ta sinh ra là ta gởi tạm ở đời này. Đời sống chỉ là bụi rác. Sống với chết cũng như ngày và đêm, nối tiếp nhau. Vả lại, tôi và anh cũng đang quan sát một sự biến hóa tự nhiên, mà bây giờ sự biến hóa xảy đến cho tôi thì sao tôi lại ghét nó”.

Đây là chuyện của đoạn 3.

Còn câu chuyện đoạn 4 như sau:

“Trang Tử qua nước Sở thấy một sọ người đã khô nhưng

còn nguyên vẹn, cầm roi ngựa gỗ vào và hỏi:

– Ai đó vì tham sinh, trái thiên lý mà tới nỗi này? Hay là làm điều hại nước mà bị chết chém? Hay là có những hành vi bất lương, làm xấu hổ cha mẹ vợ con mà tới nỗi vậy? Hay là chết đói rét mà tới nỗi vậy? Hay là được sống hết tuổi trời rồi chết?

Nói xong Trang Tử lấy cái sọ kê trên đầu mà ngủ.

Nửa đêm sọ người trong mộng hiện lên và bảo:

– Nghe ông nói tựa như một biện sĩ. Ông chỉ nói đến hệ lụy của người sống, mà chết rồi thì hết. Ông muốn nghe tôi nói tôi cái vui sau khi chết không?

– Dạ, xin cho nghe.

Cái sọ bèn nói:

– Chết rồi thì không có Vua ở trên, bề tôi ở dưới nữa, không có công việc trong bốn mùa nữa, thung dung cùng thọ với trời đất, dù làm Vua cũng không vui bằng.

Trang Tử không tin bảo:

– Nếu tôi xin vị Thần coi việc sống chết cho hình thể ông sống lại với đủ da, thịt, xương, gân, để ông gặp lại cho mẹ vợ con, bạn bè hàng xóm thì ông có muốn không?

Cái sọ cau mày nhăn nhó đáp:

– Làm sao tôi lại chịu bỏ cái vui như ông Vua mà chịu trở lại cái cảnh khổ của người được”.

Trên đây là hai câu chuyện của Chương 18, Nam Hoa Kinh được gọi là Chương Chí Lạc.

Chí Lạc là niềm vui cùng tột. Mà niềm vui đó có được từ đâu?

✘ **Thứ nhất:** Nó có được từ việc con người **thấy được sự thật**.

Sự thật, theo Trang Tử, là con người “*sống chỉ là gọi thôi. Ta sinh ra là gọi tạm ở đời này*”. Mà người thế gian thường hay nói sống gọi thác về. Như vậy, đời chỉ là cõi tạm và sắc thân này cũng là của tạm vay mượn, nào khác chi là quán trọ để khách tạm dừng chân.

Do quan niệm như thế, hay nói rõ hơn có cái thấy như vậy, cái thấy với Chánh kiến cho nên dù trải qua bao cảnh biến thiên, trò đời dâu biển, con người cũng chỉ coi cuộc đời như giả tạm mà theo Trang Tử là “*đời sống chỉ như bụi rác, sống và chết cũng như ngày và đêm nối tiếp nhau*” giống như nhà Phật đã nói: “*Sanh như đắp chăn bông và tử như cởi áo hạ*” vậy.

✘ **Thứ hai:** Niềm vui cùng tột có được là do con người **sống được với sự thật, sau khi đã thấy sự thật**.

Sự thật là con người ai cũng vậy, hễ có sanh là phải có tử. Sanh tử là hai từ ngữ, hai vế không thể rời nhau. Sanh nào có khác chi nhân, mà tử nào có khác chi quả, cái này là nhân thì cái kia là quả, cũng như cái này là quả thì cái kia là nhân. Nó nối tiếp nhau giống như hết ngày qua đêm rồi hết đêm rồi qua ngày, cũng như Trang Tử đã nói vậy.

Đã biết như vậy thì khi lìa bỏ sắc thân này tại sao người ta lại phải lo sợ. Có gì để phải lo sợ. Trái lại, việc lìa bỏ sắc thân này có phải chẳng là một niềm vui vô hạn mà Trang Tử trong câu chuyện “*cái sợ người*” đã giải thích và Chương này được Trang Tử đặt tên là Chí Lạc tức niềm vui vô tận.

Trang Tử qua câu chuyện “*cái sợ người*” đã giải thích

sự chí lạc như sau: khi con người lìa bỏ xác thân mình thì ôi thôi còn có cái vui nào bằng. Trên sẽ không có ông Vua, không còn bị ai áp chế; dưới không có bề tôi, những kẻ thuộc tùng để không bận bịu. Trong bốn mùa, cứ sống thong dong với trời đất, chẳng có chi mà phải lo âu, hết Xuân đến Hạ, hết Thu đến Đông, ung dung tự tại, và cái sợ người nói rằng như vậy vui còn hơn làm Vua nữa, vì như vậy là không còn khổ với kiếp làm người, vì người trên đời khi vừa mới sinh ra là đã khổ, lo lắng hầu như suốt cuộc đời, mà nếu cứ lo lắng hoài nhưng vẫn chưa lìa bỏ được sắc thân này để cứ ôm mãi nó mà lo lắng thì thôi còn có cái khổ nào cho bằng.

Trang Tử nói:

“Trên đời có cái gì cực vui làm cho người ta bảo toàn cái thân được không? Muốn có cái cực vui đó nên làm cái gì? Dựa vào cái gì? Tránh cái gì? Nhận cái gì? Lại gần cái gì? Xa lánh cái gì? Yêu cái gì? Ghét cái gì?”

“Cái mà mọi người trọng là phú, quý, thọ, điều tốt; cái mà mọi người lấy làm vui thích là mạnh khỏe, ăn ngon, mặc đẹp, được hưởng thanh sắc; cái mà mọi người khinh là sự bất tiện, chết yếu, ác tật, tiếng xấu; cái mà mọi người lấy làm đau khổ là thân không được an vui, miệng không được ăn ngon, mình không được mặc đẹp, tai mắt không được hưởng thanh sắc – Ai không được những cái đó thì rầu rĩ, lo sợ. Như vậy chẳng ngu sao, vì những cái đó là chỉ vui về hình hài.”

“Người giàu lao khổ, làm việc cho nhiều để tích trữ tiền của mà họ tiêu không hết, như vậy là đối với hình hài họ quá cầu cái vật chất ở ngoài. Người giàu sang, có chức vụ quan trọng, hết ngày tới đêm, suy nghĩ lo lắng hoài, không

biết việc mình làm tốt hay xấu, như vậy là đối với hình hài họ coi thường nó quá. Người ta mới sinh ra đời đã phải lo lắng rồi, nếu trường thọ thì tinh thần mê muội đi, lo lắng nhiều mà vẫn không chết cho, sao mà khổ thế”.

Như vậy, theo Trang Tử, con người quá trường thọ chưa hẳn là một điều hay mà câu chuyện dân gian Lào với bác Tiểu phu đã phải chịu nhiều khổ tâm, lao đao lận đận cũng chỉ vì được phép Trường sinh. Do đó, điều quan trọng đối với mọi người sống ở thế gian, nhất là người tu, là phải làm sao thấy được sự thật của sắc thân này. Nó chỉ là của vay mượn, nó chỉ tạm thời thôi. Thế thì đừng nên quá luyến lưu nó, đừng nên mê đắm nó, bám víu nó, chấp chặt lấy nó.

Không chấp chặt sắc thân, cũng như không chấp chặt danh ngôn như đã trình bày ở phần Giới, con người sẽ không còn bận bịu và lao đao lận đận với mọi thứ hữu hình hữu lậu thế gian nữa. Con người sẽ không còn bị bủa vây bởi phiền não và khổ đau, mà trái lại sự phá chấp được danh ngôn và sắc tướng sẽ là chiếc chìa khóa để con người có thể mở cửa bước vào ngôi đền Hiền Thánh hầu thẳng bước thông dong trên con đường siêu thăng, giải thoát, quê xưa cội vị qui hồi.

3- Đối Diện Với Thân.

Có đối diện với thân thì con người mới thấy rõ thực tướng của xác thân mình.

Có đối diện với thân thì con người mới có thể tỉnh thức, tránh được vô minh.

Có đối diện với thân thì con người mới phá chấp được danh ngôn và sắc tướng. Đây là hai loại hình tướng

ngăn cản đường tu, có thể nói là hai loại nội ngoại ma quái thường xuyên liên tục nhiều loạn người tu.

Phá được danh ngôn như đã trình bày ở phần Giới, và phá được Sắc Tướng như đang trình bày ở phần Thân, con người sẽ có thể mở cửa bước vào ngôi đền Hiền Thánh hầu thẳng bước thông dong trên con đường siêu thăng và giải thoát.

Để được siêu thăng và giải thoát, điều quan trọng trước tiên là con người phải có đủ can đảm nhìn thẳng vào sự thật hầu thấy rõ và biết rõ một sự thật hiển nhiên.

Để thấy rõ và biết rõ sự thật hiển nhiên đó, điều cần thiết tiếp theo là con người phải dám đối diện với sắc thân của mình dù rằng sự đối diện này sẽ gây cho con người lắm nỗi khó khăn mà có khi nhiều người không làm sao vượt qua được.

Trước tiên xin bàn qua những khó khăn đó:

a. Những khó khăn khi phải đối diện với Thân:

Đối diện với thân là để thấy được sự thật của thân, biết rõ về thân. Dù vậy, đó lại là vấn đề mà hầu hết người đời không ai mong muốn cả.

Có nhiều người hoàn toàn chống đối hay bác bỏ.

Lý do là khi đối diện với thân, thấy sự thật của thân thì lúc ấy lại hiện ra không biết bao nhiêu là thực tế phũ phàng.

Vì những sự kiện hay thực tế phũ phàng sẵn có nên khi bàn luận về sắc thân, đề tài này thường gặp trở ngại và hầu như trở thành cấm kỵ.

Sở dĩ có trở ngại và vấn đề biến thành cấm kỵ là vì

con người cứ mong rằng mình sẽ sống rất lâu, ngoài ra không khi nào lại muốn nghĩ đến việc lìa bỏ xác thân mình.

Chính vì những lý do này mà phần đông người đời không muốn đối diện với vấn đề lìa bỏ xác thân và cũng không muốn bàn đến đời sống tạm bợ vay mượn, vì họ muốn nó bền bỉ, lâu dài. Nhưng thử hỏi muốn như vậy, nghĩ như vậy có được không, có thực tế không?

Điều thực tế không thể phủ nhận cũng như không thể tránh là con người, dù bất cứ ai, sớm muộn gì cũng phải đối diện với vấn đề lìa bỏ xác thân, và việc sẽ đến chắc chắn sẽ đến. Nói rõ hơn, việc phải lìa bỏ xác thân là một phần tất yếu, chắc chắn nó sẽ xảy ra bởi vì nó là phần sau cùng của cuộc sống. Vì thế đối với thân vay mượn tạm bợ này, sự xa lìa nó không làm sao tránh được. Có nhiều người rất muốn tránh né nó, không nói đến nó, cố quên nó, nhưng rốt cuộc con người cũng phải đối diện với nó, không làm sao tránh né nó được.

Như vậy, đối với những người không chấp nhận vấn đề này, nghĩa là họ hoàn toàn chống đối hay bác bỏ thì phải làm sao? Giải pháp mà họ lựa chọn đó là làm thế nào cho họ được an tâm.

Muốn được an tâm, thủ thuật họ đưa ra là cứ tạm đánh lừa mình. Họ không nhớ đến nó nữa, vứt nó ra khỏi suy tư nghĩ tưởng, nói rõ hơn, ra khỏi trí óc mình. Nhưng thử hỏi với ý muốn chối bỏ như thế, con người có xóa bỏ nó vĩnh viễn được không? Chắc chắn là không?

Vấn đề sẽ luôn luôn tồn tại, mặc dù con người muốn quên, muốn vứt nó đi nhưng nó không khi nào rời mình được và đúng lúc, đúng thời cơ là nó sẽ trở lại. Điều chắc

chấn là ít nhất con người cũng phải đối diện với nó một lần, đó là lần “*nhất tức bất hồi, thiên thu vĩnh biệt*”, nghĩa là một hơi thở khi đã thở ra rồi mà không còn hít vào nữa, đó là lúc con người vĩnh viễn từ biệt cõi đời này.

Đã biết rõ và chắc chắn là như vậy rồi, thế mà tại sao con người lại cố chối bỏ nó, không chịu nhìn nhận nó là một hiện thực.

Chính vì chối bỏ nó, không chịu đối diện với nó nên con người không có sự chuẩn bị, vì thế mà phần đông phải chịu luân hồi đọa lạc. Như vậy, thôi không còn cách nào tốt hơn là mọi người nên chấp nhận đối diện với nó, nhìn nhận sự xuất hiện, hiện diện của nó. Có chấp nhận như thế và có chịu đối diện với nó thì con người mới có một sự chuẩn bị cần thiết cho tái kiếp của mình. Đến đây, một giải pháp mới xuất hiện. Đó là giải pháp có được do thấy sự thật và chấp nhận sự thật.

b. Chấp nhận sự thật:

Con người chấp nhận rằng sắc thân này là tạm bợ, là vay mượn, và ai cũng vậy, phải một lần lìa bỏ nó.

Như vậy, cần phải đối diện với nó, suy nghĩ về nó, nhìn tận mặt nó, nhìn rõ nó, nhìn sâu sắc vào nó, nhìn nó với cái nhìn Chánh kiến, và nghĩ đến nó với lối nghĩ Chánh tư duy, có như thế thì con người sẽ rất bình thản và an tâm khi mọi việc phải đến sẽ đến.

Làm được như vậy, con người sẽ không còn bị bất ngờ, quýnh quáng khi nó xảy ra. Nói khác hơn, càng nhìn kỹ sắc thân, thấy sự thật về nó, biết rõ rằng vì bản chất vay mượn và tạm bợ chắc chắn một ngày nào đó – và phải có ít nhất một ngày – nó sẽ vĩnh viễn lìa mình, như vậy con

người sẽ gặp thuận lợi nhiều hơn do không bị hốt hoảng lo sợ, nhưng dù có lo sợ thì nó cũng sẽ đến mà thôi.

Nói như thế để thấy rõ nó chắc chắn sẽ xảy ra, chắc chắn nó sẽ đến dù con người có chạy trốn nó. Như vậy thì không cách nào khác hơn là con người cần nên đối diện với nó, thấy sự thật về nó, nghĩ đến nó, như thế con người sẽ được lợi lạc rất nhiều.

– Lợi thứ nhất là con người sẽ huân tập được nhiều đức tánh tốt. Con người sẽ có cái nhìn, cái thấy với Chánh kiến, nghĩa là thấy đúng sự thật, nhận định đúng sự thật.

– Tiếp theo đó, con người sẽ có cái suy nghĩ đúng đắn, đúng với sự thật, đó là cái suy nghĩ với Chánh tư duy.

Hai đức tính Chánh kiến và Chánh tư duy sẽ giúp con người có một đời sống đúng theo chân lý, đúng theo Đạo đức, giúp cho con người sống được với Chánh niệm.

Huân tập được Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh niệm, con người đã bước lần đến con đường đạt Đạo. Sau này và ngay trong hiện tại, con người sẽ sống với cuộc sống bình an hạnh phúc, không còn bồn chồn lo sợ khi phải lia bỏ sắc thân này.

Con người sẽ thấy với cái sắc thân này, một khi lia bỏ nó thì nó sẽ tàn rụi và bị chôn vùi để cho cỏ phủ rêu phong. Có nhiều nơi, ở một số vùng tại một hai quốc gia, người ta không đem nó đi chôn mà lại đem treo nó trên núi hoặc quăng đại nó ra đồng để cho hùm beo hay kên kên quạ ăn, vì họ nghĩ rằng xác thân này đã bị hủy bỏ hoàn toàn rồi và làm như vậy còn có thể giúp cho chim ưng hay muông thú.

Đã thấy rõ nó như vậy, thấy rõ bản chất nó là của

thổ thì tất phải hoàn cho thổ, để rồi lụi tàn, tiêu tan, trở thành cát bụi, vậy mà sao bây giờ, lúc còn mang nó và đang sống với cuộc đời này, con người lại quá quan tâm về nó, cưng yêu nó, ôm ấp nó, lo bồi bổ bù đắp nó. Tại sao người ta lại quá bám víu cái thân này, vướng mắc với cái thân của mình đến thế.

Người có Chánh kiến sẽ thấy rằng hễ bất cứ cái gì là vay mượn thì chắc chắn một ngày nào đó ta phải hoàn trả, phải như thế mà thôi chớ không khác được. Vậy con người hãy nhìn kỹ lại xem cái thân này là của vay mượn nào có khác gì. Như vậy dù có cố gắng giữ gìn nó tới đâu, o bế bảo vệ nó tới đâu, thì cũng có lúc phải hoàn trả nó, phải bỏ nó.

Biết chắc chắn là thế nào cũng sẽ vất bỏ nó rồi đó, vậy mà khi còn sống đây con người ta lại vì nó mà tạo ra không biết bao nhiêu là nghiệp ác, những ý nghĩ, lời nói, hành động chẳng lành, gây không biết bao nhiêu khổ đau cho không biết bao nhiêu người khác, thử hỏi như vậy có đáng nên làm không?

Nếu sống trên cuộc đời này con người chỉ cứ lo tranh đua, lo tính dục, chỉ biết đập vùi gây khổ đau cho đồng loại, làm phiền, lao nhọc, làm khổ bao nhiêu người khác thì tốt hơn con người chỉ nên làm một ngọn rau để ăn, một cọng cỏ cho gió vui đùa hay một cành cây để che mát, như thế chắc ích lợi và tốt hơn nhiều.

Cái tốt nhất mà chắc nhiều người rất mong muốn – và dù có ai hiện giờ không muốn, nhưng vào một phút giây nào đó trong cuộc đời, nhất là lúc mới gối chồn chân, chắc cũng sẽ muốn mà thôi – đó là ai cũng mong mình sẽ nhận chân được rằng khi mình đến thế gian này với

mảnh hình hài nầy thì đó cũng chính là ngày mà mình bắt đầu từ từ lìa bỏ sắc thân và thế gian nầy vậy.

Người ta cứ hằng ngày hằng bữa, từng phút từng giây, tiến dần từ sinh đến tử. Biết rõ như vậy mà con người lại không lo chuẩn bị cho kiếp mai sau, lại dùng suốt cả cuộc đời mình để lo tóm thâu, tom góp, cho đến khi lìa bỏ cuộc đời nầy thì con người có còn giữ lại được cái gì? Con người sẽ bỏ lại tất cả.

Những thứ mà con người cố công tom góp, tóm thâu, thứ nào con người cũng phải bỏ lại để bước vào thế giới bên kia, hay nói rõ hơn là bước vào tái kiếp tương lai, mang theo không gì khác hơn ngoài nghiệp lành hay nghiệp dữ. Nếu là nghiệp lành thì chẳng nói làm chi, nhưng nếu không may đó là nghiệp dữ thì có đáng hay không, có đáng cho trọn cả cuộc đời tóm thâu, tom góp để rồi tạo ra nó hay không?

Vậy, thôi thì khi còn chen chân giữa chốn bụi trần, có thể nào nhân một lúc thanh thoi nhàn rãi nào đó, con người nên dành một ít thì giờ mọn để nghĩ đến cảnh đời này, quán tưởng lại cuộc đời mình, chắc chắn con người sẽ thấy nó giả tạm làm sao!

Bởi lẽ:

*“Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười”.*

Như lời cụ Nguyễn Công Trứ đã nói, có nghĩa là cuộc đời của mỗi con người nó chỉ giả tạm, vay mượn, ngắn ngủi.

Vậy thì thôi nên chín chút thì giờ suy nghĩ lại, nhìn lại bản thân để thấy rằng sắc thân này không sớm thì

muộn nó cũng phải ra đi, về cùng cát bụi. Có quán tưởng được như vậy, có nhớ rõ được như vậy con người mới bớt bị ám ảnh bởi của cải, danh vọng, địa vị, tiền tài, bớt lo bám víu, tóm râu, tom góp.

Sống mà đã bớt được đam mê tóm râu tom góp, để dành một ít thì giờ nghĩ đến sự mong manh của sắc thân mình, đó là lúc con người, ngoài việc lo cho sự sống, còn biết lo cho kiếp sau của mình nữa thì thôi còn gì quý hóa cho bằng.

B- THÂN VÔ THƯỜNG.

Hầu hết các Tôn giáo đều có nói đến Lý Vô thường.

Với Đạo Cao Đài, thuyết Vô thường được xem là một Chân lý dùng để dạy dỗ tín đồ, khuyến tu tâm Đạo.

Quả thật Vô thường là một sự thật không thể phủ nhận được.

Đức Phật Thích Ca nhờ thấy được Vô thường, sống với chân lý Vô thường mà thành Phật. Các vị Thánh nhân nhờ thấy được Lý Vô thường vô ngã, sống với Vô thường vô ngã mà được xưng tôn là những bậc Thánh Hiền. Tóm lại, Vô thường cũng như Vô ngã là những sự thật hiển nhiên.

Thật vậy, vạn vật thế gian, trong đó có cả con người, không một ai có thể đứng ngoài vòng chi phối của Luật vô thường được. Với con người thì Sinh, Lão, Bệnh, Tử; với sự vật thì Thành, Trụ, Hoại, Không. Con người hễ có đến thì tất phải có đi, cũng như sự vật hễ có thành thì cũng phải có hoại. Đây là tiến trình sinh diệt tất yếu của vạn hữu.

Hãy thử nhìn xem một cái bàn, cái nhà hay một đứa

trẻ chẳng hạn. Cái bàn, cái nhà nếu không vô thường, không qua chu trình thành hoại để hư hao, biến diệt thì làm sao bác thợ hồ hay anh thợ mộc có được việc làm. Trường hợp con người cũng vậy. Nếu không có sự đổi thay do Luật Vô thường mang đến thì thử hỏi làm sao một cậu bé có thể lớn lên được. Nó sẽ bé hoài, nghĩa là con người sẽ luôn luôn giữ mãi cái hình thái lúc ban đầu, trẻ mãi không già, khỏe mãi không đau và sống mãi không chết.

1- Niềm Vui Với Lý Vô Thường.

Đến đây một câu hỏi được đặt ra là Vô thường khổ hay vui?

Có nhiều người khi nghe nói đến thân này vô thường, thân này vay mượn thì không vui tí nào cả. Lý do vì thân này bị vui dập, chê bai, mà tâm lý của mọi người thì hầu như ai cũng quý trọng cái thân của mình cả. Do đó, việc nhiều Tôn giáo thuyết giảng phơi bày sự thật về thân, thường bị kết là tiêu cực hay bi quan yếm thế.

Sự thật không phải như vậy.

Các Tôn giáo không hề tiêu cực hay bi quan khi nói đến sự thật của thân. Mục đích của bất cứ Tôn giáo nào cũng vậy, là cố mang lại hạnh phúc cho nhơn sanh, một thứ hạnh phúc Chân thường chứ không chỉ là Vô thường. Chính vì hạnh phúc chân thường cao cả này mà các Tôn giáo mới không ngại phơi bày ra tất cả sự thật về thân.

Một khi đã thấy rõ sự thật về thân và hiểu được thế nào là hạnh phúc Chân thường, người ta sẽ không còn tham đắm sắc thân này nữa. Đó chính là lúc con người đã tìm được con đường về với nguồn Đạo, mà Đạo là nguyên lý, là nguồn gốc của niềm vui, của hạnh phúc cho mọi

người. Nói khác hơn, thấy được Lý vô thường và sống với Lý vô thường thay vì bị kết tội bị quan, tiêu cực trái lại là tích cực lạc quan yêu đời, nghĩa là vô thường thay vì tạo khổ lại mang đến niềm vui.

Để lý giải niềm vui khi thấy Lý vô thường và sống với vô thường, xin được kể ra đây một câu chuyện thường được nhắc đến trong nhà Phật, mà hệ quả tất nhiên có liên quan đến đời sống hằng ngày của chúng sinh cũng như qua tiến trình phát triển tâm linh của tất cả mọi người tu.

Chuyện kể rằng thuở nọ ở một đất nước giàu sang lớn mạnh kia có một vị Vua cai trị thần dân hết sức hiền lành.

Vua thường hay xuất cung tuần du để hiểu rõ dân tình hầu dễ bề giúp đỡ muôn dân và trấn an bá tánh. Đi đến đâu Vua cũng thấy dân chúng ấm no, an cư lạc nghiệp, giang sơn thì gấm vóc, thịnh vượng thái bình.

Vì được hạnh phúc ấm no, an cư lạc nghiệp nên thần dân rất ngưỡng mộ hoàng gia, do đó Vua đi đến nơi nào cũng được sùng bái, tung hô. Nhà Vua rất vui mừng và hãnh diện về sự cai trị của mình. Vua ước mong luôn luôn hưởng được sự vinh hoa phú quý ấy, cũng như lòng ngưỡng mộ của thần dân.

Bỗng một hôm nhà Vua bất chợt soi gương và thấy tóc mình đã bạc, da mặt đã nhăn. Nhà Vua buồn lắm và không còn thiết tha với triều chính nữa.

Nhân một ngày nọ lâm triều, Vua vừa xuất hiện được bá quan vui mừng tung hô vạn tuế. Nhà Vua thay vì vui như mọi hôm thiết triều khác, trái lại rất buồn rầu, nhìn vào tất cả bá quan và bỗng nhiên vua bật lên khóc nức nở. Bá quan thấy thế rất kinh ngạc, tâu hỏi duyên cớ

và nhà Vua trả lời như sau:

“Sau không biết bao lần tuần du, nhìn thấy giang sơn thanh bình thịnh vượng, muôn dân sống trong an lạc, hạnh phúc, ấm no và mọi người đều ngưỡng mộ Trẫm, lòng Trẫm chỉ mong sao sống mãi được cạnh thần dân trên dãy non sông gấm vóc này. Nhưng hồi ơi, vừa rồi soi mặt vào gương Trẫm thấy Trẫm đã già và chắc sắp rời bỏ các khanh, rời bỏ đất nước thân yêu này cho nên Trẫm đau lòng mà khóc”.

Nói đến đó nhà Vua lại bật khóc to hơn và bá quan thấy Vua khóc nên cũng động lòng khóc theo tức tưởi. Vậy mà trong đám triều thần ấy lại có một người không khóc theo Vua và bá quan mà trái lại còn cười với vẻ mặt tỉnh bơ như không có gì xảy ra cả. Nhà Vua thấy thế rất giận bèn nghiêm mặt phán:

– “Tại sao khanh lại cười được. Tại sao khanh không thông cảm được nỗi lo lắng khổ đau của Trẫm khi Trẫm đã già và ngày chết cũng không xa. Khanh đã không khóc như bá quan đã khóc mà trái lại còn cười nữa. Tội của khanh là tội khi quân.

Trẫm cho khanh được trình bày lý do. Nếu thấy thông suốt, Trẫm tha tội, bằng không Trẫm sẽ ra lệnh chém đầu”.

Vị quan mỉm cười kia bèn nhỏ nhẹ tâu rằng:

– “Muôn tâu Bệ hạ, hạ thần thấy Bệ hạ khóc rất có lý; bá quan cũng rất có lý. Những cái lý do như thường có với người trần thế đa tình, mà hễ trần thế đa tình thì thường hay nông nổi và thiếu cận.

Nếu Bệ hạ có thể bỏ ít thì giờ nghĩ xa hơn một chút, nghĩ sâu hơn một tí thì Bệ hạ sẽ nhớ lại và sẽ thấy một sự thật hiển nhiên đã trở thành chân lý. Đó là vạn vật thế gian

đều bị chi phối bởi Luật Vô thường. Nếu không có Luật Vô thường thay đổi thì Tiên vương hiện giờ vẫn còn sống sờ sờ ra đây, vẫn tiếp tục thường xuyên tọa thị trên ngai vàng, vậy làm sao Bệ hạ lên thay để hưởng được mọi điều vinh hoa phú quý như hiện nay. Vì Bệ hạ quên điều ấy nên Bệ hạ khóc và bá quan cũng không nhớ điều ấy nên bá quan khóc theo. Hạ thân dám cười và dám nói ra đây là để nhắc cho Bệ hạ thấy rằng vạn vật đều vô thường, thế gian là vô ngã, không ai có thể lột da sống đời mãi được, để Bệ hạ nhớ lại sự vô thường biến đổi ấy mà hết buồn, và ngày nào Bệ hạ còn sống thì xin vui sống hết ngày trời, vui sống với bá quan văn võ và thần dân, có như thế Bệ hạ mới thấy thương thần dân và giúp đỡ thần dân với tất cả từ tâm của Bệ hạ”.

Nghe đến đây nhà Vua như tỉnh mộng, vui vẻ mỉm cười và tuyên phán tha tội cho vị quan.

Câu chuyện trên đây ý nói thấy được vô thường không hẳn tiêu cực, bi quan mà trái lại là một niềm vui được minh chứng như sau:

– **Thứ nhất:** Nếu mọi sự vật vẫn cứ mãi thường hằng, như sự hiểu biết của con người là thường chớ không phải vô thường, như vậy làm sao sự hiểu biết đó có thể thay đổi được. Người nào ngu dốt sẽ vẫn mãi cứ ngu dốt. Người nào khôn lanh thì cứ tiếp tục khôn lanh. Việc học hành, tìm hiểu sẽ là điều không cần thiết vì dù có cố gắng bao nhiêu thì cũng không thay đổi được, ngu si vẫn cứ ngu si, vậy học hỏi để làm gì, mà nếu không có học hỏi thêm thì làm sao có tiến bộ.

Tóm lại, vô thường biến đổi ngoài ý nghĩa một sự thật hiển nhiên, nó lại là một điều tối cần thiết. Có vô thường con người mới tiến bộ và xã hội mới văn minh.

Vậy vô thường là nguồn lý vọng, là một niềm vui.

– **Thứ hai:** Về phương diện xã hội, nếu không có vô thường thì làm sao xã hội biến chuyển đổi thay được. Nếu mọi sự vật vẫn cứ mãi thường hằng thì thử hỏi làm sao các chế độ độc tài có thể chuyển sang dân chủ. Kẻ độc tài vẫn cứ sống mãi để độc tài hoài và chế độ độc tài sẽ vĩnh viễn muôn năm, như vậy làm sao con người sống có tự do và hạnh phúc được. Như vậy phải chăng vô thường mang đến dân chủ tự do, ấm no, hạnh phúc, và đó là niềm vui mà bất cứ con người bình thường nào cũng hằng mong đợi.

– **Thứ ba:** Trong việc chuyển hóa tâm thức và phát triển tâm linh, người tu sẽ khó tinh tấn tiến bộ được nếu không thấy rõ Lý vô thường.

Thật vậy, nếu mọi việc vẫn cứ mãi thường hằng thì người nào hung dữ sẽ vẫn luôn luôn hung dữ và người hiền lành vẫn mãi hiền lành. Người dữ thì làm điều ác, tạo nghiệp ác. Người lành thì làm nói lành, tạo nghiệp thiện. Như vậy, người ác thì sẽ mãi mãi bị đọa còn người lành thì luôn luôn được siêu thăng. Điều này trái hẳn với giáo lý khuyến tu tâm Đạo của các Tôn giáo, rõ nhất là giáo lý Đạo Cao Đài và Đạo Phật.

Theo Đạo Cao Đài và Đạo Phật, nếu người tu biết cách tu và cố dụng công tu thì có thể thay đổi được nghiệp, chẳng những tích lũy nghiệp thôi, mà còn có thể trong nhất thời, trước phút lâm chung, thay đổi cả cận tử nghiệp nữa. Nói rõ hơn, nghiệp chướng, tội báo đều không đứng ngoài Lý vô thường, vẫn có thể thay đổi được, và nhờ thế mà con người mới tránh khỏi được các nẻo luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát.

Muốn giải nghiệp, tiêu trừ tội lỗi, điều quan trọng là con người phải biết lo Tu Thân và Tu Tâm, nhất là Tu Tâm, vì tất cả mọi việc trên đời không có cái gì ngoài Tâm, tất cả đều do Tâm tạo, vì thế mới có câu:

*“Tội vốn bốn không do Tâm tạo.
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không”*

.....

Có nghĩa tội báo hay nghiệp chướng đều do Tâm mới có mà nếu Tâm không thì tội cũng không. Nói khác hơn, do tâm mà con người có thể chuyển được tội báo hay nghiệp chướng, tức nếu cố công tu, người tu thay vì phải bị đọa lạc sẽ được siêu thăng. Đây là một niềm vui, một hạnh phúc chân thường.

Tóm lại, vô thường là một sự thật hiển nhiên. Thấy được Lý vô thường là một niềm vui, là hạnh phúc. Người thấy được Lý vô thường, biết vô thường, năng quán tưởng vô thường và tập sống với chánh niệm vô thường trong trí não, sẽ có một đời sống thể gian cũng như tâm linh khác hẳn người khác, đại để như sau:

2- Vui Do Biết Có Vô Thường.

Người thấy biết vô thường sẽ có một cuộc sống vui tươi, hạnh phúc, tích cực thay vì tiêu cực bi quan buồn chán như có người đã lầm tưởng. Lý do là khi đã thấy được Lý vô thường thì đương nhiên tâm thức của con người sẽ chuyển hóa và thay đổi. Con người thay vì chán nản, buông trôi thì trái lại biết yêu thương cuộc sống, trong chiều hướng tích cực và xây dựng, vì con người thấy rằng đời của mỗi một con người sẽ chẳng là bao, vậy phải sống

làm sao có một cuộc sống đầy đủ ý nghĩa, may ra còn có ích cho mình, cho xã hội và cho mọi người.

Để hỗ trợ cho ý kiến vừa nêu, xin kể ra đây một câu chuyện mà Bác sĩ người Mỹ tên Howard C. Cutler, một nhà y học và tâm lý học rất thân cận với Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 đã kể trong quyển sách ông viết có tựa đề là “*The Art of Happiness – A Handbook for Living*”, do Nguyễn Dực chuyển ngữ với tựa đề là “*Hạnh Phúc Chân Thường*”^[1].

Theo quyển sách được chuyển ngữ trên thì nơi trang 10, Bác Sĩ Howard C. Cutler có kể lại câu chuyện về hai người bạn: một người dù gặp được vận may, nhiều tiền lắm của nhưng không cảm thấy có được hạnh phúc. Còn một người nữa, sau khi bị nhiễm vi trùng bệnh liệt kháng (Aids), đã cảm thấy choáng váng rụng rời, nhưng sau đó lấy lại được bình tĩnh, vui vẻ nhận thấy một thế giới khác mở ra với mình, bắt đầu tìm hiểu những vấn đề tâm linh.

Bác sĩ Cutler kể ra như sau: “Hai năm trước, một người bạn của tôi gặp vận may bất ngờ. Độ 18 tháng trước thời gian này, chị ấy xin nghỉ việc y tá và hùn hạp với hai người bạn mở một Công ty nhỏ chăm sóc sức khỏe. Công việc làm ăn lên vùn vụt rồi một Tổ hợp lớn khác đã mua Công ty với một số tiền khổng lồ. Người bạn tôi nhờ vận may này trở nên khá giả đến nỗi có thể về hưu ở tuổi 32. Mới đây, tình cờ gặp lại, tôi hỏi thăm chị ấy đã vui hưởng đời sống được về hưu như thế nào và chị trả lời rằng:

“Vâng, rất là thú vị được đi du lịch và làm những điều mình muốn làm, nhưng có điều là sau những kích thích do tiền bạc tạo ra lúc ban đầu, mọi sự làm như trở

[1] Sách do Cơ sở xuất bản A Dục 444-448 Springvale Road, Springvale South 3172 Victoria – Australia, in năm 2000.

lại bình thường.

Ý tôi muốn nói rằng dù có những đổi khác như tôi mua một ngôi nhà mới với đầy đủ đồ đạc, nhưng tổng quát thì tôi không cảm thấy hạnh phúc hơn trước.

Cũng vào khoảng thời gian này, một người bạn khác của tôi biết được rằng anh ta bị nhiễm vi trùng bệnh liệt kháng (HIV) dương tính. Chúng tôi bàn luận về phương cách ứng xử với căn bệnh hiểm nghèo này. Anh ta nói:

– “*Lúc đầu, dĩ nhiên tôi choáng váng rụng rời và phải mất cả năm tôi mới chấp nhận được sự thật tàn nhẫn ấy. Nhưng sau đó sự việc bỗng nhiên thay đổi. Tôi ra ngoài nhiều hơn trước và được lúc nào hay lúc đó, tôi cảm thấy vui vẻ hơn nhiều. Tôi cảm kích hơn đối với những chuyện thường nhật. Tôi biết ơn khi nghĩ rằng tôi đã may mắn không bị chuyển sang bệnh AIDS và tôi thật sự hưởng thụ những gì tôi có. Mặc dù không muốn bị bệnh, phải công nhận rằng chính bệnh hoạn đã thay đổi con người tôi.*”

Thay đổi như thế nào? Tôi hỏi và anh bạn đáp:

– “*Anh biết đó, trước kia tôi rất tôn trọng vật chất, nhưng một năm sau khi biết mình bị bệnh, một thế giới khác mở ra trong tôi. Lần đầu tiên trong đời, tôi bắt đầu tìm hiểu vấn đề tâm linh, đọc sách và bàn luận với bạn bè. Tôi khám phá ra những vấn đề mà chưa bao giờ tôi nghĩ đến.*”

Câu chuyện của anh chàng thứ hai nhiễm trùng liệt kháng tưởng chết nhưng không chết cho thấy những gì?

– **Thứ nhất:** Bệnh hoạn đã làm tâm tư con người thay đổi, làm ảnh hưởng đến tâm linh.

Trong lúc bệnh hoạn cũng như những khi con người

gặp phải nạn tai hay nghịch cảnh có thể hủy hoại hoặc đoạt lấy mạng sống của mình, chính những lúc đó con người dễ chuyển hóa tâm thức, để ý thức về sự ngắn ngủi của cuộc đời, về Lý vô thường là sớm muộn gì con người cũng biến đổi, sớm muộn gì cũng có một lần con người phải liả bỏ xác thân này, cuộc đời này. Ý thức đó sẽ làm con người để ý đến kiếp mai sau và hướng về tâm linh.

– **Thứ hai:** Ngoài ra, nếu chịu thấy Lý vô thường, có suy gẫm về vô thường, đó là những cơ hội làm cho con người dễ phản tỉnh, cơ hội mở mắt con người để lo tu tập. Nói rõ hơn, việc thấy biết về vô thường, tức sắc thân này sẽ tan hoại, mà chắc chắn con người sẽ rời bỏ nó, giúp con người tiếp tục tiến tu, và trong thâm tâm muốn được kéo dài sự tu tập. Như vậy, nhờ thấy vô thường, người ta có thể quyết tâm tu tập, khác với người không có chánh niệm về sắc thân, không thấy biết Lý vô thường của thân thì việc tu tập chỉ phát phơ thôi, không đạt hiệu quả mong muốn được.

– **Thứ ba:** Hơn thế nữa, thấy được Lý vô thường, quán niệm về vô thường còn giúp con người dẹp đi được cái “*ngã*” của mình và làm cho con người dễ có từ tâm và nhẫn nhục, những đức tánh giúp con người có được hạnh phúc chân thường.

Thật vậy, có nhiều người tuy có tụng Kinh, gõ mõ, chịu đi chùa, nhưng vì chẳng thấy được Lý vô thường nên vô tình và mặc nhiên sau đó lại dễ chạy theo ngũ dục, lục trần. Những vị này khi đặng chuyện, họ hành xử giống y như mọi thể nhân khác, chẳng có vẻ gì là người có Đạo, có tu cả. Họ cũng chấp nhất, giận hờn, ganh ghét hay ghen tuông điên đảo rồi đau khổ như bao nhiêu người trần tục.

Phải nói rằng có nhiều người tu phạm phải khuyết điểm này. Đó chẳng qua là vì chẳng chịu nghe, chẳng chịu thấy, hay đã thấy, đã biết nhưng chẳng chịu nhớ và hằng tâm quán tưởng vô thường. Một khi đã thấy, đã biết, đã nhớ và thường xuyên quán tưởng vô thường, biết thân này có thể tan hoại bất cứ lúc nào thì con người có thể được chữa lành bớt được cái bệnh chấp ngã, không còn tham lam, sân hận, si mê, và hơn thế nữa, còn chịu nhận nhục, quý từ tâm, sẵn lòng thương yêu giúp đỡ mọi người và không còn ham muốn hơn thua nhau nữa.

Tóm lại, ý thức vô thường giúp con người có một cuộc sống có ý nghĩa, làm cho con người có Hỉ xả Từ bi, thấy lòng từ ái và tâm linh quan trọng hơn những dục vọng hay thú vui vật chất hằng ngày mà bất cứ ai khi chưa thấy được Lý vô thường hay theo đuổi.

3- Không Biết Có Vô Thường Là Mê Lắm.

a. Về phương diện cá nhân:

Không thấy vô thường làm cho con người dễ có những ý nghĩ hay hành động thấp hèn, thích ham muốn, đua tranh, giành giật, v.v.

Con người sẽ thấy mọi việc trên đời là thật, không để ý tới sự biến hóa và bất tịnh của thân, vì thế con người dễ bị nạn với dục tình trần thế.

Vì thấy mọi sự vật trên đời là thật, nên con người có chiều hướng coi trọng dục lạc trần gian, bị ám ảnh bởi lợi danh, đam mê tài, sắc, danh, thực, thù, buông trôi theo hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục, và hầu như lúc nào cũng sẵn sàng dẫn thân trên con đường đua tranh giành giật mà ít khi nào chịu chùng bước trước những ý nghĩ và hành động

chẳng thiện lành. Tóm lại, họ luôn luôn sẵn sàng mọi hành động thể tục, làm theo si mê, sân hận, tham lam, theo vọng niệm, vọng tâm mà không để ý tới đời sống tâm linh cũng như những giá trị tinh thần và nhất là Luân hồi tái kiếp.

b. Về phương diện tập thể:

Không thấy được Lý vô thường, con người dễ sống cuộc đời vị kỷ chớ chẳng vị tha, chỉ biết thương mình chớ chẳng nghĩ đến ai khác. Đó là nguồn gốc của mọi khổ đau mà con người tự chuốc lấy khi tâm thức chưa chuyển hóa và đời sống tâm linh không có cơ phát triển.

Hơn thế nữa, chẳng những tự mình khổ đau thôi, mình lại còn gây thêm khổ đau cho người khác; lý do vì không thấy được thân vô thường, không thấy được Thần chết luôn luôn rình rập chực chờ nên mình chỉ nghĩ đến việc sống một cuộc đời giàu sang sung túc, ăn ngon mặc đẹp, ở nơi sang trọng và sẵn sàng đe dọa, đe bẹp, làm hại người khác khi có dịp.

Nói rõ hơn, vì không thấy vô thường nên con người dễ làm những điều ác, làm những gì có hại cho người khác và có lợi cho mình. Làm như thế mình lại thích thú, nghĩ rằng mình có tài, có khả năng, mình giỏi, mình hữu hiệu, chớ nào thấy đó chỉ là tạo nghiệp chẳng lành mà hậu quả nghiệp báo luân hồi không làm sao tránh khỏi.

Hãy thử nhìn lại những người như Hitler, Staline chẳng hạn. Đây là hai trong những người mà có lẽ trong suốt cuộc đời họ không khi nào bỏ ra một vài giây phút để nghĩ đến vô thường, nghĩ đến vị Thần chết luôn luôn sẵn sàng chực chờ để cướp đi mạng sống của họ. Thế rồi họ hô phong, hoán võ, mưu mô ác độc, xảo quyết tuyệt

vời, đang tay hành quyết giết hại cả triệu triệu người, giết luôn cả đồng bào của họ nữa để cuối cùng họ lại được những gì? Họ sống không an mà chết cũng chẳng yên, bị người ta đào mồ đập mả, chết chẳng toàn thây, chớ nào sống được hạnh phúc và chết được bình an như bao nhiêu người khác. Phải chi họ bỏ ra một ít thời giờ nhỏ mọn để nghe, thấy vô thường, biết được Thần chết chẳng bao giờ buông tha họ đâu và sẵn sàng đoạt mạng họ thì có lẽ nhiều quốc gia trên thế giới cũng như bao nhiêu triệu dân lành đã không là nạn nhân của họ và họ cũng không chết tức tử đau thương như vậy.

4- Vô Thường Là Chân Lý.

Vô thường là một sự thật tất yếu, một chân lý không thể nghĩ bàn, Vô thường là một vị Thần Công lý liêm minh, chính trực công bằng với tất cả mọi người, không phân biệt già trẻ, giàu nghèo, nơi trẻ không dư mà già cũng không thiếu.

Thần Vô Thường không thiên vị, không thua cuộc và cũng không nhượng bộ bất cứ một ai.

Không ai thắng được Thần Vô Thường dù đó là một vị tướng quân có thiên binh vạn mã. Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ Sở Bá Vương với “*một tiếng hét núi sông còn run chuyển*” nhưng khi Thần Vô Thường đến thì cũng đành bó tay thúc thủ mà thôi.

Không một Đạo quân nào, dù dũng mãnh đến đâu, có thể đánh bại được Thần Vô Thường, và cũng không bất cứ một ai có thể lừa gạt ông ta được. Có thể nói ông ta mạnh khỏe và khôn ngoan hơn hết trong những người mạnh và khôn nhất.

Cũng không ai đút lót hay mua chuộc ông ta được. Tiền tài, danh vọng, địa vị, của cải, giàu sang, sắc đẹp, tất cả đều không thể mua chuộc được ông ta. Khi ông ta đến thì tất cả đều phải biến dạng, duy chỉ còn ở lại có nghiệp mà thôi. Nghiệp đó sẽ theo con người trong suốt hành trình tái kiếp, nghĩa là lúc đó thì bất cứ ai cũng chỉ còn có người bạn đồng hành duy nhất, đó là nghiệp lành hay nghiệp dữ mà thôi.

Nghiệp chỉ còn hay chỉ có là khi nào con người vẫn chưa thấy Lý vô thường, chưa thấy được sự thật của thân, vẫn còn chấp thân, cho nó là tự ngã.

Vì chấp ngã và những gì gọi là ngã sở nên con người mới tạo nghiệp, nhất là những nghiệp chẳng lành.

Trái lại, một khi con người đã hiểu được sự thật về thân, thấy và biết rõ thân này là vay mượn, duyên hợp và vô thường thì lúc đó con người không còn dính mắc, bám víu và tham đắm cái thân này nữa, như vậy làm sao có thể tạo ra nghiệp được.

Nói rõ hơn, nếu con người thấy được thân này là vô thường, là vay mượn, thì lúc đó con người đã thấy sự huyền hóa của sắc thân, vì vô thường vay mượn cũng tức là huyền.

Huyền có nghĩa là không vĩnh hằng, không thật. Cái gì được gọi là huyền thì bản thể của nó là rỗng, là không. Không đây chẳng phải là không khác với có, chẳng phải là không ngờ, không có gì cả, không có mặt hay hiện diện lúc đó, mà không ở đây có nghĩa là không có tự tánh, tự thể, không có thực thể nội tại, nghĩa là vẫn có nhưng chỉ có tạm thời thôi, có một thời gian nào đó rồi biến hoại. Đó là tấm thân phàm tục “*ba vạn sáu ngàn ngày là mấy*”

của mỗi con người. Đó là tấm thân có rồi cũng sẽ thành không nên gọi nó là huyền.

Nguyên lý vô thường như huyền thâm diệu vô cùng. Bất cứ ai khi đã thấy, đã biết và bắt đầu sống với nó là kể từ lúc ấy con người đó đã bắt đầu bước vào ngưỡng cửa Thánh Hiền, Tiên Phật.

Tiên Thánh hay Phật chỉ là những vị đã tỉnh giác và thấy được vô thường như huyền, khác với phàm phu còn vẫn mê lầm, vô minh, ngu muội, chấp chặt, bám víu lấy xác thân mình cho nó là thật, là tự ngã để phải lăn trôi trong luân hồi sanh tử.

Ngày nào con người tỉnh giác, hết mê lầm, thấy được thân mình bản thể vốn vô thường và vay mượn thì ngày đó con người sẽ không còn tham lam, sân hận, và si mê nữa, không còn bị lôi cuốn bởi lực dục thất tình, vật chất xa hoa, tình cảm mộng lung sa đọa là nguồn gốc của mọi sự khổ đau.

Nói khác hơn, thấy được Lý vô thường con người không còn ưu bi khổ não nữa, mà trái lại sẽ sống một cuộc đời đầy từ ái, vị tha. Con người không còn nghĩ rằng Tôn giáo mang đến những quan niệm bi quan, yếm thế, khổ đau mà trái lại sẽ thấy Đạo là cội nguồn của an vui và hạnh phúc.

Thật vậy, còn gì vui hơn khi mình đã thấy đâu là sự thật.

Nhờ thấy sự thật đó mà mình có thể chọn một lối đi đúng hướng, tránh khỏi khổ đau và được an vui hạnh phúc.

Ở đời ai mà lại không mong được an vui, hạnh phúc. Ai mà lại không muốn xa lánh khổ đau. Mọi người mang

thân phàm xác thịt đều như nhau, và tất cả cũng giống như mình vậy, thích hạnh phúc và sợ khổ đau. Nên ai đem hạnh phúc cho mình thì mình vui mình mừng, còn nếu gây khổ đau cho mình thì mình lánh xa, mình lo sợ. Mình như thế thì tất cả mọi người cũng như thế. Ai cũng vui tươi với hạnh phúc và lánh sợ khổ đau. Vậy thì khi đã thấy sự thật như thế, mình đâu nỡ lòng nào gây đau thương cho người khác mà chỉ cố làm sao đem lại được hạnh phúc cho bất cứ người nào mà mình có thể.

Nói rõ hơn, một khi con người đã tỉnh giấc, thấy được Lý vô thường, thấy được cuộc đời là phù du ngắn ngủi, tất nhiên con người không còn mê tham chạy theo dục vọng thấp hèn, chạy theo phù phiếm xa hoa, dâm ô trụy lạc nữa, mà con người sẽ biết phải làm sao cho cuộc đời ngắn ngủi mà trong đó:

*“Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hiệp đời xây không thường”*

Và:

*“Việc sanh tử như đường chớp nhoáng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn”.*

.....

Kinh Sám Hối tức ngày đến rồi đi, ngày ngày lại cứ qua mau, và con người hết sinh rồi tử, hết tử rồi sinh, vậy thì con người phải làm sao để có nhiều tự lợi khi mang tấm thân huyền hóa này, nghĩa là không còn chấp trước, luyến ái, tham đắm và cố bám víu lấy sắc thân này, để “*Giữ cho trong sạch linh hồn*” hầu “*Rèn lòng sửa nét đức tôn hậu lai*” (Kinh Sám Hối), và rồi hơn thế nữa, còn phải làm sao có ích, có lợi cho tất cả đồng loại chúng sinh, tức chẳng những tự lợi mà còn phải lợi tha.

Tóm lại, nhờ thấy được Lý vô thường và thấy được sắc thân này là huyễn nên trước tiên con người ly được huyễn và có thể Phối Thiên.

Ly huyễn có nghĩa là không còn tham đắm sắc thân này nữa, chớ ly huyễn không có nghĩa là hủy hoại, ghét bỏ, hủy bỏ hay rời bỏ xác thân này, vì nếu rời bỏ thân này để tu thì đó là “*không tưởng*”. Đức Lão Tử nói: “*Xa thân nhi ngôn tu, tu giả giả dã*”, nghĩa là bỏ thân ra mà nói tu là giả dối vậy.

Lời nói nêu trên của Đức Lão Tử cho thấy khi con người cần để tu thì sắc thân này rất quý, vì không có thân này, không nương vào thân này thì con người không làm sao tu được.

Quan niệm này của Đức Lão Tử được trình bày trong Đạo Đức Kinh và quan niệm này cũng được hoàn toàn chia sẻ qua giáo lý nằm trong Kinh, Cơ của Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật. Vậy xin được bàn đến sắc thân tứ đại vay mượn, duyên hợp, vô thường này là “*Quý*” ở phần kế tiếp.

III – THÂN QUÍ.

Qua phần đã trình bày nêu trên về sắc thân bất tịnh, vay mượn, duyên hợp, vô thường. v.v, có lẽ nhiều vị đọc giả hay đồng Đạo không mấy được vui, vì thấy cái thân của con người sao mà lại bị chê bai nhiều quá.

Dù vậy, nhưng sau khi suy nghĩ kỹ lại, chắc quý vị sẽ thấy rõ đâu là sự thật. Có hai sự thật xin được ghi lại:

– Sự thật thứ nhất đã viết qua là sắc thân của mỗi con người về tướng thể nó là như vậy đó.

– Còn một sự thật thứ hai, một sự thật đúng ra là “*thật*” hơn sự thật thứ nhất, một sự thật căn nguồn, cốt tủy, mà một khi đã biết được nó rồi thì con người đã có một bàn chân sắp được đặt trên ngưỡng cửa của Thánh Hiền. Đó là: Sự thật thì thân này rất quý, cần phải được bảo vệ, giữ gìn.

Xin được trình bày thân của mỗi con người là quý qua giáo lý trước tiên của Đạo Lão, kể đến là Đạo Phật và sau rốt tới Đạo Cao Đài.

A- THÂN QUÍ VỚI ĐẠO LÃO.

Trên tổng thể, giáo lý Đạo Cao Đài cũng như Tam Giáo nói về Thân không có gì khác biệt. Dù vậy để chỉ rõ sắc thân của con người quý và quan trọng, Đạo Lão đã trình bày với ngôn từ rất bóng bẩy và khúc chiết qua quyển Đạo Đức Kinh.

Thật vậy, tại Chương thứ 13 của quyển Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử bảo rằng: “*Quý, đại hoạn nhược thân*”, với ý nói sắc thân của mỗi con người là một đại hoạn, là nguồn gốc của lo âu, tai họa và khổ đau; nhưng, trước hơn hết, sắc thân đó lại vô cùng quan trọng và rất quý.

Nói khác hơn, theo Đạo Lão, thì không có gì vô thường, biến hoại, gây hoạn nạn khổ đau giống như thân (đại hoạn), nhưng cũng không có gì quý và quan trọng bằng thân (quý).

Lý giải như trên của Lão giáo có gì mâu thuẫn không?

Làm sao có thể nói thân này vừa quý và quan trọng (quý nhược thân), rồi lại cũng vừa nói chỉ vì có thân nên mới có tai vạ hoạn nạn (Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vì

ngô hữu thân).

Để trả lời câu hỏi vừa nêu, xin được trình rằng giải lý của Đạo Lão, Đạo Cao Đài, hay Đạo Phật không có gì mâu thuẫn hay nghịch lý khi nói về thân vừa đáng chê trách vứt bỏ, lại cũng vừa quý giá quan trọng cần để nương nhờ.

Sở dĩ phải nói thân này vay mượn, duyên hợp, vô thường và nhất là nhơ nhớp bất tịnh là cốt để cho con người thấy rõ cái giả tướng hữu vi của nó. Nó đến rồi đi. Nó còn rồi mất. Nó là nguồn gốc của mọi phiền não. Như vậy, con người phải thấy rõ thực tướng của nó để không còn tham đắm, bám víu hầu khỏi phải chịu khổ đau là nguyên nhân chánh cản trở bước đường tinh tấn tu hành.

Rồi để có thể tu hành, Tam Giáo cũng như Đạo Cao Đài lại nói thân này quý và quan trọng là ở chỗ nếu không có nó thì con người không làm sao tu hành được. Người tu cần phải có nó làm chỗ dựa để mà tu, dùng nó làm nguyên liệu để chuyển hóa tâm thức hầu có thể siêu thăng hay giải thoát.

Trên đây là lý do thứ nhất về phương diện tự tính thức hay tự giác ngộ nên nói thân này là quý. Còn một lý do thứ hai quan trọng hơn mà Đức Lão Tử muốn dạy bảo người đời, đó là phải biết lợi tha sau khi tự lợi, tức giác tha sau khi đã tự giác, hay nói rõ hơn là cứu tế phổ độ nhơn sanh sau khi đã cố công tự cứu lấy mình.

Thật vậy, tại Chương thứ 7 của quyển Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử có nói: “*Thiên trường địa cửu. Thiên địa sở dĩ năng trường, tha cứu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh*”. Với ý nghĩa là trời đất trường cửu và sở dĩ trời đất trường cửu là tại vì trời đất không sống cho riêng mình

nên mới dài lâu, trường cửu, trường sinh như vậy.

Với lời nói trên đây, Đức Lão Tử muốn nhắc nhở người đời rằng nếu con người biết đem thân mình để lo cho thiên hạ, quên thân mình đi thì thân mình sẽ tồn tại mãi mãi, tức vẫn trường cửu trường sinh. Tại sao lại nói vậy?

Để trả lời câu hỏi này, xin được nêu ra một thí dụ:

Thí dụ thân như một vật báu. Nếu vật báu kia được giữ làm của riêng cho một người nào và khi vật ấy thoát ra khỏi tay người đó thì kể như vật đã mất đi. Xa hơn một tí, nếu vật ấy được giữ làm của chí bảo cho một nhà hay một nước thì người trong nhà hay trong nước cũng coi như chí bảo ấy mất đi khi vật ấy ra khỏi nhà hay khỏi nước.

Nhưng nếu người ta đem của báu ấy làm của chung cho thiên hạ, thì nó còn lọt vào đâu, nó đâu còn chỗ để mà mất nữa, nó vẫn ở trong thiên hạ, như vậy làm sao nói là mất được.

Thân con người cũng vậy. Sở dĩ nói nó mất đi là vì con người tham đắm nó, bám víu nó, cho nó là tự ngã, cố giữ riêng cho mình nên khi nó thoát đi thì bảo là nó mất. Nhưng thay vì giữ nó làm của riêng, người tu lại dùng nó giúp mình tự giác, rồi đem nó làm nguyên liệu để giác tha thiên hạ, lấy nó để phục vụ thiên hạ, để lo phổ độ nhơn sanh, làm cho nó thuộc chung về thiên hạ, thuộc của nhơn sanh, như vậy khi nó mất đi có thể nói nó mất được không?

Đứng về phương diện hữu vi tứ đại duyên hợp mà nói thì giả tướng sắc thân khi chết có mất thật. Nhưng trên phương diện vô lậu, vô vi, với tâm thể phục vụ quần sinh, phổ độ nhơn sanh, tức đem thân này lo cho nhơn sanh, coi thân này là để phục vụ nhơn sanh tức của nhơn

sanh thì dù rằng thân hữu hình hữu hoại có mất đi, nhưng tâm Thánh Hiền, tâm Tiên Phật ở trong thân kia nào có mất được, vì nó là của tất cả nhơn sanh, nó hòa đồng với nhơn sanh, rỗng rang thênh thang như hư không bao la vậy, vì ở đâu có nhơn sanh là có nó. Đây là ý nghĩa mà tại vì sao Đức Lão Tử lại nói “*Trời đất sở dĩ dài lâu (trường cửu) là chỉ tại vì trời đất không sống cho riêng mình nên mới trường cửu, trường sinh*”.

Thân tâm con người cũng vậy. Nếu không dùng thân tâm làm vật tham đắm, bám víu để dính mắc rồi tạo nghiệp, mà trái lại dùng thân tâm này để hòa đồng với nhơn sanh thì thân, nhứt là tâm ở trong thân này sẽ mất vào đâu. Xin ghi lại trường hợp của Đức Khổng Phu Tử, Giáo Chủ Đạo Khổng. Thân tứ đại duyên hợp của Đức Ngài đã vùi chôn trong cát bụi trên hai ngàn năm rồi, thế mà tiếng xưng tụng Ngài là vị “*Vạn Thế Sư Biếu*” vẫn trường cửu, còn trường tồn mãi mãi. Đó chẳng qua là vì khi còn tại thế Ngài đã là một bậc Thánh Nhân, quên mình để phục vụ cho quần sinh, hòa đồng với quần sinh, làm cho thân tâm mình là cái thân tâm để phục vụ cho thiên hạ, của thiên hạ.

Đây chính là lý do mà tại vì sao Đức Lão Tử lại nói: “*Thị dĩ Thánh nhân. Hậu kỳ thân nhi thân tiên. Ngoại kỳ thân nhi thân tôn*”. Nghĩa là bậc Thánh nhân đặt thân ở sau mà thành trước, đặt ở ngoài mà thành còn, là Ngài muốn dạy cho người đời trước tiên nên biết vứt bỏ đi cái lớp áo phàm phu ái dục, với bản chất đam mê, tham đắm, trục lợi tranh giành; thứ đến là nên quên mình có thân đi (vô ngã) thì sẽ không còn gì là tai vạ nữa, không còn ai tranh đua với mình nữa, vì mình không tranh với ai thì

lấy ai để mà tranh với mình. (Thiên chi Đạo bất tranh nhi thiên thắng – Chương 73; Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh – Chương 22, Đạo Đức Kinh).

Hơn thế nữa, đặt thân mình ở sau, để thân mình ra ngoài với hàm ý quên thân mình còn có nghĩa là quên đi tự ngã, tự thân; mà trái lại, dùng thân này với tất cả từ tâm để cứu vớt người khác, đó là con đường phổ độ, là bậc thang để bước vào ngưỡng cửa Thánh Hiền.

Con người sở dĩ bước vào được ngưỡng cửa Thánh Hiền là nhờ quên được thân mình đi, là do hy sinh thân mình, coi trọng sự hy sinh thân mình để lo cho thiên hạ. Cũng chính với ý nghĩa này mà Đức Lão Tử mới nói nếu ai biết quý thiên hạ như quý thân thì nên gởi thiên hạ cho người đó. (*Cổ, quý dĩ Thân nhi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ*) Chương 13, ĐĐK).

Nói rõ hơn, quý thân là thấy thân quý để nhờ đó mà tu.

Tu được giác ngộ rồi thì đi *“giác tha”* thiên hạ, đó là quý thiên hạ. Vừa quý thân để nương vào đó mà tu, vừa quý thiên hạ để yêu thương lo cứu tế phổ độ thiên hạ, đó là hạnh đức của bậc Thánh Hiền; và dựa vào hạnh đức này mà Đức Lão Tử mới nói thêm tại Chương 13, ĐĐK rằng: *“Ái dĩ thân vì thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ”*. (Có nghĩa ai biết quý thân vì thiên hạ thì nên giao thiên hạ cho người đó).

Đức Lão Tử nói như thế với hàm ý là quý cái thân này chỉ vì thiên hạ, chớ chẳng phải cho riêng mình, và yêu cái thân này chỉ vì yêu thiên hạ chớ chẳng phải vì tự ngã, tức không vì mình mà tham ái thân, nhưng trái lại yêu hay quý thân là chỉ vì yêu hay quý thiên hạ mà thôi, có

nghĩa là dùng nó để phục vụ thiên hạ, giác tha thiên hạ, làm cho nó trở thành của chung thiên hạ.

Đây mới là tâm ý của bậc Thánh Hiền chớ nào phải là của kẻ phàm phu nữa.

Tóm lại, với việc đem thân mình để lo cho nhơn sanh, lo phổ độ nhơn sanh, không sá quẩn thân mình, không còn đam mê tham đắm thân mình, mà trái lại xả thân vì Đạo, cho đời, quên thân vì từ tâm để cứu độ muôn loài nên con người như thế mới trở thành Thánh Hiền Tiên Phật. Thánh Hiền Tiên Phật hy sinh cả xác thân mình để lo cho chúng sanh muôn loài vạn loại như trường hợp Đức Phật Thích Ca có một đời đã hy sinh liễu mình đem thân cho cọp đói ăn để cứu cho cọp đói sống.

Có làm được như vậy mới là Bồ Tát Bồ Thí, mới là Thánh Hiền Tiên Phật, và có thấy được như vậy mới đúng với cái thấy thân này là quý, quý ở chỗ để nương nhờ vào đó mà tu, vì quý hơn nữa đó là để xả thân cứu độ muôn loài.

B- THÂN QUÍ THEO GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT.

1- Lời Nói Của Đức Phật:

Truyền thuyết nói rằng một hôm đức Phật cùng tăng đoàn du hành thuyết pháp đi qua một cánh đồng. Đức Phật bỗng nhiên dừng lại. Ngài cúi xuống và tự tay bốc lấy một nắm đất đưa lên. Các tỳ kheo ngạc nhiên đứng nhìn thì vừa lúc ấy đức Phật đặt câu hỏi với các Tỳ kheo.

Ngài hỏi vậy chớ nắm đất trong bàn tay của Ngài nhiều hay đất trên đồng cỏ, trên quả địa cầu này nhiều?

Các Tỳ kheo không ngần ngại trả lời ngay rằng đất trên quả địa cầu này nhiều, chớ đất trong bàn tay của

Ngài ít lắm.

Đức Phật bèn nói: Cũng vậy, người đắc được hơn thân tức kiếp người chẳng khác nào như một nhúm đất nhỏ ở trong bàn tay, còn người thất hơn thân tức mất kiếp làm người thì đông và nhiều như đất đầy đàn đầy đồng trên quả địa cầu này vậy (Đắc hơn Thân giả, như chữ trung thổ. Thất hơn thân giả, như đại địa thổ).

Lời nói của Đức Phật cho thấy trong vòng sanh tử luân hồi, việc con người đắc được hơn thân quả là một điều rất khó. Vì khó có được hơn thân nên một khi có nó rồi con người phải biết quý trọng nó. Quý trọng trong ý nghĩa nhờ có nó mà con người mới tu tập được, chớ nếu chuyển kiếp tái sinh làm ngựa quỉ hay súc sanh hoặc vào địa ngục thì làm thế nào con người có thể tu.

Vì lý do thân khó đắc và thân rất quý để nương vào đó mà tu nên Đức Phật còn liên tục nhắc nhở người đời qua Kinh, Luật mà ngài để lại.

2- Kinh:

a. Kinh Pháp Cú:

Trong Kinh Pháp Cú của Đạo Phật, có câu chuyện “*Rùa mù tìm bọt cây*” như sau:

Có một con rùa mù nằm dưới lòng đại dương. Rùa nằm yên đó và cứ mỗi lần đến 100 năm thì rùa lại trôi lên mặt nước để tìm cho được khúc cây có bọt trắng rồi rùa chun vào bọt cây đó. Hỏi vậy chớ một con rùa mù mà muốn tìm một bọt cây trôi nổi bên bờ biển trên mặt biển, vậy thì làm sao thấy được, tìm được. Thật quả là khó khăn vô cùng. Lại càng khó khăn và lâu lác hơn là đến cả trăm năm mới trôi lên mặt nước tìm một lần, vậy

biết bao giờ mới tìm được.

Việc con người đắc được như thân cũng khó như rùa mù tìm bông cây vậy.

Hình ảnh này có mục đích nhắc nhở người đời rằng có được sắc thân này không phải là chuyện dễ. Vậy khi đã đắc được như thân rồi, con người nên quý trọng nó, dùng nó để đem lại chân thường hạnh phúc cho mình cũng như cho toàn thể như sanh, để tạo phước cho mình và ban phước cho đồng loại, tức phải biết dùng nó để mà tu, để mình tự giác cũng như để giác tha đồng loại, nói khác hơn là phải thấy rõ tầm quan trọng và sự quý trọng của sắc thân này.

Nói về sắc thân, theo giáo lý nhà Phật, thì mỗi người lại có đến ba thứ thân. Thứ nhất là Báo Thân, thứ nhì là Hóa Thân và thứ ba là Pháp Thân.

Báo Thân là xác thân của mỗi con người bằng xương bằng thịt. Đó là thân do cha mẹ sinh ra và do nghiệp duyên dẫn dắt.

Còn Pháp Thân, đó là thân Phật, thân chứa nhóm tất cả công đức mà ở Phật hay chúng sanh cũng đều có như nhau, chỉ khác một điều là ở chúng sanh thì nó bị vô minh, tham ái che mờ, còn ở Phật thì do tỉnh giác hay đã giác ngộ nên nó rục rỡ, sáng chói, chiếu soi Pháp Thân chính là nguồn cội, là bến căn mà chúng sanh trở về, sau khi cố gắng tu tập, diệt được hết trần cấu, nhiễm ô, vô minh, phiền não. Đó chính là bản thể của mỗi Nguyên nhân và cả Hóa nhân được gọi là Phật Tánh vậy.

Nói về Phật Tánh thì con người ai cũng có Phật Tánh.

Chính vì lý do này mà trong Kinh Pháp Hoa của

nhà Phật mới có câu chuyện liên quan đến Bồ Tát Thường Bất Khinh.

Bồ Tát Thường Bất Khinh khi đi đâu, bất cứ nơi nào, hề gặp ai thì ngài cũng chấp tay vái chào và nói rằng: *“Tôi không dám khinh các ngài vì các ngài sẽ thành Phật”*.

Lời nói của Bồ Tát Thường Bất Khinh ngụ ý cho tất cả biết rằng mọi người trên thế gian ai cũng có căn Tiên cốt Phật cả. Căn Tiên, cốt Phật đó ở ngay trong sắc thân này vì thế nên mới có câu *“Phật tức Tâm, Tâm tức Phật”*, mà Tâm thì ở đâu?

Tâm ở ngay trong thân của mỗi người. Như vậy, mỗi con người đương nhiên là có cốt Phật ở trong thân nên nói thân này quý là vì thế, quý ở chỗ nó dù vô thường, vay mượn nhưng vẫn có cốt Phật ở bên trong mà mục đích của việc tu hành là dẹp vô minh, lìa phiền não để nguyên căn là Phật Tánh hiển lộ.

b. Kinh Lăng Nghiêm:

Trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 2, có câu chuyện đối đáp giữa vua Ba Tư Nặc và Đức Phật. Vua Ba Tư Nặc hỏi Đức Phật về Thường và Vô Thường, tức thường trụ và biến diệt được Đức Phật giải đáp như sau:

Phật nói với Vua:

– “Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông, cái nhục thân này là đồng như kim cương, thường trụ chẳng hoại hay có biến diệt?

– Bạch Thế Tôn! Thân con rất cuộc sẽ phải biến diệt.

Phật hỏi:

– Ông chưa từng diệt, sao biết phải diệt?

– Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất.

Phật nói:

– Đúng thế, Đại vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với thuở nhỏ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ, da thịt mịn mơn. Đến khi trưởng thành, khi huyết sung túc. Nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

Phật nói:

– Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại!

– Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi, dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên mười. Khi ba mươi tuổi, lại sứt hơn lúc hai mươi. Đến nay đã sáu mươi, so với lúc năm mươi thì suy yếu hơn nhiều. Thế Tôn, con cảm thấy sự dời đổi âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn mười năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra thì mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút giây, niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung qui biến diệt vậy.

Phật nói:

– Ông thấy biến hóa dời đổi chẳng ngừng, ngộ biết

phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật:

– Con thật chẳng biết.

Phật nói:

– Nay ta chỉ cho ông cái Tánh chẳng sanh diệt. Đại Vương, ông thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?

Vua đáp:

– Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên đi qua sông này, khi ấy đã biết sông Hằng.

Phật nói:

– Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dời đổi theo từng ngày giờ.

Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông như thế nào?

Vua đáp:

– Thấy cũng giống như khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác.

Phật nói:

– Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, cái thấy có già trẻ gì chẳng?

– Bạch Thế Tôn! Không ạ!

Phật nói:

– Mặt ông dù có nhăn mà cái Tánh năng thấy chưa

từng nhãn. Có nhãn là biến. Chẳng nhãn thì bất biến. Biến ắt phải diệt. Bất biến vốn chẳng sanh diệt”.

Với lời dạy trên nay Đức Phật muốn chỉ cho Vua Ba Tư Nặc cũng như tất cả chúng sanh thấy rõ là trong thân có cái biến diệt và cái bất biến. Cái biến diệt đó là xác thân, tức thân tứ đại tạo thành bởi đất, nước, gió, lửa. Nó đến rồi đi. Nó còn rồi mất. Nó có rồi không. Nó chỉ “*trăm năm là tuổi chết rồi chôn*”. Vậy chớ nên mê đắm nó vì như thế chỉ chuốc lấy phiền não khổ đau mà thôi.

Tuy nhiên, ngoài xác thân vô thường biến hoại lại còn có cái thường trụ bất biến, là phần đáng trọng đáng quý. Đó là Pháp Thân, là Phật Tánh hay Chơn Tâm xin được bàn đến ở phần Tu Tâm. Riêng phần kế tiếp sau theo đây xin được nói về “*Thân Quý theo giáo lý của Đạo Cao Đài*”

C- THÂN QUÍ THEO GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.

Giáo Lý Đạo Cao Đài về Thân cũng gần với Đạo Phật, chỉ có danh xưng hay tên gọi Tam Thể Thân là không hoàn toàn giống nhau thôi, nhưng đối tượng mà danh ngôn dùng để chỉ thì không khác lắm.

Đạo Cao Đài gọi Tam Thể Thân là Chơn Linh, Chơn Thần và Đệ nhứt xác thân tức Nhục thân. Còn Đạo Phật thì gọi là Pháp Thân, Ứng Thân hay Hóa Thân và Báo Thân hay xác thân. Tên gọi tuy có khác nhưng ba thân thì không khác với Đạo Cao Đài.

Nếu bên Đạo Phật dạy rằng trong Báo Thân của mỗi con người còn có Hóa Thân và Pháp Thân thì Đạo Cao Đài cũng dạy như vậy, nghĩa là trong xác thân của mỗi nhơn sanh, ngoài Nhục thân hữu tướng huyền hóa còn

có Chơn Thần và Chơn Linh nữa, mà nếu chỉ riêng nhục thân hữu hình, hữu hoại thì nó chẳng khác nào như một con vật vậỵ thôi. (Lời Đức Cao Thượng Phẩm trong Đản Cơ ngày 9 tháng 8 Canh Dần, năm 1950)

Nói như thế có nghĩa giáo lý Đạo Cao Đài dạy người tín đồ trước tiên phải thấy rõ cái nhục thân của mình là bất tịnh, vay mượn, duyên hợp và vô thường để không luyến ái, tham đắm và bám víu. Nhưng tiếp theo đó cũng phải thấy nó rất cần thiết cho việc tu hành và phổ độ nhơn sanh, vì trong thân này còn có Chơn Khí, Chơn Thần và Chơn Tâm là thực tướng của Chơn Linh.

Chơn Thần và Chơn Linh không thể thấy được nhưng Chơn Khí và Chơn Tâm dù không thấy được thể tướng nhưng mạo tướng và nghĩa tướng thì có thể nhận biết được.

Nói rõ hơn, với Đạo Cao Đài và Đạo Phật, trong thân của mỗi con người, ngoài nhục thân trần thể hiển lộ còn ẩn tàng cốt Phật, căn Tiên mà biểu hiện là Chơn Tâm hay Phật Tánh, cái Bản Lai Diện Mục tức bộ mặt thật của mỗi con người từ trước đến nay. Có một điều là cái Bản Lai Diện Mục hay Chơn Tâm Phật Tánh đó từ lâu đã bị bụi trần bao phủ, bị xác thân trần tục chi phối, lấn át làm mờ đi mà thôi. Một khi đã biết được và cần làm hiển lộ nó thì con người phải dụng công tu tập mà trong Đạo Cao Đài, Thánh Ngôn có dạy như sau:

*“Lẽ Chánh tự nhiên có lẽ Ta,
Chánh, Tà hai nẻo đoán sao ra.
Sao ra Tiên Phật người trần tục,
Trần tục muốn thành phải đến Tà”.*

Nghĩa là trong sắc thân trần tục này còn có cốt Phật, căn Tiên, và muốn làm sáng tỏ nguồn căn Tiên Phật thì phải biết Đạo, lo tu mà Thầy dạy là “*muốn thành phải đến Ta*” đó vậy.

Để chỉ rõ căn Tiên cốt Phật nói trên, Kinh kệ và Cơ bút của Đạo Cao Đài có những đoạn như sau:

1.- Kinh:

Trong Kinh Tắm Thánh và các Đàn Cơ dạy Đạo, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) và Đức Cao Thượng Phẩm cho biết thân xác con người là một sự cấu tạo của những tế bào; những tế bào ấy lại kết tụ bởi Khí ngũ hành; Khí ngũ hành biến chuyển bởi Âm Dương; Âm Dương ấy lại điều động được là nhờ Khí Hư Vô vận chuyển. Do đó mà mỗi hình vật hữu vi đều phải nhận chịu sự vận chuyển của Khí Hư Vô dưới quyền năng vô biên của Khí Thái Cực mà trở nên hình tướng gồm có Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm và con Người, mà con người là phẩm tối linh trong tứ tượng.

Do con người là phẩm tối linh nên ngoài sắc thân được kết tụ bởi các tế bào còn có phần đáng quý nhất cũng ẩn tàng trong thân, đó là Chơn Tâm hay Phật Tánh, cái dụng của Chơn Linh hay Pháp Tánh mà Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có dạy như sau:

*“Những vạn vật Âm Dương tạo hóa,
Dù cỏ cây hoa quả biến sanh.
Con người đứng phẩm tối linh,
Nửa người, nửa Phật nơi mình anh nhi”.*

Kinh Tắm Thánh Nghĩa là con người trong phạm thân còn có Chơn Tâm hay Phật Tánh là phần quan

trọng và cao quý.

2.- Cơ:

Ngoài Kinh Kệ nói rõ nhưn sanh “*nửa người, nửa Phật*”, giáo lý Đạo Cao Đài còn có những yếu chỉ do các Đấng Thiêng Liêng truyền dạy tại các Đàn Cơ.

Như tại Đàn Cơ ngày Thứ Năm 22 tháng 7 năm 1926 (13.6 Bính Dần) do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương có dạy rằng:

“... *Nên chi các con là Thầy, Thầy là các con... Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn Thế Giới này; mà nếu không có Hu Vô Chi Khí thì không có Thầy.*”

■ (TNHT, Quyển 1, trang 27).

Cũng với ý nghĩa này, trong Đàn Cơ ngày Chủ nhật 24 tháng 10 năm 1926 (15.9 Bính Dần) tại Phước Linh Tự, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Giáo Đạo Nam Phương, cũng có dạy như sau:

“Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con...

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy Khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới nên mới gọi là Pháp. Pháp có mới sanh ra Càn Khôn Vạn Vật rồi mới có người nên gọi là Tăng. Thầy lập Phật Giáo khi Khai Thiên lập Địa, nên Phật Giáo là trước, kể Tiên Giáo rồi mới tới Nho Giáo”.

■ (TNHT. Q. I, trang 43).

Trên đây là lời dạy của Đức Chí Tôn, của Đức Phật Thích Ca tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát tạo thành một phần giáo lý của Đạo Cao Đài.

Giáo lý này lại được rạng ngời sáng tỏ qua Đạo hạnh tu chứng của Đức Cổ Phật Chánh Pháp Minh Như Lai, tức đức Quán Tự Tại Bồ Tát hay Quán Thế Âm Bồ Tát mà trong Đạo Cao Đài Ngài là Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm.

Đạo hạnh tu chứng của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát được Kinh Bát Nhã nói đến như sau: *“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách”*.

Nghĩa là sau khi soi rọi lại ngũ uẩn tự thân mà trong đó đứng đầu là sắc thân, Đức Quán Tự Tại Bồ Tát thấy thân tâm vốn không thật, Tánh nó là không. Do thấy biết được như vậy nên Ngài không còn luyến ái vì thế nên không bị khổ, rồi nhờ thấy biết sắc thân như vậy mà Ngài đạt Đạo.

Nói như thế có nghĩa Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hay Quán Tự Tại Bồ Tát thấy rõ thân này vay mượn, duyên hợp và vô thường, cũng như những gì nó vọng nhận, vọng thọ, vọng tưởng rồi tâm hành để tạo ra vọng thức và kết tập thành vọng tâm, tất cả đều là huyền hóa, hư vọng. Tất cả đều không có thực thể nội tại thường hằng, tức không có tự Tánh, nghĩa là Tánh không, không thật.

Do thấy biết sắc thân này không thật nên không còn tham đắm, bám víu và không còn bị khổ nữa.

Rồi cũng nhờ thấy như thế mà dụng công tu tập làm hiển lộ được Chơn Tâm, Phật Tánh vốn có để đạt Đạo.

Nói rõ hơn là trong sắc thân vô thường này còn ẩn

tàng “*Hạt Châu vô giá*” đó là Phật Tánh như nói theo Đạo Phật, hay “*Chi Bảo chúng sanh*”, đó là Chơn Tâm như nói theo Thánh giáo của Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài cũng giống như Đạo Phật, Đạo Lão, Đạo Khổng quan niệm rằng sắc thân này rất quý sau khi con người đã thấy rõ sự vay mượn, duyên hợp và vô thường của nó, rồi do đó biết nương vào nó để tu hành chẳng khác nào như nhờ một chiếc bè để qua sông vậy.

Tóm lại, để minh giải yếu lý sắc thân vừa là nguồn gốc khổ đau mà cũng vừa quý, xin được ghi lại một câu chuyện mà Ngài Trang Tử trong Nam Hoa Kinh đã kể như sau:

“Tử Tự, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai nói chuyện với nhau:

Ai coi sự Hư vô là đầu, sự sống là xương sống, sự chết là đốt cuối của xương sống; ai biết được sống chết, còn mất chỉ là một, thì người đó là bạn chúng ta.

Bốn người đều nhìn nhau cười, đồng ý và kết bạn với nhau. Chẳng bao lâu Tử Dư đau, Tử Tự lại thăm, Tử Dư bảo:

– Vĩ đại thay, tạo hóa! Tạo hóa đã làm cho thân thể tôi kỳ quái như thế này.

Vì lưng Tử Dư cong, xương sống lòi ra, tóc dựng ngược lên, do âm dương thác loạn cả.

Nhưng lòng bình tĩnh, ông ta lết tới giếng, soi bóng xuống giếng than:

– Ôi Tạo hóa sao làm cho thân thể tôi co quắp như vậy?

Tử Tự hỏi:

– Anh có thấy gớm không?

– Không, tại sao tôi lại góm? Nếu Tạo hóa muốn biến cánh tay của tôi thành con gà trống thì tôi nhân đó mà gáy sáng; nếu biến cánh tay phải tôi thành cây cung, thì tôi sẽ nhân đó bắn con chim hào đem về quay; nếu biến đít tôi thành bánh xe, tinh thần tôi thành ngựa thì tôi sẽ nhân đó mà thắng xe. Với lại “đắc” là nhờ thời cơ, “thất” là do thuận ứng. Ai an thời xử thuận, thì vui buồn không xâm nhập tâm hồn được. Người xưa gọi như vậy là “*huyền giải*” (bị treo lên mà bây giờ được cởi dây cho); **người ta không biết tự cởi cho mình thì sẽ bị kết chặt với vật, mà vật thì không bao giờ thắng Trời được**^[2].

Qua câu chuyện trên đây Ngài Trang Tử ngụ ý bảo người đời phải làm thế nào, phải có thái độ ra sao đối với sắc thân mình, nghĩa là phải biết sử dụng nó.

Nếu người đời vì quá tham ái, đắm mê, chịu chuộng nó thì chắc chắn nó sẽ mang lại khổ đau; nhưng nếu biết dùng nó để tu tập, tự lợi, lợi tha, cứu mình, giúp người thì không gì quý cho bằng.

Thật vậy, qua ngôn ngữ của Tử Dư, Ngài Trang Tử muốn bảo rằng muôn việc chi chi, con người cũng phải hòa đồng với Tạo Hóa.

Theo Trang Tử, Tạo Hóa là vĩ đại, là Cha Mẹ, là Âm Dương, là Vũ Trụ mà con người có được sắc thân cũng nhờ ở Cha Mẹ, Âm Dương, Vũ trụ. Thế rồi sống với cái xác thân này, con người cũng phải nương cậy vào Vũ trụ, Âm Dương. Nếu Vũ trụ không còn điều động và Âm Dương không còn vận chuyển thì mạng sống của con người cũng phải bị diệt hoại tan.

[2] Nam Hoa Kinh, Trang Tử, Nguyễn Hiến Lê chú dịch, NXB. Văn Hóa Thông Tin, 1994, trang 220– 221.

Mạng sống của con người tùy thuộc hoàn toàn vào Âm Dương, Vũ trụ. Con người với sắc thân đến từ Ngũ hành, Âm Dương, Vũ trụ thì rồi cũng sẽ trở về với Âm Dương, Vũ trụ, Ngũ hành. Đây là một yếu lý, một thực tế hiển nhiên đối với sắc thân của mỗi con người, mà điều quan trọng là một khi đã thọ nhận sắc thân này rồi, con người phải biết sử dụng nó như thế nào. Con người phải biết tự lợi để tiếp theo đó lợi tha.

Tự lợi là cố gắng dụng công để trở về với bản thể của Vũ trụ vốn thanh tịnh, bao la, rỗng rang, thênh thang, mà đó là Đạo. Còn lợi tha là phổ độ nhơn sanh sau khi đã có được trong sắc thân mình một bản tâm thanh tịnh, đó là Chơn Tâm, thực tướng của Chơn Linh hay Chơn Như Pháp Tánh cũng có nghĩa là Đạo mà Trang Tử gọi là Tạo Hóa.

Vì quan niệm Tạo Hóa là Cha Mẹ vĩ đại, là Âm Dương, là Vũ trụ sanh ra vạn vật muôn loài, che chở và nuôi nấng vạn vật muôn loài nên Ngài Trang Tử muốn hòa đồng với Tạo Hóa, trở về với Đạo bằng cách sử dụng sắc thân này để tự lợi rồi lợi tha nên Ngài mới nói: *“Nếu Tạo Hóa muốn biến cánh tay trái tôi thành con gà trống thì tôi sẽ nhân đó mà gáy sáng; nếu biến cánh tay phải tôi thành cây cung thì tôi sẽ nhân đó bắn con chim hào... Ai an thời xử thuận thì vui buồn không xâm nhập tâm hồn được. Người xưa gọi như vậy là “huyền giải” nghĩa là bị treo lên cây mà bất giờ được cởi dây cho”*.

Mặc dù Ngài Trang Tử đã dạy như vậy, nhưng con người khi bị trói, bị treo lên cây mà không ai cởi dây cho, rồi tự mình cũng không biết cởi dây cho mình, đó là tại vì sao?

Đó là tại vì con người quá tham đắm sắc thân nên không tự cởi cho mình được mà nếu không tự cởi cho mình được thì “con người sẽ bị kết chặt với vật” nghĩa là bị ràng buộc với sắc thân tứ đại đất, nước, gió, lửa.

Ngày giờ nào con người tự cởi trói được, tức con người đã thấy được thân này do duyên hợp, vô thường, thì ngày đó con người không còn bị kết chặt với vật, tức không còn tham đắm sắc thân này nữa, mà “*khối sắc thân này, như Ngài Trang Tử nói, là khối vật chất thì không làm sao thắng được Trời*”, nghĩa là không làm sao tránh khỏi được Luật biến hóa của Vũ trụ.

Nói như thế có nghĩa là “*khối vật chất*”, hay sắc thân này không sớm thì muộn cũng sẽ tan hoại do Luật duyên hợp, duyên tan. Còn về phần mà Ngài Trang Tử bảo là Trời, ấy là phần Thiêng Liêng mà trong đó có Chơn Linh Pháp Tánh hay Chơn Tâm Phật Tánh. Đó là phần cao quý, cái phần nội tại ẩn tàng trong sắc thân cần phải được làm hiển lộ qua con đường tu tập để con người có thể cứu vị qui hồi, tức trở về với bản thể Chơn Linh.

Về Chơn Linh hay Pháp Tánh mà thực tướng là Chơn Tâm hay Phật Tánh thì tàng ẩn, còn sắc thân lại hiển lộ, tưởng chừng như là hai phần riêng biệt nhưng sự thật không phải hai, mà là một. Chính với ý nghĩa một này mà Ngài Trang Tử bảo rằng:

“Ai biết được sống chết, còn mất chỉ là một, thì người đó là bạn chúng ta”.

Ngài Trang Tử nói như thế có nghĩa sự sống, sự chết nào phải là hai mà chỉ là một thôi; sống chết tiếp nối nhau, sống là nhân mà chết là quả. Cái quả đó (chết) lại trở thành

nhân, và tái sinh với cuộc sống mới khác thành quả trở lại. Có như thế mà Nguyên nhân hay Hóa nhân chết rồi tái sinh, tái sinh rồi chết, nghĩa là cứ ở trong vòng sinh tử luân hồi, ít siêu thăng mà nhiều đọa lạc nếu chẳng biết tu.

Trở lại giáo thuyết của Ngài Trang Tử với sống chết chỉ là một thì thôi “**sống nào phải là vui mà chết nào phải là buồn**” như Ngài đã nói trong Nam Hoa Kinh. Đây là yếu lý của Lão Trang và đây cũng là điểm mà Lão Giáo và Phật Giáo gặp nhau vì nhà Phật cũng quan niệm “**sinh như đắp chăn đồng, mà tử như cởi áo hạ**” và Lão Trang coi “**sống như một cái phúc thì chết cũng là một cái phúc vậy**”^[3]. Điểm gặp nhau vừa nêu trên giữa Phật Giáo và Lão Giáo cũng không khác tinh túy giáo lý của Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài với Thánh Tượng thờ “*Thiên Nhân*” cũng chỉ là “**Một**” chớ chẳng có hai. Đó là Đạo.

Đây là để chỉ cho mọi người biết rằng ở đời không có gì là hai cả. Không có gì là nhị biên, nhị ngã cả.

Nếu chấp nhị biên, nhị ngã, tức thấy có người, có ta thì con người sẽ có rẽ chia phân biệt.

Phân chia nhị ngã, nhị biên với ý nghĩa là có tướng ngã, tướng nhơn, có anh có tôi, cũng có nghĩa là phân biệt có cao có thấp, có đúng có sai, có tốt có xấu v.v. mà hễ đúng thì khen, sai thì chê, tốt thì thương, xấu thì ghét, đây là một cái bệnh của hầu hết chúng sanh, và cũng là nguyên nhân của Sanh tử, Luân hồi.

[3] Nam Hoa Kinh, Trang Tử, Nguyễn Hiến Lê chú dịch, NXB. Văn Hóa Thông Tin, 1994, Chương VI, Đại Tồn Sư, Phần 1, trang 217.

Giáo lý Đạo Cao Đài qua Thánh Tượng “*Thiên Nhân*” muốn dạy cho người đời thấu hiểu chẳng có gì là “*hai*” cả.

Không có nhị ngã hay nhị biên. Tất cả không hai mà chỉ là “*Một*”, cũng như Trời Người là một (Thiên Nhơn Hiệp Nhất) như giáo lý Khổng giáo vậy.

PHẦN III TỔNG LUẬN VỀ TU THÂN

TRONG PHẦN TỔNG LUẬN VỀ TU THÂN XIN ĐƯỢC CHÚ TRỌNG ĐẾN CÁCH TU CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.

Cách Tu Thân của Đạo Cao Đài trên tổng thể cũng giống như cách tu của Tam Giáo là Nho, Thích, Lão. Dù vậy, điều cần được nói rõ là trong cách tu của Đạo Cao Đài lại có những đặc điểm riêng biệt, với tiến trình tu tập toàn diện không hoàn toàn giống một Tôn giáo nào. Đây là vì lý do nhân sinh và tánh cách nhân bản, nhân đạo trong tôn chỉ và giáo lý của Đạo Cao Đài.

Tôn chỉ và giáo lý của Đạo Cao Đài trên bình diện tổng quát gồm những phần thuộc về tinh túy giáo lý của Tam giáo; vì thế nên mới nói Cao Đài quy nguyên Tam giáo là vậy.

Tuy nhiên, Đạo Cao Đài mặc dù với mục đích cuối cùng là siêu thăng và giải thoát, nhưng lại có cách tu với đặc trưng chú trọng đến quá trình sinh sống và phát triển của con người khi tu, cũng như không quên sự hiện diện của thập loại chúng sinh hay Bát hồn vận chuyển mà người tu cần phải cứu vớt, giác tha hay phổ độ.

Đây là lý do thứ nhất mà tại sao Đạo Cao Đài không chủ trương hay khuyến khích xuất thế giống như Đạo Phật mặc dù Đạo Cao Đài cũng thấy rõ xuất thế là một đạo hạnh đúng cảm trong Bi-Trí-Dũng và Đạo Cao Đài cũng tán đồng việc xuất thế đối với một số người do căn

cơ, có đủ căn cơ, hay khi hội đủ căn cơ, hoặc để đáp ứng nhu cầu pháp sự.

Thứ hai, đây cũng là lý do mà bất cứ ai khi nghiên cứu giáo lý của Đạo Cao Đài thì cứ ngỡ rằng Đạo Cao Đài chỉ là một Đạo tu Tiên hay tu theo Lão Giáo vì thấy liên quan đến Thiên thì Đạo Cao Đài lại nói luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư và cho đó là cách tu của Đạo Lão. Cách thấy như thế này tuy có vẻ như là đúng trên một góc cạnh nào đó đối với những ai chưa lý hội được tông chỉ của Đạo Lão. Đây chỉ là cách nhìn dựa trên một trong những cách dụng công tu của Đạo Cao Đài, không hoàn toàn đúng trên toàn diện – vì như đã nói – là Đạo Cao Đài tu để siêu thăng giải thoát, cũng như Đạo Lão có mục tiêu cuối cùng là để Phối Thiên, chứ không phải tu luyện để cầu lấy cái Thuật Trường Sinh như phái Thần Tiên được gọi là Hoàng Lão mà vào thời Nho giáo lúc Hán Sơ có nhiều người vẫn tưởng Hoàng Lão đó là Lão giáo.

Đến đây, xin phép mở ra một dấu ngoặc để được ghi thêm là tông chỉ hay giáo lý của Lão giáo thật ra quá sức cao siêu, cao siêu đến nỗi đã hơn hai ngàn năm trăm năm, trên khắp năm châu thế giới, mà với một quyển Đạo Đức Kinh năm ngàn chữ thì đã có gần hai ngàn quyển sách với nhiều ngôn ngữ khác nhau cố nghiên cứu, tìm hiểu, lý giải, thế mà đến ngày nay vẫn chưa lý hội ra hết được tinh hoa của Lão giáo, vì quyển sách của Lão Tử – như René Bertrand trong La Lagesse Perdue, trang 305 đã nói – nó chứa đựng tất cả sự khôn ngoan của muôn loài vạn loại trên quả đất này.

Có một điều đáng tiếc là sự tìm hiểu quyển sách

này, hay nói rõ hơn là sự nghiên cứu tông chỉ và giáo lý của Lão giáo đã chưa đi đến sự lý giải toàn diện và thỏa đáng, lý do là chỉ có kiến thức hay tri kiến thể gian được dùng để hiểu chớ chưa có sự khái thị hay thẩm thấu qua trực giác vô lậu; vì thế mà sự tìm hiểu về tông chỉ và giáo lý của Đạo Lão vẫn còn thiếu sót với hậu quả là bất cứ một sự thiếu sót nào về hiểu biết đối với Lão giáo cũng có thể đưa đến một tình trạng tương tự đối với Đạo Cao Đài. Ở đây, ý của người viết muốn nói là cũng có người đã hiểu lầm Đạo Cao Đài chỉ tu Tiên thôi, và điểm này hoàn toàn không đúng.

Thứ ba, đây cũng là lý do mà tại sao Đạo Cao Đài lại có cách tu thoát nhìn thì giống như Khổng giáo hay Nho giáo.

Khổng giáo hay Nho giáo thật ra có phương pháp Tu Thân hay cách ứng xử rõ nét nhập thế.

Riêng Đạo Cao Đài lại khác.

Đạo Cao Đài không phải là một Tôn giáo chủ trương nhập thế như phần lớn các vị trong Nho giáo hay Khổng giáo.

Nói rõ hơn, cách tu của Đạo Cao Đài không chú trọng ngay vào việc xuất thế như Đạo Phật hay hoàn toàn nhập thế suốt cuộc đời như một số nhà Nho, mà Đạo Cao Đài lại có cách tu “*Tại thế*”

Với cách tu tại thế cũng có nghĩa là phần nào đó nhập thế, Đạo Cao Đài với những nghi thức và tổ chức, nói rõ hơn là về Thể Pháp phần lớn giống Khổng giáo, và về Bí Pháp thì lại là sự phát hiện và triển khai toàn diện Bí Pháp của Khổng giáo và cũng là Bí Pháp của Lão Giáo và Phật

Giáo. Đây chính là lý do mà tại sao Đạo Cao Đài được gọi là “**Nho Tông Chuyển Thế, là Phật Giáo Phát Triển**” (Bouddhisme renove) mà cũng là một “**Tân Tôn giáo**”.

I- ĐẠO CAO ĐÀI NHO TÔNG CHUYỂN THẾ.

“*Đạo Cao Đài Nho Tông Chuyển Thế*” là một chủ đề khá rộng lớn không thể trình bày hết được trong Phần Tổng Luận này.

Ở đây, nói về Đạo Cao Đài là Nho Tông Chuyển Thế, bài viết này chỉ xin giới hạn trong phạm vi Tu Thân mà thôi.

Nói về Tu Thân thì cách tu của Đạo Cao Đài có giống như cách tu của Đạo Khổng, ít nhất và rõ ràng nhất là trong một giai đoạn nhất định của một đời tu.

Trong việc Tu Thân của Đạo Khổng thì sách Đại Học có nói rằng: “*Tự Thiên Tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ Tu Thân vi bản*”, nghĩa là từ Vua cho đến dân, ai ai cũng lấy sự Tu Thân làm gốc. Như vậy, kết luận là Đạo Khổng có chủ trương và khuyến khích việc Tu Thân và đây là đề tài mà hầu hết Nho gia đều có nói đến.

Tuy nhiên, về cách Tu Thân tức phải Tu Thân bằng cách nào, phải làm những gì, theo tiến trình nào, trình tự ra sao v.v... thì chưa Nho gia nào nói rõ ra cả, chỉ trừ Vương Thủ Nhân tức Vương Dương Minh là có đề ra trong Thiên Đại Học Vấn của Ngài, nhưng rất tiếc là Ngài mất quá sớm nên vấn đề Ngài ngộ nhập và đề xuất ra, mặc dù hết sức cao siêu, nhưng không được Nho gia thế hệ kế thừa tiếp nối và khai triển đúng mức; vì thế mà cách Tu Thân theo Khổng giáo cũng bị mai một, như đã có sự mai một

với cách Tu Tâm sau Mạnh Tử, cũng như việc khai triển tông chỉ Phối Thiên sau Khổng Tử.

Tóm lại, về việc Tu Thân thì Đức Khổng Tử cũng như các môn đệ của Ngài có đề cập đến mặc dù vẫn thiếu sự khai triển đúng mức và có hệ thống với những chi tiết hướng dẫn rõ rệt về cách Tu Thân. Việc phát huy đến nơi đến chốn hầu như phải chờ đợi đến khoảng hai ngàn năm trăm năm sau với Đạo Cao Đài, Khổng giáo mới khôi phục lại đúng những gì mà Đức Khổng Phu Tử dù không nói nhiều nhưng cũng đã có dạy qua cách Tâm truyền.

Xin được bàn đến những gì mà Đức Khổng đã Tâm truyền và Vương Dương Minh đã hội lý. Trước tiên, xin nói về việc Đạo Cao Đài phục hưng Khổng giáo qua tông chỉ Phối Thiên. Tiếp đến sẽ bàn về Nhơn Đạo tức Đạo làm người qua việc Tu Thân.

II- ĐẠO CAO ĐÀI PHỤC HƯNG TÔNG CHỈ PHỐI THIÊN CỦA KHỔNG GIÁO.

Nói Đạo Cao Đài phục hưng tông chỉ Phối Thiên của Khổng giáo không hàm xúc ý nghĩa phủ nhận công lao của Nho gia cũng như các học phái Khổng giáo hay Nho giáo.

Đạo Cao Đài không phủ nhận những cố gắng và thiện tâm phục hồi Khổng giáo hay Nho giáo của các Nho gia và học giả đã có nhiều tâm huyết đối với Nho giáo hay Khổng giáo.

Mặc dù vậy, phải thành thật mà công nhận rằng không thời đại nào trên hai ngàn năm trăm năm qua, và không nơi nào trên quả địa cầu này đã vinh danh Đạo

Khổng và Đức Khổng bằng thời đại ngày nay, chính ngay tại nơi đã khai sinh ra Đạo Cao Đài.

Thật vậy, khi đến khai giảng Hạnh Đường Phước Thiện vào ngày 2 tháng 5 năm Tân Mão (1950), Đức Hộ Pháp có nói rằng: “*Tại sao Tam Giáo qui nhứt Thích, Đạo, Nho, nghĩa là Phật, Tiên, Thánh, mà sao không lập hội Phật Tông Chuyển Thế, hay Tiên Tông Chuyển Thế, lại lấy Đạo Nho lập thành Hội Thánh mà Chí Tôn đến khai Đạo kỳ này lại dùng Nho Tông Chuyển Thế...*”.

Nói rõ hơn – theo như lời Đức Hộ Pháp đã nói – thì Đạo Cao Đài về Thể Pháp có cách tổ chức biểu trưng chuyển thế của Nho Tông, như Hội Thánh thì có Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền, Tam Thiên Đờ Đệ, còn tổ chức các đài thì có Cửu Trùng Đài thì gồm những Chức sắc và Tín đồ tại thế, cũng có nghĩa là khi cần thì vẫn phải phần nào nhập thế như Đạo Nho.

Cùng với Cửu Trùng Đài, tổ chức Đạo Cao Đài còn có Hiệp Thiên Đài để thông công giữa Trời và Đạo tức giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài. Tín đồ hay Chức sắc của Đạo Cao Đài khi tu sẽ từ từ bước vào Đạo, từ phàm đến Thánh hay Phật.

Đây là cách hành trì tôn chỉ “*Thiên Nhân Hiệp Nhất*” mà cũng là tông chỉ Phối Thiên của Khổng giáo.

Ngoài ra, về Lễ nghi, Kinh kệ thì chỉ trong Đạo Cao Đài mới có Kinh Nho giáo là Kinh nhứt tụng “*Khổng Thánh Chí tâm quy mạng lễ*” xưng tụng công đức của vị “*Vạn Thế Sư Biếu*” là Đức Khổng Thánh Tiên Sư.

Hơn thế nữa, với cách thờ phượng thì từ Tòa Thánh Trung Ương đến tất cả Thánh Thất địa phương trong

cũng như ngoài nước, đâu đâu cũng được thấy rõ Thánh Tượng của Đạo Cao Đài đã đưa Đức Khổng Phu Tử thờ vào hàng Tam Giáo với Đức Lão Tử và Đức Phật Thích Ca.

Cách Thờ phượng và Kinh kệ đã minh chứng tông chỉ và giáo lý của Khổng giáo cũng cao siêu và vi diệu như Lão giáo và Phật giáo, với lý Phối Thiên mà Phật giáo gọi là giải thoát thì chẳng có gì khác chi nhau, chỉ tiếc có một điều là tông chỉ và giáo lý này không được khai triển đến nơi đến chốn khiến Khổng giáo phải lu mờ và bị quên lãng qua thời gian.

Việc Khổng giáo ngày càng suy vong và lụn bại một phần được qui lỗi cho thời cuộc mà nhiều người gọi là Tân Trào với sự hiện diện của ngoại bang trên vùng Đông Á. Đây quả là một yếu tố gây nên sự đổ vỡ. Tuy nhiên, động cơ gây ra lụn bại để đưa đến kết quả đổ vỡ này không thể không kể đến trách nhiệm của phần lớn một số nhà Nho.

Nói trách nhiệm của phần lớn Nho gia không với ý nghĩa là gạt bỏ hay quên đi công lao và tâm huyết của một ít nhà Nho hay học giả đã cố công lúc nào cũng lo phục hồi Nho giáo hay Khổng giáo.

Mặc dù vậy, trải qua thời gian dài trên dưới 2.500 năm từ Xuân Thu Chiến Quốc đến nhà Tần, đời Lương Hán, Tam Quốc Lục Triều, Tùy, Đường cũng như Tống, Nguyên, Minh và đến nhà Thanh, phải công nhận rằng tại nước Tàu cũng như tại Việt Nam, Nho giáo hay Khổng giáo cứ càng ngày càng lụn bại.

Sự lụn bại phát sinh từ việc một số Nho gia đã quá tận tình nhập thế. Họ nhập thế vì nhu cầu "*Phụ mẫu chi dân*" mà đã quên mất đi tông chỉ tinh túy và giáo lý cao

siêu của Khổng giáo. Nói rõ hơn là có một số lớn Nho gia đã vì nhu cầu của riêng mình hay của gia đình mình mà đã không ngần ngại làm hại Nho giáo hay Khổng giáo là nơi đã đào tạo ra mình với mục đích cao cả là phục vụ nhân sinh chứ không phải riêng cho một cá nhân nào cả.

Thật vậy, với một trường hợp hết sức điển hình là việc nhà Tần đốt sách và chôn học trò, nếu xét kỹ ra thì những người đề xướng, chủ động và thực hiện việc này không ai khác hơn là những nhà Nho.

Lịch sử vẫn còn ghi rõ việc Lý Tư và Hàn Phi là hai danh Nho thời ấy. Cả hai là bạn học với nhau. Hàn Phi học giỏi hơn Lý Tư trong khi Lý Tư lại gặp lúc đắc thời. Lý Tư được làm Tướng nước Tần trong lúc Hàn Phi vẫn lận đận. Hàn Phi viết sách đề cao hình pháp để được vua Hàn trọng dụng.

Hàn Phi được vua Hàn sai đi sứ sang Tần sau khi Hàn bị Tần tiến đánh. Hàn Phi đến nước Tần được vua Tần mến phục và muốn trọng dụng vì vua Tần đã có đọc sách của Hàn Phi.

Lúc Hàn Phi đến Tần thì Lý Tư đang có nhiều vây cánh và uy quyền tại đó. Lý Tư mặc dù rất nể phục Hàn Phi vì Hàn Phi giỏi hơn mình, nhưng sợ vua Tần lại trọng dụng Hàn Phi mà bỏ mình nên dèm pha với vua Tần rồi bắt Hàn Phi bỏ ngục, sau đó ép Hàn Phi uống thuốc độc để tự tử.

Hàn Phi dù đã chết nhưng kế sách hình pháp tàn ác tạo thành cái chế độ chuyên chế độc tôn của Hàn Phi vẫn được vua Tần đem dùng.

Kế sách của Hàn Phi mặc dù không phải là giáo lý của

Khổng giáo, nhưng có một điều không ai có thể phủ nhận được việc Hàn Phi và Lý Tư là những kẻ đã xuất thân từ Nho giáo mà người đời sau gọi là “*Cửa Khổng sân Trinh*”.

Nếu Hàn Phi là người đã đề ra kế sách thì Lý Tư lại là người đem kế sách đó ra thực hành để phục vụ vua Tần mà mưu lợi cho cá nhân mình. Chính Thừa Tướng Lý Tư là người đã tâu với vua Tần về việc đốt sách. Chính Thừa Tướng Lý Tư là người đã đề nghị nếu ai bàn đến việc Thi, Thư thì đem chém bỏ xác ngoài chợ mà hậu quả về sau là chư sinh gần 460 người đã bị Tần Thủy Hoàng đem chôn sống ở Hàm Dương.

Trong việc Nho giáo bị truy bức, đốt sách và chôn học trò thì kế sách đề ra, người đề nghị thực hiện, kẻ thi hành chẳng ai khác hơn là những nhà Nho, đó là Lý Tư và Hàn Phi Tử, những danh Nho một thời, người làm đến Thừa Tướng, kẻ thì được cả vua Hàn và vua Tần nể trọng nhưng kẻ lại thất thế mà người thì được đắc thời. Như vậy, mọi việc chẳng qua là thời với thế, mọi việc lại chẳng qua là lợi với danh. Chỉ vì danh với lợi mà Thừa Tướng Lý Tư lại nở lòng hãm hại và giết chết bạn mình, hơn thế nữa lại còn tâu trình và thực hiện việc chôn học trò đốt sách, làm tàn lụi danh môn nơi đã đào tạo nên mình, đã cho mình tri thức kiến văn mà chỉ vì chưa biết Tu Thân nên quên cả ơn luân trở thành kẻ bội sự phản bạn.

Có phải chăng đây là một trường hợp điển hình của một số Nho gia đã vì lý này hay cơ nọ mà đã làm cho Nho giáo hay Khổng giáo ngày một lụn bại suy vong, tông chỉ Phối Thiên hầu như bị chôn vùi qua thời gian không còn ai biết đến nữa, phải chờ đến ngày nay có một Tôn giáo là Đạo Cao Đài với Hội Thánh và tín đồ toàn tâm, toàn

ý phục hưng.

Tóm lại, sau khi Đức Khổng Phu Tử Phối Thiên thì hầu như những gì vi diệu thậm thâm do Ngài cốt ý tâm truyền đã bị mai một. Nhiều đệ tử và hậu Nho không hiểu hết được tâm ý của Ngài nên mỗi người đi theo mỗi nẻo và nhiều người đã làm bại loại Nho phong. Đó là trường hợp của Lý Tư và Hàn Phi. Đó chẳng qua là những diệu lý cao siêu mà Ngài muốn nói nhưng chẳng nói được nhiều khiến ít ai hiểu thấu hết nổi vì ý tại ngôn ngoại, bất dĩ từ hại ý, có nghĩa là ngôn ngữ không có đủ năng lực diễn tả hết nổi giáo lý Phối Thiên của Ngài và những gì Ngài muốn truyền đạt thì lại quá cao siêu vượt ra ngoài ngôn ngữ hay tri kiến thế gian.

Nói rõ hơn, nếu chỉ chú trọng vào văn từ, hiểu qua lời nói thì đó chỉ là cái hiểu ở phần bên ngoài mà thôi. Thực ra, điều cần thiết là phải suy tư để có chánh kiến, đặc biệt là nhờ vào văn huệ, tư huệ và tu huệ để trực giác thẩm thấu, để nhân cái ý mà hội, cũng có nghĩa là lấy cái “*Thành Ý*” mà lãnh hội cho thật đầy đủ sự dạy bảo của Thánh Hiền, chớ không thể chỉ vì văn tự hay lời nói bên ngoài mà bỏ cái “*Thành Ý*”; làm hại cái “*Thành Ý*” thì chẳng thể nào có được cái Chánh Tâm để mà Tu Thân cho đúng đắn được.

Đến đây xin được bàn rõ cách Tu Thân của Khổng giáo, trong đó có đầy đủ cách tu kể cả của Phật giáo. Cũng xin được lập lại là cách Tu Thân của Khổng giáo cũng là cách Tu Thân của Đạo Cao Đài, ít nhất là trong một giai đoạn nhất định nào đó của một đời tu.

III – ĐẠO CAO ĐÀI PHỤC HƯNG CÁCH TU THÂN CỦA KHỔNG GIÁO.

Đạo Cao Đài được gọi là Nho Tông Chuyển Thế đã một phần nào phục hưng và tiếp tục cách Tu Thân của Khổng giáo, ít nhất là trong một giai đoạn quan trọng nhất định của một đời tu.

Trong cuộc đời tu, người tín đồ Cao Đài vì đang tại thế nên đôi khi ít hay nhiều phải nhập thế. Chính với lý do này mà người tín đồ Đạo Cao Đài có cách tu một phần nào giống như cách nhập thế của Nho gia, đặc biệt nhất là trong quãng đời còn phải lo cho cuộc sống, nói rõ hơn là chen chân vào thế sự trong lúc tuổi chưa đến buổi xế chiều.

Cho đến khi tuổi đã về chiều, người tín đồ Cao Đài lại cũng giống như bất cứ mọi người nào khác, lại có ý muốn hướng về nội tâm thay vì chạy theo danh tướng do bị trần cảnh cuốn lôi. Đây chính là lúc mà người tín đồ Cao Đài đặt nặng và hướng mình vào việc Tu Tâm nhiều hơn, mà Tu Tâm bao hàm giáo pháp đạt được A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề (Kinh Di Lạc) tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Phật của Phật giáo.

Nói rõ hơn, để giúp người tín đồ Cao Đài lúc sống được hạnh phúc và sau khi rời xa nhân thế được bình an, Đạo Cao Đài có cách tu vừa để đạt được Thánh quả mà cũng vừa là Phật quả. Đây là hai cách tu của Khổng giáo và Phật giáo. Cả hai, nếu nhìn không thấu đáo, nhất là chỉ nhìn bề ngoài, nhìn cách dụng công, nhìn nhập thế hay xuất thế v.v. thì thấy là hai mà thật ra chỉ có một mà thôi.

Để chỉ rõ Khổng giáo, Phật giáo, Cao Đài giáo là một, không hai, không ba, không khác, xin trước tiên được trình bày cách Tu Thân của Nho giáo và Phật giáo,

kế tiếp là cách tu của Đạo Cao Đài để một phần nào thấy rõ Cao Đài là Nho Tông Chuyển Thế mà cũng vừa là Tôn giáo thực hành giáo pháp A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề của Đức Di Lạc Vương Phật.

A- CÁCH TU THÂN CỦA KHỔNG GIÁO.

Cách Tu Thân của Khổng giáo được trình bày qua hai tác phẩm: thứ nhất là sách Đại Học và thứ hai là Thiên Đại Học Vấn.

1.- Sách Đại Học:

Đại Học không phải là một quyển sách riêng biệt do Khổng Tử viết ra. Sách này từ xưa vốn là một thiên thuộc sách Lễ Ký.

Đến thời Nho giáo đời Tống, mãi hơn một ngàn năm sau Công nguyên, Tống Nho (960-1280) mới lấy thiên này đem in ra cùng với thiên Trung Dung để lập thành bộ Tứ Thư của Khổng giáo gồm có Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung.

Căn cứ vào sự giải thích của Nho gia thì sách Đại Học là phần tác phẩm do Tăng Tử, một môn đệ thân cận với Đức Khổng Tử đã viết để diễn giải những lời dạy của Đức Khổng Tử muốn truyền lại đời sau.

Để làm sáng tỏ mối Đạo của Thầy, Tăng Tử không những chỉ nghiên cứu Kinh Lễ mà còn tìm hiểu Kinh Thi và Kinh Thư.

Ông đem những lời đã được Đức Khổng Tử dạy trong Kinh Thi và Kinh Thư để diễn thêm vào với mục đích là dạy cho học trò hiểu rõ cái ý của Đức Khổng Tử trong Đại Học.

Sau ngày Tăng Tử mất, học trò của ông mới viết lại những gì ông đã dạy. Tất cả có 10 Chương. Trong 10 Chương này thì 4 Chương đầu dùng để diễn cái ý của Minh Minh Đức, Thân Dân, và Chí Thiện. Còn 6 Chương sau thì nói về phần còn lại thuộc Bình Thiên Hạ, Trị Quốc, Tề Gia, Tu Thân, Chính Tâm, Thành Ý, Trí Tri, Cách Vật.

Có một điều đáng tiếc là trong 6 Chương sau cùng thì Chương nói về Cách Vật lại mất đi. Đây là Chương thứ nhất bắt đầu mà cũng là Chương quan trọng nhất vì có biết rõ và hiểu rõ được Chương này thì mới có thể Trí Tri để Thành Ý rồi Chính Tâm và Tu Thân được.

Nói khác hơn, thiếu phần Cách Vật là khâu mở đầu thứ nhứt, thật khó có thể hiểu biết rõ được cách Tu Thân của Khổng giáo.

Người sau chỉ có thể biết rằng Khổng giáo chủ trương và khuyến khích Tu Thân qua câu "*Tự Thiên Tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị gia dĩ Tu Thân vi bản*" trong sách Đại Học mà thôi chớ khó thể biết rõ hết được cách Tu Thân của Khổng giáo.

Tóm lại, việc thất thoát Chương Cách Vật trong sách Đại Học là lý do thứ nhất làm cho việc nhập thể của Khổng giáo bị chông chênh và càng ngày càng bị suy đồi.

Còn một lý do thứ hai cộng thêm vào lý do thứ nhất để làm cho Khổng giáo ngày thêm lụn bại, đó là sau khi Mạnh Tử mất đi thì không còn ai nắm bắt kịp, hay nắm bắt được phần Tâm truyền của Khổng Tử kể từ khi Ngài đề ra và truyền lại cho Tăng Tử và Tử Tư đến Mạnh Tử.

Trong phần Tâm truyền, Khổng Tử và Mạnh Tử đã chỉ rõ cái tông chỉ hay cái tinh thần của Nho giáo, đó

là giữ lấy cái Tâm, nuôi lấy cái Tính và theo cái Chính mệnh của mình.

Mạnh Tử nói rõ là Chính mệnh thì bắt nguồn từ Thiên Lý mà Thiên Lý thì luôn luôn Chí Thiện.

Chính cái yếu chỉ Chí Thiện là cái cốt lõi trong Đạo Nhân của Khổng giáo, và con người thì ai ai cũng thiện. “*Nhơn chỉ sơ Tánh bốn thiện*” hay “*Nhân tính chi thiện giả, do thủy chi tựu hạ giả*”, nghĩa là con người khi mới sanh ra thì ai ai cũng thiện và thiện là tánh bản nhiên của con người cũng như tánh tự nhiên của nước là chảy xuống thấp vậy. Nói rõ hơn, nước không bao giờ chảy ngược lên cao và con người với tính bản nhiên thì luôn luôn vẫn thiện lành.

Cái bản tính thiện lành bắt nguồn từ Thiên Lý này sau khi Mạnh Tử mất thì không còn ai theo đuổi học hỏi đến nơi đến chốn và khai triển tiếp tục, do đó mà cái học Hình Nhi Thượng hay cái Tâm Truyền Khổng Mạnh đã bị mai một, cộng thêm vào sự thất lạc từ trước cái Chương Cách Vật, mà Cách Vật tức “*Vi thiện khử ác thị cách vật*”, có nghĩa là bỏ đi cái ác làm điều thiện là Cách Vật vậy.

Cách Vật đã mất trước, và sau này phần Tâm truyền của Mạnh Tử cũng mai một luôn, nghĩa là phần Thiên Lý là bản chất Thiện trong Mệnh và Tính của con người đã bị lãng quên, như vậy cả hai cái chìa khóa quan trọng để giúp cho hậu Nho mở cửa bước vào hành trình dựng công nhập thế đã mất cả, thảo nào mà qua các triều đại Tần Hán, Tam Quốc, Lục Triều, Tùy Đường, hậu Nho đã bị chông chênh như thuyền không lái vì cái cốt lõi Đạo Nhân trong Khổng giáo hầu như không còn ai mang theo và thực hành đúng mức trên con đường được gọi là phục

vụ nhân sinh hay nhập thể.

Nhiều hậu Nho đã chạy theo tư tâm, làm theo tư dục; vì thế nên mới có Tuân Tử, Lý Tư, Hàn Phi. Chính các vị này đã đề ra cái Tính Ác và cái học thuyết chuyên trị về mặt hình pháp tạo thành cái chính trị chuyên chế của nhà Tần và gây ra cái họa đồng môn ám hại lẫn nhau dẫn đến việc đốt sách, chôn học trò cũng như làm nảy sinh ra cái học “*Huấn hó*”, tìm nghĩa, tầm chương, trích cú của Hán Nho để rồi về sau hậu Nho hầu như ít ai còn để ý đến phần Phối Thiên hay Tâm Truyền của Khổng giáo.

Hậu Nho, đặc biệt là sau thời Đông Hán thì hầu như không còn ai chịu tìm tòi và hiểu biết tận tường cái ý nghĩa của Kinh Dịch, sách Đại Học và Trung Dung. Chính vì lý do này mà mỗi người với tư tâm và do tư dục lại bàn mỗi cách, do đó mà cái tông chỉ Khổng giáo ngày càng bị sai lạc quá nhiều, hậu Nho hầu như chỉ còn thiên về khoa cử, từ chương, thi phú gây thành cái học hư văn.

Sở dĩ cái học trở thành hư văn hay từ chương, thi phú, khoa cử, đó chẳng qua là do cái hậu quả của việc không nắm bắt được phần giáo lý cao siêu của Khổng giáo nhằm đem Nhơn Đạo để hòa với Thiên Đạo, cũng như **cái tông chỉ Thiên Lý là bản tính của con người, mà Thiên Lý là Chí Thiện thì con người do đó bản tính cũng vốn Thiện.**

Không nắm bắt được cái bản tính vốn thiện của con người do cái học Hình Nhi Thượng của Khổng giáo đã bị thất truyền và phần Cách Vật trong sách Đại Học đã bị mất đi, vì thế mà hậu Nho khó có thể Tu Thân để nhập thể hay Tu Thân qua nhập thể đúng theo tông chỉ của Khổng giáo, phải đợi đến đời Minh với Vương Thủ

Nhân là người đã được khai thị và ngộ nhập bí pháp giáo truyền của Khổng Tử, được biết qua Thiên Đại Học Vấn mà các môn đệ của Vương Thủ Nhân đã có công ghi và còn lưu lại.

2.– Thiên Đại Học vấn:

Nhiều danh Nho quan tâm đến Khổng giáo nhận thấy sự thất lạc Chương Cách Vật trong sách Đại Học quả là một sự mất mát to lớn gây nhiều tai hại đến cách Tu Thân và nhập thế của các Nho gia.

Vấn đề cần thiết đặt ra là phải làm sao hiểu rõ và diễn giải được hai chữ Cách Vật theo ý của Thánh Hiền để bù đắp vào sự mất mát đó.

Để giải quyết vấn đề, cho mãi đến hơn một ngàn năm sau, vào thời Tống Nho mới có hai anh em họ Trình là Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên làm được việc này, dù rằng không đầy đủ nhưng cũng đã tạo tiền đề cho việc bổ cứu thêm vào Chương Cách Vật.

Theo Trình Minh Đạo thì vật hay việc là gốc.

Trình Minh Đạo nói rõ rằng Thánh Nhân mừng là vì vật hay việc đáng mừng mà mừng. Thánh Nhân có giận là vì vật hay việc đáng giận mà giận. Có nghĩa là việc mừng hay giận của Thánh Nhân không phải do cái Tâm của Thánh Nhân muốn, tức không phải cái Tâm của Thánh Nhân bị động nhưng hệ trọng nhất là gốc ở vật vậy. Nói như thế có nghĩa là Trình Minh Đạo chủ trương lấy vật hay việc làm gốc.

Tiếp theo Trình Minh Đạo là ý kiến của bào đệ ông tức Trình Di hay Trình Y Xuyên.

Theo Trình Y Xuyên thì mỗi vật hay việc đều có cái Lý của nó. Cái Lý đó của vật, thì ở người được gọi là Tính hay Mệnh. Cả ba Lý, Tính, Mệnh theo Trình Y Xuyên đều không khác nhau, mà theo ông thì cùng Lý tức tận Tính mà tận Tính là Tri Thiên Mệnh hay đạt được Thiên Đạo, có nghĩa nếu con người cố công tìm hiểu tận cùng cái Lý của sự vật cũng như tìm lại cái bản thể của mình tức cái Tính của mình thì con người sẽ thấy rõ trong cái Lý của sự vật hay trong cái Tính của mình luôn luôn có cái Thiên Lý, mà cũng có thể gọi là cái Thánh Tâm ở trong đó.

Nói rõ hơn, bàn về Cách Vật thì Trình Minh Đạo có lập luận căn cứ vào Hậu Thiên, tức chú ý về Tướng, lấy vật hay việc làm gốc. Còn Trình Y Xuyên lập luận dựa vào Tiên Thiên, chú trọng đến Lý hay Tính. Cả hai anh em có ý kiến bổ túc cho nhau và cuối cùng ý kiến của Trình Y Xuyên được Nho giáo đời sau tiếp nối rõ hơn.

Tóm lại, trong quan điểm về Cách Vật, họ Trình thật sự có đưa ra cái ý kiến định vị được cái vật hay cái việc, như Trình Minh Đạo đã làm, và cũng có chỉ rõ cái Lý của vật hay cái Tính của người như Trình Y Xuyên đã dạy. Mặc dù vậy hai anh em nhà họ Trình vẫn chưa giải rõ được chữ “*Cách*” mà phải đợi đến Nho giáo thời Minh, Vương Dương Minh mới làm sáng tỏ ra hết ba khâu quan trọng trong việc Tu Thân, đó là Cách Vật, Trí Tri và Thành Ý.

Xin trước tiên được nói về Cách Vật.

a. Cách Vật:

Wang Yangming có định nghĩa rõ chữ “*Cách Vật*” trong Ngữ Lục, III.

Theo Vương Dương Minh thì: “*Vô thiên vô ác thị*

chi tâm thể, hữu thiện hữu ác thị ý chi động, tri thiện tri ác thị lương tri, vi thiện khử ác, thị cách vật". Nghĩa là không thiện không ác là cái thể của Tâm, có thiện có ác là sự động của Ý, biết thiện biết ác là Lương tri, làm thiện bỏ ác là Cách Vật.

Như vậy, Cách Vật theo tông chỉ Tu Thân của Vương Dương Minh có nghĩa là bỏ ác làm thiện.

Đây là nghĩa thứ nhất mà cũng là cái nghĩa quan trọng nhất trong việc Tu Thân của Khổng giáo.

Còn một nghĩa thứ hai vi diệu hơn xin được bàn đến sau.

Tóm lại, theo tông chỉ Tu Thân của Vương Dương Minh trong Ngữ Lục, III thì **Cách Vật có nghĩa là "làm Thiện bỏ Ác"**.

b. Trí Tri:

Hai chữ Trí Tri cần phải được định nghĩa rõ từng chữ một.

Trước tiên là chữ Trí, kể đến là chữ Tri.

Trí: có nghĩa là đến, và được hiểu như đến đó, đến như vậy, đến tận cùng, đến đó là hết. Nói rõ hơn là đến, là tới cái nguồn gốc của sự vật, của hành động, của giác tri.

Chữ Trí ở đây được dùng không khác ý nghĩa của chữ Trí trong Trí Vô Đối của Đạo Cao Đài hay chữ Trí trong Trí Bát Nhã của Đạo Phật.

Tri: có nghĩa là Lương tri.

Đây là lương tri mà Đức Mạnh Tử đã dạy trong Ly Lâu Hạ rằng: "*Nhân chi sở bất học chi năng giả, kỳ lương năng giả; Sở bất lự nhi tri, kỳ lương tri giả*". Nghĩa là

người không có học mà làm được, làm giỏi là do lương năng; người không tư lự suy nghĩ mà biết được rõ rệt, tinh tường, không sai lạc là do cái Lương tri đó.

* Trí Tri hay Trí Lương Tri:

Hai chữ Trí Tri không có nghĩa là mở rộng cái tri thức ra, mở rộng cái hiểu biết ra, mở rộng cái tri kiến thế gian ra như nhiều hậu Nho thường hiểu.

Trí Tri hay Trí Lương Tri có nghĩa là đi đến cái Lương Tri, đạt tới cái Lương Tri, mà Lương Tri có nghĩa là biết thiện biết ác (Tri thiện tri ác thị lương tri – Ngũ lục, III)

Như vậy, **Trí Tri có nghĩa là đạt đến cái “biết Thiện biết Ác”**, đó là cái biết có nguồn gốc tự nhiên mà như Chu Hối Am hay Chu Hi, một danh Nho đời Tống đã gọi “*lương*” là “*tự nhiên*” vậy.

Tóm lại, Trí Tri Cách Vật hay Trí Tri tại Cách Vật có nghĩa là đến và thấy biết rõ cái bản chất Thiện của mọi sự vật cũng như cái bản tính Thiện của mọi chúng sinh.

Chúng sinh với lương tri, lương năng tự nhiên là Thiện vì thế nên nghĩ thiện, nói thiện, làm thiện. Đó là nói về cái bản chất có nguồn gốc từ Thiên Lý.

Dù vậy, qua thời gian chạm cảnh nhập duyên, con người thường thì ai cũng có cái tập tâm, tập nhiễm gây ra bởi cái dục tình hay cái tư tâm tư dục nên đã lần lần quên mất đi cái bản chất hay cái Thiên mệnh lành thiện của mình. Chính vì lý do này mà con người cần phải dụng cái công phu ở lương tri để phục hồi khả năng Cách Vật, tức cố công Tu Thân để thấy rõ rồi trở về với cái hiểu biết tận tường thiện ác, và bỏ ác hành thiện.

Hành Thiện có nghĩa là nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện. Hành Thiện là Thánh Tâm nói theo Khổng giáo và theo Phật giáo thì đó là Phật Tánh. Thánh Tâm hay Phật Tánh cả hai không khác. Khổng giáo tu là để trở về với Thánh Tâm cùng với mục đích Phối Thiên cũng như Phật giáo tu là để trở về với Phật Tánh và để đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức quả Phật.

Cả hai đều do Hành Thiện mà có, như đã được trình bày trong Thánh thư của Khổng giáo và Kinh kệ của Phật giáo.

Đến đây, xin được nói về cách tu để đạt thành Phật quả của Phật giáo mà cũng là Thánh quả của Khổng giáo. Cả hai có tương quan mật thiết. Nói hai là nhìn cách dụng công. Nói một là nhằm nơi kết quả đạt đến. Như vậy, cả hai tuy hai mà một và một sẽ được tìm thấy ở Đạo Cao Đài.

B- CÁCH TU THÂN CỦA PHẬT GIÁO.

Phật giáo dạy tu chú trọng Tiên thiên (Essence) hơn Hậu thiên, đặt tâm quan trọng về Thể hơn là Dụng, vì thế nên giáo lý Đạo Phật nói Tu Tâm nhiều hơn là dạy Tu Thân dù rằng thân tâm là một, mà nếu không có Thân hiển lộ thì không làm sao nói đến Tâm được.

Dù vậy, nếu đem so với Khổng giáo thì đây chỉ là cách dụng công khác nhau giữa Phật giáo và Khổng giáo mà thôi, vì Tu Tâm không gì khác hơn là để Tu Thân (tiên chính kỳ Tâm, hậu tu kỳ Thân), tức mục đích cuối cùng vẫn là Tu Thân, vì trong Thân đó có Tâm, nghĩa là cả hai Thân và Tâm, tuy nói là hai nhưng chỉ là một.

Tổng quát mà nói thì nhìn bên ngoài tuy thấy Khổng

giáo nhập thế và Phật giáo xuất thế, cách tu có khác, dù vậy, nếu nghiên cứu kỹ Kinh điển và Thánh thư thì cả hai lại giống nhau.

Xin trước tiên được trình bày sự giống nhau giữa Khổng giáo và Phật giáo bằng cách nhìn lại điển tích và Kinh Kệ của Đạo Phật.

1.– Điển tích:

Trong điển tích của Phật giáo có một câu chuyện thật như sau, thường được người đời nhắc đến cũng như những bậc tôn túc của Đạo Phật dùng để chỉ dạy Phật tử tu hành.

Câu chuyện xảy ra vào đời Đường bên Tàu.

Chuyện kể rằng thuở ấy có một vị văn quan tên là Bạch Lạc Thiên tức đại thi hào Bạch Cư Dị. Bạch Cư Dị là người đã nổi danh trên thi đàn không những ở trong nước Tàu mà sau này còn lan truyền ra khắp cả năm châu.

Nhân một hôm muốn học Đạo, Bạch Cư Dị bèn tìm đến một cao nhân là một Thiên sư tên Ô Sào.

Thiên sư Ô Sào sở dĩ có tên gọi như vậy là vì Ngài không ở trong chùa hay trong nhà mà lại lấy cây lá lót và che trên một chên ba của một cây to để làm nơi tá túc. Chỗ ở này giống như cái tổ của một con quạ thế nên ông mới được người quanh vùng gọi là Thiên sư Ô Sào vì Thiên sư ở trên một nơi giống như ổ quạ.

Dạ Bạch Cư Dị đến gặp Thiên sư vào lúc Thiên sư đang ngồi trên cây. Bạch Cư Dị mở lời bằng cách hỏi tại sao Thiên sư không ở trong chùa mà lại ngồi chi ở trên cây nguy hiểm như vậy.

Thiên sư trả lời rằng chỗ tôi ngồi không có nguy

hiếm đầu. Chính chỗ ông đang ngồi (làm quan) mới là thập phần nguy hiểm đó.

Bạch Cư Dị kể tiếp bắt đầu hỏi Đạo. Ông nói với Thiền sư Ô Sào rằng:

– Không dám nào xin Thiền sư nói cho tôi biết cách tu hành đúng theo Phật pháp.

Thiền sư Ô Sào đồng ý, bảo Bạch Cư Dị lắng nghe và nói:

– *“Chu ác mạc tác. Tín thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chi Phật pháp”*, (có nghĩa là tránh làm việc ác, chỉ nên làm những điều thiện, thanh tịnh Tâm ý, đó là Phật pháp).

Bạch Cư Dị sau khi nghe xong bèn nói với Thiền sư Ô Sào rằng: *“Tuồng gì chớ những điều ông vừa nói thì đứa con nít tám tuổi cũng biết!”*

Thiền sư Ô Sào ôn tồn với giọng nhắc nhở, nói với Bạch Cư Dị:

– *“Đúng, ông nói đúng. Đứa con nít tám tuổi cũng biết nhưng ông già tám mươi tuổi cũng làm chưa xong”*.

Câu chuyện trên đây giữa Thiền sư Ô Sào và ông Bạch Cư Dị cho thấy theo Phật pháp thì tu là chỉ làm những điều Thiện và tránh những điều Ác, đồng thời giữ Tâm ý thanh tịnh.

Đây là Phật pháp, là giáo lý nhà Phật chỉ rõ tu thì không gì khác hơn là phải tránh ác và làm thiện. Giáo lý dạy tu bằng cách tránh ác làm thiện này còn được nói rõ hơn trong Kinh kệ của Đạo Phật.

2.– Kinh Kệ:

Kinh Kệ Phật giáo thì rất nhiều và rất cao siêu. Tất

cả nhằm vào việc dạy tu để đạt giải thoát. Muốn đạt giải thoát, Phật tử phải trước tiên giác ngộ, kiến Tánh rồi mới có thể thành Phật.

Thành Phật, theo giáo lý Phật giáo là đạt đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được nói đến trong nhiều Kinh Phật, nhưng đặc biệt là ở Kinh Kim Cang.

Trong Kinh Kim Cang, để đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức thành Phật, Đức Phật Thích Ca có nói rất rõ tại Chương 23 của quyển Kinh này như sau:

“Phục thứ Tu Bồ Đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề.

Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề.

Tu Bồ Đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp”.

Nghĩa:

(Lại nữa Tu Bồ Đề, pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, tên gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, và **nhất thiết là lo tu Thiện pháp thì sẽ đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.**

Này Tu Bồ Đề! Pháp lành đã nói đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp lành ấy gọi là pháp lành).

Tóm lại, tại Chương 23, Kinh Kim Cang, Đức Phật Thích Ca có dạy rõ muốn đạt được quả Phật thì nhất thiết

là phải tu những pháp lành.

Nói rõ hơn, bất cứ ai, bất cứ người tu nào, nếu không làm lành, lánh dữ thì dù có tu cách nào, tu đến như thế nào thì cũng không sao thành Phật được.

Như vậy, với Kinh Kim Cang được mệnh danh là “*Kinh Vua*” mà cũng là quyển Kinh ấn Tâm của Phật giáo Thiên Tông hiện tại, thì để được quả Phật người tu trước tiên và nhất thiết là phải làm lành, lánh dữ.

Lời dạy này trong Kinh Phật nếu xem kỹ ra thì cũng chẳng khác nào lời dạy của Khổng giáo trong Thánh thư Đại Học và Đại Học Vấn.

Hai quyển Thánh thư này cũng dạy Nho gia và người đời nếu muốn đạt đến Thánh Tâm và cuối cùng Phối Thiên thì phải Trí Tri, Cách Vật nghĩa là phải làm thiện bỏ ác (chư ác mạc tác, tín thiện phụng hành).

*** Kết luận:**

Muốn tu để thành Thánh hay thành Phật thì người tu nhất thiết phải thực hành Thiện pháp.

Thực hành Thiện pháp có nghĩa là làm lành tức lo tu Phước.

Thực hành Thiện pháp còn có thêm một nghĩa thứ hai nữa đó là phải nghĩ lành tức Tâm phải lành.

Tâm lành theo Chương 23 của Kinh Kim Cang, đó là Tâm không còn có chấp ngã, chấp pháp, là Tâm hoàn toàn thanh tịnh.

Muốn có tâm thanh tịnh, vô ngã vô pháp theo Đạo Phật cũng như Chánh tâm, Thành ý theo Đạo Khổng, người tu phải cố gắng dụng công để lo tu Huệ.

Có tu Phước trước, vì tu Phước dễ tu hơn, rồi sau lo tu Huệ, vì tu Huệ khó hơn, hoặc Phước-Huệ song tu thì người tu mới đạt quả Thánh cũng như quả Phật được.

Hai quả này, cũng như hai cách tu này, Kinh Kệ và giáo lý Đạo Cao Đài có dạy rất rõ, căn cứ vào căn cơ và đặc biệt là hoàn toàn dựa trên sự chuyển hóa tâm thức qua các giai đoạn phát triển tâm linh của một đời tu.

Xin được bàn đến giáo lý của Đạo Cao Đài ở Phần kết luận để chỉ rõ nếu muốn được quả Thánh hay Phật thì trước tiên phải “*Trí Tri, Cách Vật*” như nói theo Đạo Khổng hay “*tu nhất thiết Thiện pháp*” như nói theo Đạo Phật, và kế đến là phải “*Chánh Tâm, Thành Ý*” theo Đạo Khổng hay “*Tịnh Tâm Vô Ngã Vô Pháp*” như Đạo Phật.

C- CÁCH TU THÂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.

1.- Đạo Cao Đài Một Tôn Tôn Giáo.

Đạo Cao Đài là một Tôn giáo được thành lập tại Việt Nam tính đến nay đã hơn 80 năm.

Nói Đạo Cao Đài một tôn Tôn giáo vì trước tiên căn cứ vào tông chỉ và giáo lý. Thứ đến, nói Đạo Cao Đài tôn Tôn giáo là do nơi cách tu. Đạo Cao Đài có một cách tu riêng biệt, phát xuất từ cách tu của Tam Giáo nhưng không hoàn toàn giống bất cứ một Tôn giáo nào trong Tam Giáo.

Cách tu của Đạo Cao Đài có thể hướng dẫn tất cả mọi người, thuộc mọi thành phần trong xã hội, già trẻ bé lớn, ai cũng có thể tu được. Đặc biệt là cách tu này mặc nhiên chú trọng vào những giai đoạn mà con người có thể tu trong cuộc đời.

Cách tu của Đạo Cao Đài nhằm trước nhất, giúp đỡ mọi người sống hạnh phúc, chết bình an, làm sao để con người lúc sống được tự tại an vui, và sau khi chết đi rồi thì tránh khỏi tam đồ lục đạo, để trở lại kiếp làm người. Cuối cùng, chính cách tu này có mục đích tối thượng là hướng dẫn mọi người nếu không giải thoát được hoàn toàn để đạt được Thánh quả tại thế gian và Tự Tánh Niết Bàn sau khi chết thì ít nhất cũng được siêu thăng một trong chín tầng trời đến vị. Đây là tông chỉ và mục đích của Đạo Cao Đài.

Về tông chỉ, mặc dù nói là một Tân Tôn giáo nhưng Đạo Cao Đài có tông chỉ và giáo lý Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, tức là trong giáo lý của Đạo Cao Đài có đủ tinh túy giáo lý của Tam Giáo nên mới gọi là qui nguyên, và tông chỉ của Đạo Cao Đài chú trọng về Ngũ Chi Đại Đạo, trong đó Nhơn Đạo là mối Đạo khởi đầu lại là phần quan trọng nhất mà Khổng giáo hơn 2.500 năm qua đã đề xướng, chủ trương và cố công truyền bá.

Có thể nói phần quan trọng mà Đạo Cao Đài tiếp nối, hay nói rõ hơn là phục hưng Khổng giáo, đó là “**Nhơn Đạo**”.

Đây là phần rõ nét nhất cho thấy Cao Đài giáo và Khổng giáo có nhiều điểm giống nhau về thể pháp, đặc biệt là cách Tu Thân vào một giai đoạn nhất định nào đó của một đời tu.

Như vậy, muốn hiểu một phần nào cách Tu Thân của Đạo Cao Đài thì nên nghiên cứu thật kỹ cách Tu Thân của Khổng giáo.

Nói khác hơn, muốn tìm hiểu Đạo Cao Đài thì điều

cần thiết trước tiên là phải hiểu rõ Khổng giáo.

Cũng vậy, muốn hiểu rõ Khổng giáo tức thấy rõ được phần Hình Nhi Thượng là phần Tâm truyền cao siêu của Khổng giáo tạo cơ duyên thể nhập được ý chỉ Phối Thiên của Đạo Khổng thì điều quan trọng là phải thẩm thấu diệu lý thâm sâu của Đạo Phật. Nói rõ hơn, nếu chưa trực giác được diệu lý Phật pháp thì khó lòng thể nhập được chân lý mà Khổng Tử muốn tâm truyền, cũng như có hiểu rõ được Trí Bát Nhã và Lý Bất Nhị của Đạo Phật thì mới có thể thấy diệu lý cao siêu mà Đức Lão Tử đã đề ra Chương 1 và Chương 2 là hai Chương quan trọng của Đạo Đức Kinh.

Tóm lại, Khổng giáo hay Lão giáo thì nói Thánh Tâm, Phật giáo lại nói Phật Tánh. Dù Thánh Tâm hay Phật Tánh, cả hai cũng đồng cùng nhau, như nhau không có gì khác biệt. Với chín đức tánh của Phật được nói rõ trong Phật pháp thì Đức Lão Tử hay Đức Khổng Tử cũng dạy Thánh Tâm không khác, nếu mọi sự cứu xét về giáo lý Lão giáo và Khổng giáo được tường tận, nhất là trực giác để thẩm thấu và lý hội được những lời dạy trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử và Kinh Dịch cũng như Sách Đại Học và Trung Dung của Khổng giáo.

Lão và Khổng dạy Thánh Tâm, Phật thì dạy Phật Tánh.

Cả hai Thánh Tâm và Phật Tánh thì trong giáo lý Đạo Cao Đài đều có dạy, và dạy cả cách tu. Người tín đồ Cao Đài tu Thánh Tâm hay Phật Tánh vào những giai đoạn gần như nhất định nào đó của cuộc đời mình, hoặc tu trọn đời tu. Nói như thế với hàm ý rằng tông chỉ và giáo lý của Đạo Cao Đài là qui nguyên vì trong đó có cả

phần tinh túy giáo lý và tông chỉ của Tam Giáo, chỉ có khác một điều là cách tu mà thôi.

Nói rõ hơn, về việc tu hành thì **Đạo Cao Đài với giáo lý không khác Tam Giáo, nhưng cách tu lại có khác.**

Chính chỗ khác này mà có người lại bảo rằng Đạo Cao Đài có cách tu không cao siêu. Bằng cứ là người tín đồ Cao Đài vẫn có gia đình vợ con, vẫn để râu để tóc, sống tại gia, sinh hoạt tại thế, v.v. như vậy, thì đâu có thực hành cái “*hạnh từ bỏ*” cao siêu như Đạo Phật. Tuy nhiên, nếu muốn thấy và biết cho rõ thì thật ra có những điều cần phải cứu xét tận tường và trước tiên xin bàn đến cách tu của Đạo Cao Đài đối với cách tu của Phật giáo qua quyển “*Thiếu Thất Lục Môn*” của Đạo Phật.

*** Thiếu Thất Lục Môn:**

Đây là một quyển sách được bảo là của Đức Bồ Đề Đạt Ma viết ra.

Dù vậy, cho mãi đến ngày nay, ai là tác giả của quyển sách này vẫn còn là một đề tài nghiên cứu. Dù sao đi chăng nữa thì quyển sách này vẫn ở trong tàng Kinh của Phật giáo được Thiền Tông dùng để giảng dạy Phật pháp và được dịch ra là “*Sáu cửa vào động Thiếu Thất*” do Trúc Hiên, và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam – Xuất bản năm 2000 tại Sài Gòn.

Cứ theo Thiếu Thất Lục Môn thì tại cửa thứ sáu với danh đề là “*Huyết Mạch Luận*”, nơi trang 157–158 có nói như sau:

“Nếu thấy Tâm mình cũng là Phật, không cần cắt tócạo râu, hàng Áo Trắng vẫn là Phật”. Mà hàng áo trắng được ghi ở quyển sách này thì đó là những người

tu ở tại gia.

Như vậy, có nghĩa là tu tại gia cũng có thể thành Phật, chớ không nhất thiết phải xuất gia hay tu ở chùa mới thành Phật được.

Những gì vừa được nói ra trên đây thật ra không hàm xúc ý nghĩa coi nhẹ hay hạ thấp việc xuất gia.

Dù vậy, phải nhìn nhận quyền Thiếu Thất Lục Môn đã truyền đạt một phần giáo lý thật cao siêu của Phật giáo, vì như Phật đã nói là “*Phật tức Tâm, Tâm tức Phật*”, hay “*Tâm, Phật, Chúng Sanh, tam vô sai biệt*” mà Lục Tổ Huệ Năng lập lại rất rõ trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Chương 2– Bát Nhã: “*Một niệm tinh là Phật, một niệm mê là chúng sanh*” hay “*không tu tức là phạm, một niệm tu hành, tự thân đồng với Phật*”, và Ngài đã hoàn toàn giác ngộ làm Tổ trong khi vẫn còn để tóc, để râu sống chung với bọn thợ săn, hoàn toàn còn trong cuộc đời thế tục.

Nói rõ hơn, theo như những lời Phật đã dạy, theo như những gì Lục Tổ đã nói, cũng như theo Thiếu Thất Lục Môn thì Phật ở tự Tâm của mỗi một con người, chỉ cần thấy Tánh thành Phật chớ chẳng cứ xuất gia hay tại gia.

Thật vậy, nếu Thân xuất gia mà Tâm tại gia thì có khác nào Thân Tâm như vẫn tại gia.

Xuất gia là xuất thế tục gia, phiền não gia và tam giới gia.

Nếu đã xuất thế tục gia mà phiền não gia chưa xuất được thì quả giải thoát không làm sao thành được.

Người Phật tử đạt được quả giải thoát hay không là do ở nơi Minh Tâm kiến Tánh, tức phải thấy Tánh mới

có thể thành Phật được, cũng có nghĩa là Phật ở tại Tâm chứ Phật không ở đâu xa cả. Phật là Tâm, Tâm là Phật. Phật là chúng sanh, chúng sanh là Phật mà trong Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn có dạy: “**Thầy là các con, các con là Thầy**”, cũng như với Khổng giáo thì Người và Trời cũng chỉ là một mà thôi, vì thế nên sách Trung Dung mới viết “*Tu tri nhân bất khả bất tri Thiên*”, hàm súc ý nghĩa Trời, Người không khác, Trời ở tại Người cũng như Phật ở tại Tâm vậy.

Tóm lại, trong việc con người đạt Đạo, đến được cõi Trời hay cõi Phật không thể có sự phân biệt là xuất gia hay tại gia, giàu hay nghèo, nam hay nữ. Chính cũng trong quyển Thiếu Thất Lục Môn lại có nói rõ là “*nếu thấy Tánh thì Chiên đà-la cũng thành Phật được*”, mà Chiên đà-la là hạng người hèn mạt nhất ở Ấn Độ, được coi như con vật, ai thấy cũng phải tránh xa ra vì sợ bị nhiễm do những người này chuyên sống với nghề hàng thịt, giết trâu bò, thế mà cũng có thể thành Phật được, như vậy thì lựa là phải phân biệt tu xuất gia hay tu tại gia, mà tu tại gia có dễ hơn xuất gia không? Nếu dễ hơn thì tại sao người đời lại nói “*nhứt tu thị, nhị tu gia, thứ ba tu chùa*” có nghĩa vào chùa thì dễ tu hơn vì ít có duyên thế gian, chuyện trần tục, chuyện thị phi.

Cũng vậy, nói về thị phi, thì những gì được viết ra trên đây không có nghĩa là để bàn chuyện thị phi, hay cố tạo sự luận bàn với tâm thế gian trần tục. Những điều cần phải nói rõ không có nghĩa là muốn nói đúng nói sai, nói phải nói quấy, nói tốt nói xấu, để cao cách tu này hay hạ thấp cách tu khác. Mục đích của việc trình bày là cốt để nói rằng cách tu nào cũng chịu phần ảnh hưởng của

những điều kiện chủ quan lẫn khách quan, hoặc cũng do nơi căn cơ mà thôi.

Vậy, đừng phân biệt cao thấp. Ai tu thành Thánh, thành Phật được là đạt được Đạo. Cách tu chỉ là phương tiện mà thôi.

Phật đã dặn rõ là qua sông rồi thì còn ôm chiếc đò theo mãi làm gì. Điều cần thiết là làm sao Phối Thiên được, giải thoát được, chớ đừng nên bỏ công vào việc bàn luận cao thấp, xuất gia hay tại gia, chỉ có làm hại cho cái Tâm Đạo của mình thôi.

Người tu phải làm sao cố gắng chuyển Tâm để thành Phật. Nói về vấn đề chuyển Tâm, cũng như khi nói đến chuyển Tâm chớ không chuyển cảnh để thành Phật thì không thể quên được những gì mà Phật đã dạy trong Kinh Duy Ma Cật.

*** Kinh Duy Ma Cật.**

Kinh Duy Ma Cật còn được gọi là Kinh Tịnh Danh hay Kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát.

Đây là một đại tác phẩm của Phật Giáo Đại Thừa trình bày giáo pháp tu trì của Đạo Phật qua các cuộc tranh luận giữa những đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca cùng một cư sĩ tại gia.

Điểm đặc biệt của Kinh Duy Ma Cật là nhân vật chính trong Kinh này không phải là một vị Thanh Văn, Duyên Giác hay Bồ Tát hoặc Phật mà là một trưởng giả tại thế gian.

Vị trưởng giả này tên là Duy Ma Cật, một cư sĩ, một bạch y vào thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế.

Ông ở tại thành Tỳ Đa Li (Vaishali) thuộc vùng đông bắc Ấn Độ. Ông là một thương gia giàu có và sinh hoạt bình nhật cũng như bao nhiêu thường nhân khác.

Ông cũng có vợ con, có gia đình, có họ hàng cha mẹ, bạn bè và công việc làm ăn với đời sống không khác đa số quần chúng thế gian.

Ông là đại diện cho giới cư sĩ, chỉ tu tại gia nhưng am tường Phật pháp và quyết tâm giải thoát mặc dù không lìa hẳn gia đình để vào chùa tu như bao nhiêu người xuất gia. Nói rõ hơn, ông chỉ là một cư sĩ và chỉ tu tại gia mà thôi.

Đối với những người tu tại gia thì dưới mắt Phật họ đều có thể thành Phật được cả. Đức Phật có dạy rằng tất cả người tu, dù tại nhà hay ở chùa, dù cư sĩ hay tu sĩ, tất cả đều có thể được giải thoát như nhau, và ngay cả trong cõi đời này.

Qua Kinh Duy Ma Cật, Phật khẳng định không phải chỉ có những người xuất gia mới thành Phật được, mà những người tu tại gia, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, già trẻ, hễ bất cứ ai dứt được phiền não, diệt trừ được vô minh để giác ngộ thì cũng có thể giải thoát, cõi Phật sẽ hiện ra ngay với họ, ngay cả khi họ vẫn còn sống tại cõi đời này.

Nói khác hơn là việc đạt đến quả vị Phật không hề chỉ dành riêng cho bất cứ một người nào. Bất cứ ai, dù tu bất cứ ở đâu, nơi núi non rừng rậm, ở nhà hay ở chùa, nếu có đủ Từ bi, trí tuệ, công bình, giác tha, nhẫn nhục, hỉ xả và tâm thanh tịnh với ý chí tinh tấn tu hành thì thấy đều có thể thành Phật.

Nói rõ hơn, việc ông Duy Ma Cật mặc dù là một cư

sĩ tại gia, vẫn có vợ con, quyền thuộc bạn bè nhưng được Đức Phật đưa lên làm nhân vật chính trong Kinh là cốt ý để nói với đại chúng rằng những người có vợ con, còn để tóc râu, chưa hẳn Đạo tâm và Phật pháp thua kém những bậc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát như những đại đệ tử của Đức Phật. Bằng chứng là những vị đã bước vào hàng Thanh Văn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nan, Tu Bồ Đề v.v. và những vị đã ở trong hàng Bồ Tát như Di Lặc, Đồng Tử Quang Nghiêm, Trì Thế v.v. tất cả đều không dám đến gặp ông Duy Ma Cật vì ông Duy Ma Cật có Đạo tâm, Đạo lực rất cao, thông hiểu rất sâu về thật tướng, cũng như giảng nói rành mạch những điểm trọng yếu của các Pháp môn vì thế mà các vị ấy không dám lãnh trách nhiệm đi thăm tức không dám đến gặp.

Như vậy, việc tu tại gia hay xuất gia để có năng lượng Từ bi, Tâm bình đẳng và Trí hữu sử cũng như vô sử là vấn đề đừng nên chấp chặt. Đó chẳng qua là vì hoàn cảnh riêng cũng như căn cơ sẵn có của mỗi người thôi. Vấn đề quan trọng để được giác ngộ, tức xa lìa được phiền não, tận diệt được vô minh không hẳn là do chuyển cảnh mà cốt ở chuyển Tâm. Nói khác hơn, như phẩm Phật Quốc và phẩm Phương Tiện của Kinh Duy Ma Cật đã nói rõ việc đạt Đạo hay không, là nhất thiết do chuyển Tâm chứ không phải hoàn toàn nhờ chuyển cảnh.

Đến đây, một lần nữa, có một điều cần phải minh định tận tường, là những gì đã được rút ra từ Kinh Duy Ma Cật không có nghĩa là để bài bác hay phủ nhận tính cách cao cả của việc xuất gia, vì xuất gia nhất là cạo đầu xuất gia đối với giới phụ nữ là một quyết định và hành động đầy dũng lực thực hành Bi Trí Dũng. Hơn thế nữa,

lợi ích của việc xuất gia là ở vào nơi thanh tịnh như chùa chiền, am tự thì việc tu hành sẽ được dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, nếu Thân xuất gia mà Tâm vẫn tại gia thì chỉ bằng cứ ở lại tại gia, lo chuyển Tâm chớ đừng chuyển cảnh.

Người tu dù đã xuất thế tục gia tức rời nhà vào chùa ở, nhưng nếu chưa xuất được phiền não gia thì cũng không làm sao có Đạo Tâm thanh tịnh để có được diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí như vậy thì đại viên cảnh trí vẫn còn ở tít mù xa, có nghĩa là không làm sao vào cõi Phật được. Nói rõ hơn, đã đành xuất gia là một quyết định và hành động đầy dũng lực, dù vậy cũng chớ nên xem việc tu tại gia là còn kém cõi. Thánh, Phật ở tại Tâm chớ không do nơi cảnh. Về việc tu xuất gia hay tu tại gia thì người tu và kẻ cả người chưa tu, nên nhớ chỉ xem như là một thể pháp làm phương tiện giúp đỡ việc tu. Có xuất gia được là điều đáng mừng, nhưng nếu đã xuất gia rồi hay dù vẫn còn ở tại gia chưa bước vào đường tu mà lấy xuất gia tại gia để làm điều so sánh hơn thiệt thấp cao thì cửa Thiên Đàng sẽ không bao giờ rộng mở, có nghĩa là cõi Phật sẽ không bao giờ đến được.

Phật nói “*chuyển Tâm chớ không chuyển cảnh*”, có nghĩa là dù ở hoàn cảnh nào, dù ở nơi đâu, dù đã cạo đầu hay vẫn còn để tóc râu, vấn đề quan trọng là làm sao hết vô minh cho “*Tâm tức Phật*” chớ cảnh chỉ là yếu tố trợ lực, chỉ có thể hỗ trợ giúp đỡ hay ngăn trở một phần nào đó việc tu hành mà thôi.

Xuất gia hay tại gia, bất cứ ở nơi đâu, nếu tu hành đúng thì vẫn có thể đạt Đạo. Bằng chứng là Pháp Sư Ấn Tông, vị trụ trì chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu là một

Tỳ kheo đã xuất gia thế mà vẫn tôn thờ một cư sĩ chưa cạo đầu xuống tóc để làm Thầy, đó là Lục Tổ Huệ Năng.

Bằng chứng này được nêu ra không nhằm mục đích để cao cư sĩ hay người tu tại gia mà chỉ muốn nói rằng mỗi người có một hoàn cảnh, mỗi người có mỗi căn cơ, tu tại gia hay xuất gia cũng vì hoàn cảnh hay căn cơ và cả hai đều có thể thành Đạo, đừng nên đem cao thấp luận bàn. Nếu nghĩ rằng tu tại gia thấp hơn, tu xuất gia cao hơn, thì đó chỉ có làm hại cho lòng Từ bi và Trí tuệ cũng như Tâm bình đẳng của người tu mà thôi.

Trong việc tu hành cũng như giữa các Tôn giáo với nhau đừng nên phân cao thấp. Nếu nói ta cao, người thấp thì ngay đó ta đã thấp rồi, cũng như Lục Tổ Huệ Năng đã dạy “*nếu nói lời người thì lời ta liền có ngay tại đó*”.

* * *

Đạo Cao Đài với tôn chỉ và giáo lý Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt đã thờ và đưa Tam Giáo kể cả Ki Tô giáo về đúng vị trí.

Đạo Cao Đài thờ cả Tam Giáo và Ki Tô giáo không hề phân biệt việc vào chùa hay đến nhà Thờ, kính Chúa hay lạy Phật.

Đạo Cao Đài có cách tu với bước đầu hoàn toàn “*Nhơn Đạo*” nhưng cũng không hề quên Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo.

Cũng có người chưa thấu rõ hết Đạo Cao Đài nên bảo rằng Đạo Cao Đài không có xuất gia.

Không phải như vậy.

Nếu nghĩ như vậy thì chắc là chưa hiểu được yếu chỉ

đã thành lời cam kết và lời thệ nguyện “*cắt ái ly gia, phế đời hành Đạo*” mà trước mỗi khi muốn được thọ phẩm Lễ Sanh (Student Priest) để làm Đầu Tộc Đạo thì Chức việc Hương Đạo là Chánh Trị Sự phải phát thệ điều này trước một vị giáo phẩm của Hội Thánh cử đến để tìm hiểu và xác nhận tâm ý của Chức việc muốn cầu phong. Cũng có người cho rằng Đạo Cao Đài không có giới tu sĩ ly gia thoát tục. Điều này cũng không phải như vậy.

Cũng giống như Khổng giáo, Đạo Cao Đài cũng có tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đệ đệ tức ba mươi sáu vị Phối Sư, bảy mươi hai vị Giáo Sư, ba ngàn vị Giáo Hữu trên phẩm Lễ Sanh. Tất cả những vị này đều trường trai và hoàn toàn “*Phế đời hành Đạo*”.

Ngoài Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền và Tam Thiên đệ đệ trong thành phần Hội Thánh, Đạo Cao Đài còn có nhiều Thể Pháp và Bí Pháp khác nữa biểu trưng rõ rệt Nho Tông Chuyển Thế để thực hiện giáo pháp tu trì trước tiên về phần Nhơn Đạo rồi sau đó mới đến phần Thiên Đạo. Đây là lý do mà tại sao trong chữ Nho có câu:

*“Dục tu Thiên Đạo, tiên tu Nhơn Đạo,
Nhơn Đạo bất tu, Thiên Đạo viễn hi!”*

Và trong Tôn giáo Cao Đài, Thánh Ngôn cũng có dạy như sau:

*“Sai lầm một thuở biết ăn năn,
Năn nỉ lòng kia tự xét rằng.
Rằng ở đời thì Nhơn Đạo trọn,
Trọn rồi Thiên Đạo mới hoàn toàn”.*

Hay:

*“Một Trời, một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ như sanh đặng dạ hiền.
Cấm mỗi Thiên cơ lo cứu chúng,
Đạo Người vẹn vẻ mới thành Tiên”.*

Có nghĩa là muốn thành Tiên, thành Thánh, thành Phật, không phải riêng tín đồ Cao Đài mà tín đồ của tất cả các Tôn giáo cũng đều phải “Thành Nhơn” trước đã, vì một khi Đạo làm người tức “Nhơn Đạo” mà chưa hành trì trọn vẹn thì việc tu Tiên, tu Phật chẳng qua chỉ như để “gãi ngứa ngoài da” mà thôi.

Đây là lý do mà tại sao Đạo Cao Đài trước mắt và dễ thấy nhất lại có cách tu “Nhơn Đạo”.

Theo Đạo Cao Đài cũng như theo Khổng giáo thì tất cả con người vì đang tại thế nên khó ai có thể tránh khỏi ít nhiều nhập thế trước khi muốn xuất thế mà như một học giả có nhiều nhiệt huyết phục hồi Nho giáo cũng như Đạo Tâm đối với Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo là Nhân Tử Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ đã viết như sau:

“Có một điều lạ là muốn tìm ra con đường nội tâm, trước hết phải băng qua ngoại cảnh, trần hoàn, xác thân. Nói thế có nghĩa là phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, phải đi ra Đời trước, rồi mới đi vào Đạo sau. Những con người muốn đốt giai đoạn, muốn tránh sự đời từ thuở còn thơ, rất là khó mà tìm được con đường nội tâm, vì lòng họ càng ngày càng luyện tiếc thế sự, luyện tiếc những thú vui trần hoàn, bị vẫn vật vì những khát khao không được thỏa mãn....”

Một căn do làm cho nhân loại khổ đau, chính là vì đã lãng quên mất giá trị vô biên của mình, dòng dõi sang

cả của mình, tưởng rằng Trời, Phật xa cách mình. Có biết đâu rằng Trời, Phật hiện tiền trong đáy thẳm lòng sâu của mình. Trời, Phật chính là bản thể của mình, nhưng đã bị bụi bặm trần hoàn che phủ mất”...^[4]

Mà quả thật vậy. Nhiều người nói chung đã quên dòng dõi sang cả của mình, cũng như không ít hậu Nho nói riêng đã quên mất giá trị vô biên của Khổng giáo.

Vì quên mất giá trị thực tiễn và chân lý vi diệu của Khổng giáo nên nhiều nhà Nho khi nhập thế đã không còn nhớ phải tiếp tục lo tu tập hay thực hành “*Nhơn Đạo*”, và cũng tại vì quên nên Nho gia đã để cho lu mờ đi những gì mà Đức Khổng Tử đã dạy trong sách Đại Học và Trung Dung, cũng như đã không khai triển hay hiển dương được đúng mức phần cao siêu nhất trong Kinh Dịch khiến cho giáo lý Phối Thiên của Khổng giáo đến ngày nay hầu như hoàn toàn mai một và phương pháp hay cách Tu Thân của Khổng giáo cũng ngày lại lu mờ mà người đời còn thấy hay nhớ chẳng chỉ là cách tận tình nhập thế của nhiều hậu Nho chỉ vì lý do “*Phụ mẫu chi dân*” hay cao đẹp hơn một chút là “*Lương y như tử mẫu*” mà thôi.

Tu Thân với Khổng giáo thật ra là một phương pháp tu toàn diện, gồm có cả Tu Thân lẫn Tu Tâm. Đây cũng là cách tu của Đạo Cao Đài vì tại thế nên cũng khó tránh khỏi phần nào nhập thế.

Rồi cũng chính vì tại thế nên trước tiên Đạo Cao Đài phải thực hành “*Nhơn Đạo*” trong Ngũ Chi Đại Đạo,

[4] Tinh Hoa các Đạo giáo, BS Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, NXB. Nhân Tử Văn, California, USA – 2002, Trang Tựa III, IV.

nghĩa là trước hết phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn rồi mới đi vào nội tâm, tức phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, nghĩa là phải đi ra Đồi trước rồi mới vào Đạo sau, đúng như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong những đêm thuyết pháp 5/4, 9/4, 13/4, và 2/5 năm Kỷ Sửu 1949 tại Đền Thánh rằng:

- *“Có biết Thế Pháp (hữu hình : Đồi) rồi mới biết Bí Pháp (vô hình : Đạo).*
- *Thế Pháp là cơ quan Giải khổ. Bí Pháp là cơ quan Giải thoát.*
- *Thế Pháp của Đồi và Bí Pháp của Đạo có liên quan với nhau. Nếu không nghe Đồi thì không thể nào biết đến Đạo.*
- *Phải ra Đồi trước rồi mới vào Đạo sau”...*

Tóm lại, cách tu của Đạo Cao Đài theo Kinh, Cơ và Ngũ lục của Đức Hộ Pháp là phải ra Đồi rồi vào Đạo. Đây là cách tu với những đặc trưng riêng của Đạo Cao Đài.

Xin được bàn về cách tu của Đạo Cao Đài, một cách Tu Thân bắt nguồn từ Tam Giáo nhưng lại có những đặc trưng riêng biệt.

2.– Cách Tu Thân theo Kinh Cơ và Ngũ Lục của Đạo Cao Đài.

Giáo lý Đạo Cao Đài dạy Tu Thân được thấy qua Kinh Cơ và Ngũ lục.

Kinh Kệ cũng như Thánh Ngôn tại Đàn Cơ do Đức Chí Tôn giảng trần trong đêm Khai Đạo 14 tháng 10 năm Bính Dần (19–11–1926), cộng thêm Ngũ lục của Đức Hộ Pháp có dạy rất rõ về việc Tu Thân, nói rõ hơn là tu Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

Thật vậy, trong Kinh Niệm Hương và Kinh Khai Kinh có những đoạn như sau:

“Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp”.

Và:

*“Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.
Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,
Từ Bi Phật dẫn Lòng Thành lòng Nhơn.
Phép Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng Tánh.”*

Các câu Kinh vừa nêu trên cũng như Thánh giáo và Ngũ lục sẽ được ghi ở phần kế tiếp theo sau chỉ rõ cho tín đồ Đạo Cao Đài cách Tu Thân, Tu Tâm được phân ra làm hai phần, gồm có Tu Thân là phải hành Thiện giống như giáo lý Khổng giáo và Phật giáo, và Tu Thân Tâm là phải có lòng Thành, cũng không khác Khổng, Phật. Xin được trình bày cách Tu Thân và Tu Thân Tâm của Đạo Cao Đài qua hai phần nói trên.

a. Tu Thân là hành Thiện:

Trong bài Khai Kinh của Kinh cúng Tứ Thời có hai câu như sau:

*“Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,
Gốc bởi lòng làm phải, làm lành”*

Có nghĩa Tu Thân thì cái gốc là phải làm Thiện làm lành.

Đây là điểm trước tiên cho thấy Đạo Cao Đài cũng giống như Đạo Khổng, vì Khổng giáo hành Đạo thì nhập thế, còn tôn chỉ hay chủ trương Phối Thiên thì “*tại Minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí Thiện*”, có nghĩa là

đối với mọi sự mọi vật thì phải đến chí Thiện mới thôi.

Còn Đạo Cao Đài, vì tín đồ Đạo Cao Đài tại thế nên **phải đến với mọi người để mà tu, ở trong mọi người để mà tu, gieo nhen lành với mọi người như thế mới đúng là tu.** Nói khác hơn là cách Tu Thân của Đạo Cao Đài không xa lánh vạn linh, nhưng trái lại Đạo Cao Đài tu bằng cách tìm đến vạn linh, sống với vạn linh để phục vụ vạn linh, làm lợi ích cho vạn linh, đó gọi là hành Thiện, đó gọi là tu, nói rõ hơn là tu Như Đạo.

Đây chính là điểm mà thoát tiên có người lại cho rằng Đạo Cao Đài có cách tu khác Đạo Phật, vì Đạo Phật xuất thế còn Đạo Cao Đài nếu không hoàn toàn nhập thế thì cũng tại thế do đó dù ít dù nhiều cũng có nhập thế. Như vậy, Đạo Cao Đài chỉ như là Đạo Nho mà thôi, không có gì cao siêu, vì vẫn còn vướng bận trần ai nên không làm sao giải thoát được cả.

Sự thật không phải như vậy.

Như đã trình bày, giáo lý dạy tu của Đạo Phật cũng nào có khác chi giáo lý dạy tu của Đạo Cao Đài.

Nếu Đạo Cao Đài dạy tu bằng cách nói rằng tu là “*Gốc bởi lòng làm phải làm lành*”, thì Đạo Phật với lời dạy “*Chư ác mạc tác, tín thiện phụng hành*” cũng nào có khác chi.

Hơn thế nữa, với Phật giáo Đại Thừa thì Kinh Kim Cang cũng dạy tương tự như được ghi ở Chương 23 là muốn thành Phật thì không gì khác hơn là phải hành Thiện, “*Tu nhất thiết thiện pháp tức đắc A Nâu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề*”, nghĩa là đắc quả Phật.

Tóm lại, để giải thoát hay đắc quả Phật thì nhà Thiển

(Thiền Sư Ô Sào) cũng như Phật giáo Đại Thừa (Kinh Kim Cang) cả hai dạy rõ là phải hành Thiện dù rằng có kèm thêm một hai yếu chỉ sẽ được trình bày ở phần sau.

Kinh Phật Giáo Đại Thừa dạy như thế còn Kinh Phật Giáo Tiểu Thừa thì như thế nào?

Phật giáo Tiểu Thừa có Kinh Nikaya. Tiểu Thừa Phật Giáo có nói đến bốn mức Thiền và bốn quả vị Thánh. Bốn mức Thiền là sơ Thiền, nhị Thiền, tam Thiền và tứ Thiền. Bốn mức độ Thánh là sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm và tứ quả A La Hán.

Có nhiều người bảo rằng bốn mức độ Thiền và bốn quả vị Thánh có liên hệ với nhau. Phải chăng tu 4 mức độ Thiền là đạt được 4 quả vị Thánh?

Sự thật không có sự tương đương hay liên hệ về cách tu và đắc quả vị như vậy. Chẳng phải đạt sơ Thiền là đắc sơ quả, tứ Thiền là tứ quả Thánh. Hai cách tu này không có sự song đôi, tương đương từng cặp một. Tu Thiền là khép kín, tìm tĩnh lặng để mà tu, xa lánh quần chúng để mà tu, tức là cách tu đi vào nội tâm, xa ngoại cảnh. Cách tu Thiền được đánh giá theo mức độ thanh tịnh của Tâm, nghĩa là Tâm vào định được mức độ nào thì đạt Thiền đến mức độ đó.

Còn tu quả vị Thánh là cách tu để diệt trừ các Kiết sử, tức những pháp bất thiện nó cột trói và sai sử con người. Cách tu này không thể tu khép kín, không thể xa lìa mà phải tiếp xúc với chúng sanh, đến với chúng sanh để mà tu.

Phải đến với chúng sanh, hành Thiện giúp ích cho chúng sanh thì mới phá được “*Thân Kiến*” là Kiết sử thứ nhất cần phải diệt trừ.

Có diệt trừ được Thân Kiến tức vị kỷ để mở rộng vị tha thì mới mong đến quả Thánh được. Nói rõ hơn, muốn đạt quả Thánh thì phải diệt trừ vị kỷ (Thân Kiến), đa nghi, cố chấp (Giới cấm thủ) và phải hoàn toàn vị tha nghĩa là quên mình lo cho người, giúp đỡ người, phục vụ cho người, làm lợi ích cho người, tức mang đến cho người an lạc hạnh phúc, mang đến cho người tất cả thiện lành, cũng có nghĩa là hành Thiện.

Như vậy, để đạt Đạo theo Phật Giáo Tiểu Thừa với Kinh Nikaya thì cũng phải tập trung trước tiên vào việc mang đến Thiện lành cho chúng sanh, tức làm việc có lợi ích cho chúng sanh thì mới mong đạt quả.

Đây một lần nữa chứng minh cho thấy rằng muốn đạt quả vị Thánh, đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì trước tiên người tu phải làm việc Thiện. Đây là giáo lý của Tam Giáo mà cũng là giáo lý của Đạo Cao Đài. Nói rõ hơn, giáo lý Đạo Cao Đài có dựa vào giáo lý Tam Giáo để Tu Thân như Kinh Đạo Cao Đài đã ghi là:

*“Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy;
Gốc bởi lòng làm phải làm lành”.*

Ngoài ra, Đạo Cao Đài lại còn có phần giáo lý riêng nói rõ lý do về việc dạy dỗ tín đồ nếu muốn Tu Thân là phải hành Thiện trước tiên.

*** Lý do hành Thiện:**

Ngoài Kinh Kệ dạy hành Thiện, Đạo Cao Đài còn có Ngũ lục nêu rõ lý do phải hành Thiện.

Những lý do này bắt nguồn từ những lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp dạy cho biết tại sao người tu muốn đạt quả siêu thăng hay giải thoát thì trước tiên phải Thiện

lành và phải phục vụ vạn linh.

Theo giáo lý của Đạo Cao Đài với Ngũ lục của Đức Hộ Pháp qua các lần thuyết Đạo tại Đền Thánh thì:

1– *Mỗi người chúng ta “khi được hình rồi, có hiện tượng tại mặt thể này rồi tức có xác thân này rồi thì chúng ta ngó thấy chúng ta có ba mối nợ”:*

- *Nợ thứ nhất là nợ thi hài của mình do Cha Mẹ sinh ra rồi nhờ xã hội như quần mồi sống được. Con người phải trả đủ mối nợ này rồi thì mới về cảnh Thiêng Liêng Hằng sống được, tức mới đạt Đạo được.*
- *Nợ thứ hai là việc đối với Đức Phật Mẫu, Đấng đã sản xuất ra Chơn Thần mà Đạo Cao Đài gọi là Pháp thân;*
- *Và nợ thứ ba là đối với Đức Chí Tôn đã ban cho chúng ta Chơn Linh, tức Linh Tánh là Tánh của ông Trời ở trong xác thân này.*

2– *Mỗi người chúng ta phải trả cho xong ba mối nợ này thì mới mong được siêu thăng hay giải thoát, nghĩa là về với cảnh Thiêng Liêng Hằng sống tức đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả Phật.*

■ *(Thuyết Đạo đêm 11.6 Kỷ Sửu, 1949).*

Muốn trả cho xong ba món nợ vừa nói trên – theo Đức Hộ Pháp dạy – thì chúng ta phải phụng sự cho Đạo bằng cách làm lợi cho vạn linh. Mà “*hễ không phụng sự cho Đạo, cho vạn linh, làm lợi ích cho như sanh tức nhiên là vô Đạo, mà vô Đạo thì không thể gì đạt cơ giải thoát được*”. (Thuyết Đạo đêm 8–6 Kỷ Sửu, 1949).

3– Biết được mình có ba món nợ và cố trả cho xong được ba món nợ ấy bằng cách phụng sự cho Đạo, làm lợi ích cho như sanh tức là biết Tu Thân. Tu Thân bằng

cách phụng sự, bằng cách tiêu trừ Thân kiến tức xả kỷ để vị tha, quên mình để làm lợi cho người, đó là hành Thiện và đó là Nhơn Đạo.

Nói khác hơn, theo như lời Đức Hộ Pháp dạy thì: “*Tu Thân, tức nhiên Nhơn Đạo đó vậy*”. (Thuyết Đạo đêm 25.5 Kỹ Sử, 1949).

Nói Nhơn Đạo là theo Khổng giáo, còn đặc biệt với Đạo Cao Đài đó là mối Đạo khởi đầu trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Nhơn Đạo là Đạo làm người đối với người thân, đối với nhơn quần xã hội. Phải làm xong mối Đạo này rồi mới mong thực hành được bao mối Đạo khác. Không làm tròn Nhơn Đạo thì thôi đừng mong gì có thể nói đến Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo. Nói khác hơn, trước khi có thể thành Thánh, thành Phật, con người phải thành Nhân, tức làm tròn bốn phận làm người trước đã.

Muốn làm tròn bốn phận làm người thì trước tiên phải làm Thiện bằng cách gieo nhân lành với tất cả mọi người.

Muốn gieo được nhân lành thì trước nhất con người phải vị tha. Vị tha bằng cách phá Thân kiến, diệt lòng ích kỷ chỉ biết lo cho mình, như vậy thì con người mới có thể phục vụ cho vạn linh, mà phục vụ vạn linh thì đó là cái dịp để trả xong ba món nợ.

Nói rõ hơn, để làm tròn Nhơn Đạo, người tu bắt buộc phải vị tha và hành Thiện. Hành Thiện có nghĩa là nghĩ Thiện, nói Thiện và làm Thiện. Hành Thiện với lòng vị tha là khâu mở đầu của việc Tu Thân, mà nếu thiếu thì khâu thứ hai là tịnh tâm, vô ngã và vô pháp dù tu tới

đâu thì cũng không làm sao đắc quả được. Phật nói như vậy, Thánh cũng nói như vậy. Cả hai Thánh thư và Kinh Phật đều dạy không khác, duy chỉ có cách dụng công trải qua thời gian và không gian có nhiều biến đổi nên có chỗ khác nhau thôi.

Đây chính là điều mà tín đồ Đạo Cao Đài đã cảm nhận và thấm thấu được từ lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng qua Kinh và Cơ. Cũng chính đây là lý do mà trong bài Khai Kinh của Đạo Cao Đài mới có câu “*Gốc bời lòng làm phải làm lành*”, nghĩa là **căn gốc của sự tu hành, đó là phải làm lành, hành Thiện**.

Còn về cách tu, Đạo Cao Đài tuy bắt nguồn từ Tam Giáo, rõ nhất là Khổng giáo, dù vậy tín đồ Cao Đài lại có cách tu khác hơn Nho gia, đó là do Đạo Cao Đài đã hoàn toàn chú trọng đánh giá đúng, đặt đúng vị trí, cũng như dụng công đúng mức ở phần Nhơn Đạo.

Có thể nói Nhơn Đạo là phần thực tế nhất, nhân bản nhất mà nhiều người vì muốn tìm cách tu cao siêu nên hay chê bai hoặc coi thường, do đó mà ít người hoặc không nhiều Tôn giáo chịu bỏ thì giờ nghĩ đến, hoặc có nghĩ nhưng không coi Nhơn Đạo là một trọng tâm để lo tu ở bước đầu tiên. Đây quả là một điều đáng tiếc vì Nhơn Đạo là Đạo làm người, bốn phận làm người đối với nhau, ngoài xã hội cũng như trong gia đình giữa thân thuộc họ hàng. Đây là những việc thường nhật tuy dễ mà khó, tuy khó mà dễ.

Nói dễ là ở chỗ chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập, cứ làm tròn bốn phận thường nhật với lòng vị tha, tâm hành thiện, như vậy thì bốn phận trong gia đình cũng như ngoài xã hội chắc chắn sẽ là sự vừa lòng của mọi người

trong gia đình và sự vừa ý của mọi người ngoài xã hội.

Còn nói khó bởi đây là những việc thường nhật, thường hành, mà thường hành thì dễ trở thành thói quen khiến con người lại có khuynh hướng xem thường nên dễ quên, ít để ý và mất Thành ý.

Một khi mất Thành ý rồi thì chắc chắn sẽ khó làm đúng, dễ làm sai, tức Nhơn Đạo sẽ không tròn rồi Thiên Đạo gồm có Thánh Đạo và Phật Đạo cũng không làm sao đạt đến được.

Như vậy, chữ “**Thành**” rất quan trọng trong việc Tu Thân, gồm có tu Nhơn Đạo và tu Thiên Đạo. Xin được nói đến chữ Thành trong việc Tu Thân.

b. Tu Thân phải có lòng Thành.

Một lần nữa xin được lặp lại là chữ Tu Thân trong Đạo Cao Đài được dùng giống như Đạo Khổng, cũng cùng có nghĩa là Tu Thân lẫn Tâm.

Để Tu Thân Tâm, mặc dù thể pháp của Đạo Cao Đài có phần giống Khổng giáo, nhưng giáo lý Đạo Cao Đài dạy tu qua Kinh, Cơ thì gồm có đủ tinh túy giáo lý của Tam Giáo.

Ngay bài Kinh đầu tiên là bài Niệm Hương với câu đầu tiên của Kinh này là “*Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp*”, và bài Khai Kinh kế tiếp trong đó các câu “*Trung dung Khổng Thánh chỉ rành; Từ bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn; Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng Tánh...*”, Đạo Cao Đài đã cho thấy rõ là trong giáo lý của Đạo Cao Đài có cả giáo lý Khổng giáo và Phật giáo, cũng như muốn tu đạt Đạo thì người tu phải có lòng Thành.

Nói phải có lòng Thành vì rõ ràng Phật nói “*Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn*”, còn Khổng thì nói “*Trung dung Khổng Thánh chỉ rành*”; mà chỉ rành ở đây là chỉ rành cái gì?

Đó là chỉ lòng Thành, vì như Nho gia, học giả, tất cả đều biết và nói rõ sự dạy dỗ trong sách Trung Dung của Khổng giáo tựu trung chỉ có chữ Thành mà thôi. Nói khác hơn, với một chữ có thể thu tóm hết ý nghĩa 33 Chương của sách Trung Dung, đó là chữ Thành. Vậy xin được bàn đến chữ “*Thành*”.

THÀNH: Theo sách Trung Dung thì:

– **Thứ nhất: Thành là Đạo của Trời mà học đến Thành là Đạo của Người** (Thành giả, thiên chi Đạo dã; Thành chi giả, nhân chi Đạo dã – Trung Dung, Chương 20, đoạn 5), có nghĩa Thành là Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo mà trở nên Thành cũng là Nhơn Đạo tức Thành là Đạo của Trời và trở nên Thành là Đạo của Người.

Vậy cứ tựa vào chữ Thành mà làm trọn Nhơn Đạo cũng như đạt được Thiên Đạo. Đây chính là lý do mà Đạo Cao Đài mới nói “*Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp*”, nghĩa là muốn đến được với Đạo, thì người tín đồ Cao Đài bắt buộc phải có lòng Thành. Như vậy, chữ Thành thật vô cùng quan trọng cho việc đạt Đạo. Nếu không có lòng Thành thì người tu khó ai có thể đến với Đạo và đạt được Đạo.

– **Thứ hai: Thành là cái gốc của Thánh nhân, và Thánh cũng chỉ là bậc Thành mà thôi.** (Thành giả Thánh nhân chi bản; Thánh, thành nhi dĩ hĩ); có nghĩa Thành là cái tạo ra Thánh nhân, cái gốc của Thánh nhân. Nói rõ hơn, muốn làm Thánh hay muốn trở nên Thánh, hoặc

đúng hơn là để đạt Thánh quả không gì khác hơn là phải Thành.

Đây là lời dạy trong sách Thông Thư của danh Nho Đạo Học Đời Tống là Chu Đôn Di tức Chu Liêm Khê.

Sách Thông Thư còn nói rõ thêm rằng Thành là “*cái cội rễ của ngũ thường, là cái gốc của trăm nết*”, nghĩa là **Thành là cái cốt cán của Nhơn Đạo, cái chuẩn tắc để hướng dẫn con người làm tròn Nhơn Đạo.**

Hơn thế nữa, theo Thông Thư của Đôn Di thì Thành còn vượt qua thiện ác, mà Thành cũng đồng thể với Thái Cực, có nghĩa **Thành cũng là Thiên Đạo mà người tín đồ nếu muốn đến được với Đạo, đạt được Đạo, được siêu thăng hay giải thoát thì phải Thành.**

Đến đây, điều cần phải nói là trong việc tu hành, nhận thấy chữ Thành quả thật quá quan trọng. Phải có Thành mới đạt Đạo được. Vậy Thành nghĩa là gì và muốn Thành thì phải làm sao?

Nghĩa của chữ Thành rất sâu rộng và cao siêu xin được hội ý rõ ràng và đầy đủ với chư liệt vị sau này. Riêng ở đây, xin được ghi vắn tắt: **Thành có nghĩa là không tự dối gạt mình. Hễ cái gì mà lương tri biết thiện là thiện, ác là ác, và mình làm đúng theo lương tri thì đó là Thành.**

* * *

Muốn Thành theo Nhơn Đạo thì phải làm sao?

Muốn Thành theo Nhơn Đạo, người tín đồ Cao Đài phải giữ đủ Ngũ thường và Ngũ luân. Ngũ thường là Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Ngũ luân là Đạo Quân thân, Đạo Phụ tử, Đạo Phu thê, tình Huynh đệ, tình

Bằng hữu. Ngũ luân đây là năm bốn phận mà trong đó Đạo Quân thân là bốn phận đối với quốc gia. Phải làm xong thì mới đạt Đạo, và Đạo được nói đây là Nhơn Đạo.

Tóm lại, muốn đạt được Nhơn Đạo thì người tín đồ Cao Đài phải đạt được chữ Thành mà muốn đạt được chữ Thành thì phải vẹn Ngũ thường, trọn Ngũ luân.

Có vẹn được Ngũ thường, trọn được Ngũ luân thì Nhơn Đạo mới tròn, nghĩa là việc thực hiện lời dạy trong câu đầu của bài Niệm Hương mới có thể nói là làm đúng và đầy đủ riêng về phần Nhơn Đạo; mà Nhơn Đạo là mối Đạo đầu trong Ngũ Chi Đại Đạo được Đạo Cao Đài cũng như Đạo Khổng đặt vào tầm quan trọng đặc biệt trước tiên, do đó mà người tín đồ Cao Đài cũng cần phải biết rõ.

Để biết rõ, xin được trình bày với chư liệt vị ở một bài viết khác đầy đủ hơn mà mục đích là nhằm giúp cho việc dễ tu Nhơn Đạo, dễ thực hành Ngũ luân, mà trong sách Trung Dung, Chương 20, đoạn 2, Tử Tư đã viết là muốn đạt Đạo thì phải làm tròn năm bốn phận: “*Thiên hạ chi đạt Đạo ngũ;..... Viết: quân thân dã, phụ tử dã, phu phụ dã, huynh đệ dã, bằng hữu chi giao dã; ngũ dã thiên hạ chi đạt Đạo dã*”.

* * *

Phần trên đã nói về Nhơn Đạo. Đến đây, xin được tạm bàn luận **chữ Thành liên quan đến Thiên Đạo**.

Thiên Đạo ở đây được nói hàm ý Thánh Đạo Phối Thiên và Phật Đạo giải thoát mà Đạo Cao Đài gọi là Thiên Đạo.

Muốn đạt được Thánh Đạo Phối Thiên như nói theo Khổng giáo hay Lão giáo, hoặc Phật Đạo giải thoát như

nói theo Phật giáo hay Thiên Đạo siêu thăng giải thoát như nói theo Đạo Cao Đài thì người tu phải hành trì trọn vẹn ba cái Đức. Đây là ba Đức của Thành, ba Đức để Thành.

Ba Đức ấy theo sách Trung Dung gồm có: Nhân, Trí, Dũng mà Tử Tư gọi là: “*Sở hành chi giả tam... Trí, Nhân, Dũng tam giả*”.

Xin được nói đến từng Đức một:

❖ **Đức thứ nhất: là NHÂN.**

Nhân được Tử Tư viết trong sách Trung Dung nơi Chương 20, đoạn 1 như sau: “*Tu Thân dĩ Đạo; tu Đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã...*”, nghĩa là muốn sửa mình để làm tròn Nhơn Đạo cũng như muốn tỉnh giác tức “*Minh thành*” để có thể Phối Thiên, người Tu Thân trước tiên phải hành trì trọn vẹn Đạo Nhân.

Đạo Nhân theo Phật giáo Tiểu Thừa với Kinh Nikaya là lòng Vị tha, còn theo Phật giáo Đại Thừa thì đó là Tâm Từ bi.

Lòng Vị tha hay Tâm Từ bi này của Đạo Phật được Kitô giáo gọi là lòng Bác Ái và Đạo Cao Đài thì gọi là Amour, Bác ái, Từ bi, Vị tha hay Nhân ái. Tất cả những chữ này đều được thấy trong Kinh, Cơ và ngữ lục của Đạo Cao Đài.

Tóm lại, với Đức Nhân thì qua câu “*Tu Thân dĩ Đạo, tu Đạo dĩ Nhân. Nhân giả, Nhân dã...*”, Tử Tư đã nói rõ là muốn thực hành trọn vẹn Nhơn Đạo cũng như để “*Minh thành*” tỉnh giác Phối Thiên người tu trước tiên phải thực hành Đức Nhân.

❖ **Đức thứ hai: là TRÍ.**

Trí được đề cập hiện tại không phải là trí thế gian, tức trí mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất, mà trí được nói đây là Trí Lương Tri của Đạo Khổng, cũng giống như Trí Bát Nhã của Đạo Phật hay Trí Vô Đối của Đạo Cao Đài.

Trí Lương Tri, nói theo ý nghĩa chữ Lương tri của Mạnh Tử là “*Sở bất lự nhi tri, kỳ lương tri giả*”, thì đó là cái trí đã đạt đến cái không cần suy nghĩ mà biết, nghĩa là cái biết tự nhiên tự tại, tức cái biết chưa hề bị ảnh hưởng bởi tư tâm hay tư dục như nói theo Khổng giáo mà Đạo Phật gọi đó là cái biết của Chân Tâm, hay cái biết không bao giờ sai theo giáo lý của nhà Phật.

Trên đây là sự giải thích chữ Trí Lương Tri căn cứ vào ý nghĩa chữ lương tri của Mạnh Tử.

Lương tri còn một ý nghĩa khác thâm diệu hơn, do danh Nho Vương Dương Minh định nghĩa rõ trong giáo thuyết Trí Lương Tri được trình bày qua Thiên Đại Học Vấn.

Trí Lương Tri theo Vương Dương Minh có khác Mạnh Tử ở chỗ Mạnh Tử coi lương tri là cái không cần suy nghĩ mà biết, còn Vương Dương Minh đi xa hơn nói rằng lương tri là cái “*vô tri vô bất tri*”, “*vô chiếu vô bất chiếu*”, có nghĩa lương tri là Lý, là Đạo, tự nhiên tự tại, bản nhiên linh diệu vô cùng, không nghĩ mà biết, không học mà hay, trước Trời mà Trời không trái được (Tâm chi bản thể tức thiên lý dã; thiên lý chi chiếu minh linh giác sở vị lương tri dã – Ngũ lục, III); nghĩa là cái bản thể của tâm là Thiên lý và cái chiếu minh linh giác của Thiên lý gọi là lương tri, tức lương tri là cái tinh linh của tạo hóa.

Cái tinh linh ấy sinh Trời, sinh đất, tất cả bởi đó mà ra (Ngũ Lục, II).

Như vậy, Trí Lương Tri với Vương Dương Minh có nghĩa là đến cái chiêu minh linh giác của Thiên lý mà theo Đạo Phật, thì đây không gì khác hơn là Chân Như Pháp Tánh, còn theo Lão giáo hay Đạo Cao Đài thì đó là Đạo.

Tóm lại, đạt đến Trí, được hiểu trong bối cảnh của Trí Lương Tri, dù theo Mạnh Tử hay theo Vương Dương Minh cũng hàm súc ý nghĩa là đạt đến Đạo và Đạo được nói ở đây là Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo.

❖ **Đức thứ ba: là DŨNG.**

Dũng có nghĩa là mạnh dạn, hàm ý năng lực tinh thần.

Đức Dũng dùng để chỉ sự mạnh dạn tinh thần, là khả năng tiết dục, kềm chế những nét xấu của mình, đồng thời cũng là sức tinh tấn phấn đấu trong việc tu hành để đoạn trừ phiền não, diệt khổ đau, rõ nhất và đặc biệt nhất là triệt tiêu tư tâm, tư dục.

Đây là Đức phụ thuộc mà cũng là Đức chính yếu.

Nói phụ thuộc, vì chỉ cần có hai Đức Nhân và Trí là quả Thánh hay quả Phật đã thành rồi. Còn nói chính yếu vì nếu thiếu Dũng thì đường tu sẽ dễ lui sụt, không tinh tấn, và như vậy Đức Dũng dù là Đức thứ ba dùng để hỗ trợ nhưng lại là Đức cần thiết kèm giữ cho hai Đức Nhân và Trí thẳng tiến đúng đường.

* * *

Sau phần giải nghĩa ba Đức, đến đây một câu hỏi được đặt ra là tại sao phải có ba Đức này thì mới đạt Đạo

tức mới Thành mà trong Kinh Đạo Cao Đài có ghi rằng “*Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp*” và “*Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành, Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn*”.

Để trả lời câu hỏi này xin được nhờ giáo lý của Đạo Phật và Đạo Cao Đài để chứng minh.

Theo giáo lý Đạo Phật thì Phật Tánh gồm tất cả có chín (9) mà trong đó ba Tánh quan trọng nhất là Từ Bi, Trí Tuệ, và Bình Đẳng.

Cũng theo giáo lý Đạo Phật thì muốn thành Đạo người tu phải dụng công tu hai phần quan trọng mà tiếng thông thường gọi là Song Tu. Đó là **Tu Phước** và **Tu Huệ**.

Tu Phước là hành Thiện hay thực hiện hạnh Từ Bi mà Khổng giáo gọi là Nhân và Đạo Cao Đài cũng gọi là Từ Bi, Bác Ái, Nhân Ái hay chữ Pháp là Amour được viết trên ảnh tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh, Tòa Thánh Tây Ninh.

Còn **Tu Huệ** là tu trí tuệ mà với Phật giáo là Trí tuệ Bát Nhã, với Khổng giáo là Trí Lương Tri, và với Đạo Cao Đài là Trí Vô Đối.

Tu Huệ cộng với tu Phước là Song tu mà Song tu thì Đạo thành.

Đạo thành với Khổng giáo hay Lão giáo vì Thánh Tâm đã tròn đầy, Thánh quả đã đạt sau khi có đầy đủ ba Đức là Nhân, Trí, Dũng.

Đạo thành với Phật giáo vì Phật Tánh đã có đầy đủ là Từ Bi, Trí Tuệ và Bình Đẳng.

Còn với Đạo Cao Đài, Đạo thành vì có đủ lòng Nhân hay lòng Từ Bi được biểu thị bằng chữ Amour và

Trí, Dũng (theo Khổng) hay Trí Tuệ và Tâm Bình Đẳng (theo Phật), được Đạo Cao Đài biểu thị qua chữ Justice trên ảnh tượng Tam Thánh.

Justice là tiếng Pháp, có nghĩa là Công chính, cũng là công bằng, mà muốn công bằng thì trước tiên phải bình đẳng, và để bình đẳng thì phải không phân biệt (non-discrimination).

Không phân biệt tức bình đẳng là Phật Tánh thứ ba của Phật, mà chỉ có người tu đạt được Trí tuệ viên mãn thì mới hành trì được. Nói rõ hơn là muốn có Trí Không Phân Biệt hay Trí Bình Đẳng, thì trước tiên phải có Trí Bát Nhã như nói theo Đạo Phật hay Trí Vô Đối như nói theo Đạo Cao Đài.

Trí Vô Đối của Đạo Cao Đài bao hàm Trí Bát Nhã và Trí Bình Đẳng. Phải có Trí Vô Đối trước rồi Bình Đẳng hay Công Bình (Justice) mới xuất hiện. Nói khác hơn là Công Bình (Justice) hàm ý sự tỵ trung của Trí Vô Đối và Tâm Bình Đẳng theo giáo lý của Đạo Cao Đài, và giáo lý này được ghi trong Ảnh Tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh, Tòa Thánh của Đạo Cao Đài. Xin được trình bày rõ ràng hơn qua hai quyển sách “*Thiên Nhân Hiệp Nhứt*” và “*Bác Ái Công Bình*”. (Cùng tác giả)

KẾT LUẬN

TRƯỚC KHI PHẬT GIÁO DU NHẬP VÀO TRUNG QUỐC THÌ NHO GIÁO CŨNG LÀ KHỔNG GIÁO đã có dạy Tu Thân.

Giáo pháp Tu Thân của Khổng giáo được trình bày qua Tứ Thư và Ngũ Kinh, rõ nhất là với Kinh Dịch, sách Đại Học và Trung Dung.

Trong sách Đại học, Khổng giáo đã chỉ rõ tất cả các công đoạn cần phải thực hành để Tu Thân, từ Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chính Tâm, rồi mới đến Tu Thân.

Nói rõ hơn, nếu muốn Tu Thân theo giáo lý Khổng giáo thì điều cần thiết theo sách Đại học dạy là trước tiên con người phải Cách Vật. Tu Thân bắt đầu với Cách Vật là theo đúng tông chỉ của Khổng giáo.

Tông chỉ của Khổng giáo là Thiên lý mà cũng theo Khổng giáo thì Thiên lý vốn là bản thể của con người.

Thiên lý với Khổng giáo luôn luôn chí thiện thì con người với bản tính hay chính mệnh có nguồn gốc từ Thiên lý cũng vốn Thiện.

Mạnh Tử có nói rõ là cái chính mệnh của con người bắt nguồn từ Thiên lý và Thiên lý luôn chí thiện cũng như con người thì ai cũng vốn thiện.

Chính cái yếu chí thiện là cốt lõi trong Đạo Khổng, vì thế nên Khổng giáo mới nói rằng con người từ thuở ban sơ tính vốn Thiện.

“Tinh người thiện lành như nước chảy xuống thấp vậy: Người không ai là không thiện. Nước không lúc nào là không chảy xuống thấp”. (Nhơn chi sơ Tánh bốn thiện. Nhơn chi tính thiện giả, do thủy chi tựu hạ giả; Nhơn vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ).

Nói rõ hơn, theo Khổng Tử cũng như Mạnh Tử và các Nho gia sau này, nhất là Tống Nho và Minh Nho thì *“Thiên mệnh chi vị tính”* có nguồn gốc từ Trời vốn vẫn thiện lành. Sở dĩ cái thiện lành đó lần hồi lại mất đi và *“Thiên mệnh chi vị Tánh”* trở thành cái *“Khí chất chi vị tính”*, đó là chỉ do chạm cảnh nhập duyên mà có, khiến cho Thánh phải hoá ra phàm. Nếu nay muốn làm cho phàm trở thành Thánh thì điều cần thiết là phải Tu Thân.

Để Tu Thân thì trước tiên phải Cách Vật tức *“vi thiện khử ác”*, vì vi thiện khử ác thị Cách Vật vậy.

Nói tóm lại, với Nho giáo hay Khổng giáo thì Tu Thân trước nhất không gì khác hơn là *“vi thiện khử thiên ác”*. Vi thiện khử ác là để trở về với bản thể thiện mà thiện là Thiên lý. Vậy trở về với thiện là trở về với Thiên lý cũng có nghĩa là *“Thiên Nhơn Hiệp Nhứt”*, tức con người có thể trở lại cõi Trời để thành Chư Thiên nếu biết Tu Thân mà Kinh của Đạo Cao Đài, với kết quả siêu thăng có nói rằng:

“Từ từ Cực Lạc an vui,

Lánh nơi trước khí hưởng mùi siêu thăng”.

■ *Kinh Tận Độ*

Hay:

“Cửa Tây Phương khá bay đến chốn,

Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu.

Tiên phong Phật cốt mỹ miều,

Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh”.

■ *Kinh Tận Độ*

Hoặc:

*“Đã quá chín tầng Trời đến vị,
Thần đặng an Tinh, Khí cũng an”.*

■ *Kinh Tận Độ*

“Đã quá chín tầng Trời đến vị, Thần đặng an Tinh, Khí cũng an”, đó là sẽ đi đến tu Thiên Đạo thứ hai, vượt qua siêu thăng để đi đến giải thoát.

Muốn giải thoát thì sau khi siêu thăng cần phải tu tiếp.

Tu tiếp ở đây là không những chỉ hành Thiện thôi đâu, như Kinh Kim Cang Đạo Phật đã nói *“Tu nhất thiết thiện pháp tức đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề”*.

Tu tiếp còn có nghĩa hơn thế nữa, đó là phải *“Tự tịnh kỳ ý”* như Thiên sư Ô Sào đã nói với đại thi hào Bạch Cư Dị, hay *“Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả”* như Phật đã nói ở Kinh Kim Cang tại Chương 23, mà với Đạo Nho hay Đạo Khổng thì để thực hành giáo pháp Tu Tâm đạt Thiên Đạo này, sách Đại Học cũng nói thêm rằng *“Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý”*; có nghĩa là muốn Tu Thân thì trước đó phải chính cái Tâm, thành cái Ý, thì mới đi từ Nhơn Đạo đến Thiên Đạo siêu thăng và giải thoát được; cũng có nghĩa là từ con người ở trần gian, sống giữa trần thế tu để *“Thiên Nhơn Hiệp Nhứt”* tức trở lại cảnh Thiên, mà Thiên theo Nho giáo hay Khổng giáo có nghĩa là Trời mà cũng là Phật.

Nói tóm lại, về Tu Thân, tu từ Nhơn Đạo đến Thiên

Đạo thì Tứ Thư Ngũ Kinh của Khổng giáo có nói đầy đủ tất cả, rõ nhất là với cách tu Thiên Đạo giải thoát thì sách Đại Học, Trung Dung và Kinh Dịch cũng có nói chẳng khác chi Đạo Phật.

Đạo Cao Đài cũng không khác Khổng giáo.

Đạo Cao Đài cũng dạy Tu Thân cũng như Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo, nhưng có khác chẳng là ở cách dụng công. Trong cách dụng công để thực hành Nhơn Đạo cũng như Thiên Đạo siêu thăng hầu bước đến Thiên Đạo giải thoát, Đạo Cao Đài có dạy “**Ba con đường tu**” và “**Giáo pháp Tam Lập**”.

Tam Lập là giáo pháp dạy tu bậc Nhân, bậc Thánh, rồi sau khi siêu thăng sẽ đến Thiên Đàng, mà theo như Khổng giáo hay Nho giáo thì “Những người đã tu đến bậc Nhân bậc Thánh sau khi chết rồi lên ở trên Trời như trong Kinh Thi có nói rằng “*Tam hậu tại Thiên*” hay là “*Văn Vương trác giảng tại Đế hữu*”.^[5]

Đây cũng chính là giáo pháp đã được Phật giáo dạy qua cách tu Thập Thiện với Kinh Thập Thiện mà Lục Tổ Huệ Năng cũng đã có nói rằng: “*Nầy Thiện Tri Thức, làm mười điều Thiện thì Thiên Đàng liền đến*”.

Tóm lại, Đạo Cao Đài với giáo lý Tam Giáo Qui Nguyên cũng có cách tu Nhơn Đạo và Thiên Đạo như Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo.

Đặc biệt là với giáo pháp Tu là để “*bỏ Thú làm Trời*”, bỏ phàm phu để chuẩn bị bước vào đất Phật, Đạo Cao Đài có dạy tu Tam Lập.

[5] Nho giáo, Trần Trọng Kim, quyển Thượng, trg. Tựa 21, 22, Trung Tâm Học Liệu – Bộ Giáo Dục – Sài Gòn, 1971.

Tam Lập sẽ được trình bày riêng để nhưn sanh có thể trông vào đó mà tu nhằm đến Thiên Đàng hay bước vào đất Phật.

Vào thẳng đất Phật tức tu để đốn ngộ, giải thoát hay trực chỉ Chân Tâm kiến Tánh thành Phật thì thật sự có khó khăn.

Khó khăn vì cần phải có Dũng trong Bi, Trí, Dũng và phải dụng công rất nhiều. Nhưng đến cõi Trời, nếu biết rõ cách tu và tu đúng thì chẳng có gì khó khăn cho lắm. Với một đời tu, con người có thể đạt thành ý nguyện, có thể đến Thiên Đàng.

Chỉ có một điều xin được nói rõ là các lập luận cho rằng tu Phước để lên cõi Trời rồi sau khi hưởng hết phước sẽ rớt lại xuống trần gian hay địa ngục, vì ở cõi Trời không có Pháp, không có dạy Đạo, không có dạy Tu.

Đây là một lập luận không hoàn toàn đúng. Người tu Thập Thiện lên được cõi Trời là các Chư Thiên. Chư Thiên ở cõi Trời vẫn có thể tiếp tục lập công bồi đức, tiếp tục tu tập để cao thăng đến cõi Phật. ■

HẾT

TRI ÂN

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI XIN CHÂN THÀNH TRI ÂN:

* Quý Đồng Đạo

* Quý Cơ Sở Đạo – Quý Cơ Sở Kinh Doanh

* Quý vị Đạo Tâm và Thân hữu đã tích cực yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo trong việc phổ truyền Chơn Pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh từ ngày Ban Thế Đạo Hải Ngoại được thành lập (tháng 12-1995) cho đến ngày hôm nay; đặc biệt là trong việc in Kinh Sách, Bản Tin, Tập San.. v.. v..

Nếu không có sự yểm trợ quý báu và đều đặn của Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ chắc chắn là Ban Thế Đạo Hải Ngoại không có được sinh hoạt như ngày hôm nay.

Một lần nữa Ban Thế Đạo Hải Ngoại chúng tôi xin chân thành tri ân và chúng tôi sẽ cố gắng hết sức mình để khỏi làm phụ lòng quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ.

Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng chan rưới hồng ân cho toàn thể quý Hiền Huynh Hiền Tỷ và quý quyến luôn được dồi dào sức khỏe, vạn sự an lành và tu tiến trên đường lập vị.

Thành thật tri ân.

San Jose, ngày 15- 10-2010

Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Hiền Tài LÊ VĂN THÊM



(Sinh năm 1932 tại Tây Ninh)

- Cựu học sinh Đạo Đức Học Đường, Tòa Thánh Tây Ninh.
- Tốt nghiệp Khóa 6 Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn (1961).
- Tốt nghiệp Đại Học Deakin, Melbourne – Úc Châu với bằng Graduate Diploma in Interpreting & Translating, NAATI Level Three (1993).

* * *

- Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Chương Thiện, Tỉnh Vĩnh Bình, Tỉnh Kiên Giang, Tỉnh Định Tường, Phó Thị Trưởng Thị Xã Mỹ Tho.
- Giám Sát Viên Giám Sát Viện Việt Nam Cộng Hoà (1972–1975).

* * *

- Tu tại gia, nghiên cứu Tam giáo, đã viết nhiều bài về Tôn giáo đăng trên Tập San Thế Đạo, các báo Đạo Phật...

Đã in thành sách:

- “*Giới, Đường tới Thiên Đàng*” (song ngữ Việt Anh), Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản năm 2009 tại Hoa Kỳ).
- “*Tu Thân*”, Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản tháng 12-2010 tại Hoa Kỳ.

TU THÂN

Soạn giả: HT. Lê Văn Thêm

Tu Thân, tác phẩm thứ nhì của Hiền Tài Lê Văn Thêm được xuất bản lần đầu tiên (năm 2010) tại Hoa Kỳ.

Tu Thân do Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản.

Kinh Sách do Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản được gửi kính biểu quý Đồng Đạo, quý Thân hữu và quý Độc giả.

Mọi sự yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại in ấn Kinh Sách xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr San Jose, CA 95121-1716

Check hoặc Money Order xin ghi:

Trả cho: Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Nơi Memo (For) xin đề: In Kinh sách

Về Kinh sách xin liên lạc:

- HT Nguyễn Văn Cầu, Phone: 408-262-4209
- HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: 408-926-9186
- HT Nguyễn Ngọc Dũ, Email: dutani@comcast.net
Phone: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372

TU THÂN

SOẠN GIÁ: HT. LÊ VĂN THÊM
Biên Soạn